

**TỔNG CỤC THỂ DỤC THỂ THAO  
TRUNG TÂM DOPING VÀ Y HỌC THỂ THAO**

***BỘ LUẬT***

**PHÒNG CHỐNG  
DOPING THẾ GIỚI - 2009**

**NHÀ XUẤT BẢN THỂ DỤC THỂ THAO**



World Anti-Doping Code

Published by: World Anti-Doping Agency

Stock Exchange Tower, 800 Place Victoria (Suite 1700)

URL: [www.wada-ama.org](http://www.wada-ama.org) PO Box 120, Montreal, Quebec, Canada H4Z 1B7

***Nhóm biên dịch:***

PGS.TS. Nguyễn Xuân Ninh

ThS. Nguyễn Thị Mến

CN. Nguyễn Quang Vinh, và CS

***Hội đồng thẩm định:***

GS.TS. Dương Nghiệp Chí

GS.TS. Lê Quý Phương

GS.TS. Lâm Quang Thành

ThS. BS. Nguyễn Văn Phú

PGS.TS. Nguyễn Xuân Ninh

***Thư ký biên dịch:***

ThS. Nguyễn Thị Mến

CN. Nguyễn Phương Anh

## MỤC LỤC

<i>Lời nói đầu</i>	15
MỤC ĐÍCH, PHẠM VI VÀ TỔ CHỨC CHƯƠNG TRÌNH CHỐNG DOPING THỂ GIỚI VÀ BỘ LUẬT PHÒNG CHỐNG DOPING THỂ GIỚI	17
BỘ LUẬT PHÒNG CHỐNG DOPING THỂ GIỚI	17
Chương trình phòng chống Doping thể giới	18
Bộ các “Tiêu chuẩn quốc tế”	18
Các tài liệu kỹ thuật và hướng dẫn thực hiện	19
Cơ sở của việc ban hành Bộ Luật phòng chống doping thể giới	21
CÁC ĐỊNH NGHĨA	22
CHƯƠNG I. KIỂM TRA DOPING	39
GIỚI THIỆU	39
ĐIỀU 1. KHÁI NIỆM VỀ DOPING	44

ĐIỀU 2. CÁC HÀNH VI VI PHẠM LUẬT CHỐNG DOPING	44
2.1. Có Chất bị cấm hoặc các chất Chuyển hóa hoặc các Dấu vết của chất bị cấm trong mẫu xét nghiệm của Vận động viên	44
2.2. Sử dụng hoặc Cố tình sử dụng Chất bị cấm hay Phương pháp bị cấm .	47
2.3. Bỏ qua (làm lờ) hoặc từ chối thực hiện việc lấy mẫu thử mà không phải vì lý do bất khả kháng sau khi có thông báo, hoặc lẩn trốn việc lấy mẫu thử	49
2.4. Vi phạm các yêu cầu liên quan đến sự có mặt của Vận động viên để kiểm tra doping ngoài thi đấu	49
2.5. Ngụy tạo hoặc cố tình ngụy tạo đối với bất kỳ công đoạn nào của việc kiểm tra Doping	50
2.6. Sở hữu Chất bị cấm và Phương pháp bị cấm	51
2.7. Buôn bán hoặc đã cố tình buôn bán Chất bị cấm hay Phương pháp bị cấm nào đó	52
2.8. Cho Vận động viên uống/sử dụng hoặc đã cố tình cho Vận động viên uống/sử dụng Chất bị cấm hoặc Phương pháp cấm trong khi thi đấu	52

ĐIỀU 3. BẰNG CHỨNG VỀ DOPING	53
3.1. Trách nhiệm và Tiêu chuẩn của bằng chứng	53
3.2. Các phương pháp chứng minh bằng sự việc thực tế và bằng lập luận	54
ĐIỀU 4. DANH MỤC CÁC CHẤT BỊ CẤM VÀ PHƯƠNG PHÁP BỊ CẤM	58
4.1. Việc công bố và sửa đổi Danh mục Chất và Phương pháp bị cấm	58
4.2. Các Chất bị cấm và Phương pháp bị cấm được xác định trong Danh mục cấm	59
4.3. Tiêu chí đưa Chất bị cấm và Phương pháp cấm vào Danh mục cấm	62
4.4. Điều khoản Miễn trừ	65
4.5. Chương trình giám sát	67
ĐIỀU 5. KIỂM TRA DOPING	69
5.1. Lên kế hoạch phân bổ mẫu kiểm tra	69
5.2. Các tiêu chuẩn đối với việc tiến hành Kiểm tra doping	70
5.3. Vận động viên đã nghỉ thi đấu quay trở lại thi đấu	70

ĐIỀU 6. PHÂN TÍCH MẪU	72
6.1. Sử dụng phòng thí nghiệm đã được phê chuẩn	72
6.2. Mục đích của việc thu thập và phân tích mẫu	73
6.3. Nghiên cứu các mẫu	73
6.4. Tiêu chuẩn cho việc phân tích mẫu và báo cáo	73
6.5. Kiểm tra lại mẫu	74
ĐIỀU 7. QUẢN LÝ KẾT QUẢ	75
7.1. Quá trình xem xét bước đầu đối với những Kết quả phân tích lợi	75
7.2. Thông báo sau khi xem xét bước đầu về Kết quả phân tích bất lợi	76
7.3. Xem xét lại Kết quả phân tích không hợp thức	77
Điều 7.4. Xem xét những hành vi phạm luật chống doping chưa được đề cập tới trong các Điều 7.1 đến 7.3	79
Điều 7.5. Nguyên tắc áp dụng các hình thức Đình chỉ thi đấu tạm thời	80

7.6. Ngừng tham gia thi đấu thể thao	83
ĐIỀU 8. QUYỀN ĐƯỢC GIẢI TRÌNH MỘT CÁCH MINH BẠCH	85
8.1. Phiên xét xử nghe đương sự Giải trình	85
8.2. Giải trình tại Giải đấu	86
8.3. Khước từ quyền được Giải trình	87
ĐIỀU 9. MẶC NHIÊN BỊ TƯỚC BỎ THÀNH TÍCH THI ĐẤU CÁ NHÂN	88
ĐIỀU 10. CÁC HÌNH THỨC XỬ PHẠT ĐỐI VỚI CÁ NHÂN	89
10.1. Huỷ bỏ các kết quả tại Giải đấu mà ở đó có vi phạm về Doping	89
10.2. Tước bỏ tư cách tham gia thi đấu đối với các hành vi Sử dụng, Cố tình sử dụng hoặc Sở hữu các Chất và Phương pháp bị cấm	90
10.3. Tước bỏ tư cách tham gia thi đấu đối với các hành vi vi phạm doping khác	92
10.4. Huỷ bỏ hoặc giảm thời hạn bị Tước bỏ tư cách tham gia thi đấu trong trường hợp tìm thấy các Chất đặc hiệu với những tình tiết đặc biệt	94

10.5. Huỷ bỏ hoặc giảm bớt thời hạn bị Tước bỏ tư cách tham gia thi đấu căn cứ vào những tình tiết đặc biệt	97
10.6. Những tình tiết tăng nặng có thể dẫn tới tăng mức thời hạn bị Tước bỏ tư cách	113
10.7. Vi phạm nhiều lần	115
10.8. Tước bỏ kết quả trong các cuộc thi đấu sau khi mẫu có kết quả dương tính hoặc vi phạm Luật chống Doping	121
10.9. Mốc khởi đầu của thời hạn bị Tước bỏ tư cách	122
10.10. Đình chỉ thi đấu	125
10.11. Phục hồi tư cách cho vận động viên	128
10.12. Các hình phạt về tài chính	129
<b>ĐIỀU 11. NHỮNG HẬU QUẢ LIÊN LUY TỚI CÁC ĐỘI</b>	<b>130</b>
11.1. Kiểm tra doping ở các môn thể thao đồng đội	130
11.2. Xử phạt đối với các môn thể thao đồng đội	130



11.3. Cơ quan tổ chức Giải đấu có quyền quy định những hình phạt nghiêm khắc hơn đối với các đội thể thao	130
ĐIỀU 12. HÌNH PHẠT ĐỐI VỚI CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC THỂ THAO	132
ĐIỀU 13. KHIẾU NẠI	133
13.1. Khiếu nại các quyết định	133
13.2. Khiếu nại các quyết định liên quan tới các hành vi vi phạm luật chống Doping, các hình thức xử phạt và các trường hợp bị Đình chỉ thi đấu tạm thời	134
13.3. Tổ chức chống Doping không đưa ra quyết định phản hồi kịp thời	138
13.4. Khiếu nại các quyết định cho hưởng hoặc từ chối Miễn trừ do điều trị	139
13.5. Khiếu nại các quyết định Chương ba và Chương bốn của Bộ Luật này	140
13.6. Khiếu nại các quyết định đình chỉ hoặc thu hồi giấy phép hoạt động của phòng thí nghiệm	140
ĐIỀU 14. QUY ĐỊNH VỀ BẢO MẬT VÀ TRÁCH NHIỆM BÁO CÁO	142

14.1. Thông tin liên quan tới Kết quả phân tích bất lợi, Kết quả phân tích không hợp thức và những vi phạm doping khác có thể xảy ra	142
14.2. Công bố rộng rãi	144
14.3. Thông tin Hồ sơ nơi ở của Vận động viên	146
14.4. Báo cáo thống kê	146
14.5. Ngân hàng dữ liệu Kiểm tra doping	147
14.6. Chế độ bảo mật	148
<b>ĐIỀU 15. PHÂN ĐỊNH RÕ TRÁCH NHIỆM KIỂM TRA DOPING</b>	<b>149</b>
15.1. Kiểm tra trong thi đấu	149
15.2. Kiểm tra doping ngoài thi đấu	151
15.3. Quản lý kết quả. Xét xử và các hình phạt	152
15.4. Công nhận lẫn nhau	154
<b>ĐIỀU 16. KIỂM TRA DOPING ĐỐI VỚI CÁC MÔN THỂ THAO CÓ SỰ THAM GIA CỦA ĐỘNG VẬT</b>	<b>156</b>
<b>ĐIỀU 17. THỜI HIỆU XỬ PHẠT</b>	<b>156</b>

CHƯƠNG II. CÔNG TÁC GIÁO DỤC VÀ NGHIÊN CỨU PHÒNG CHỐNG DOPING	157
ĐIỀU 18. CÔNG TÁC GIÁO DỤC PHÒNG CHỐNG DOPING	157
18.1. Nguyên tắc cơ bản và mục tiêu chính của công tác giáo dục phòng chống doping	157
18.2. Các chương trình và hoạt động	157
18.3. Các quy tắc ứng xử chuyên nghiệp	159
18.4. Việc điều phối và phối hợp hành động	160
ĐIỀU 19. CÔNG TÁC NGHIÊN CỨU PHÒNG CHỐNG DOPING	161
19.1. Mục đích của việc nghiên cứu chống doping	161
19.2. Các dạng đề tài cần nghiên cứu	161
19.3. Phối hợp nghiên cứu và chia sẻ kết quả	162
19.4. Hoạt động nghiên cứu	162
19.5. Các nghiên cứu sử dụng các Chất bị cấm và các Phương pháp bị cấm	162
19.6. Sự lạm dụng các kết quả nghiên cứu	162

CHƯƠNG III. VAI TRÒ VÀ TRÁCH NHIỆM	163
ĐIỀU 20. VAI TRÒ VÀ TRÁCH NHIỆM KHÁC CỦA CÁC BÊN KÝ KẾT	163
20.1. Vai trò và trách nhiệm của Ủy ban Olympic quốc tế	163
20.2. Vai trò và trách nhiệm của Ủy ban Paralympic quốc tế	165
20.3. Vai trò và trách nhiệm của các Liên đoàn thể thao quốc tế	166
20.4. Vai trò và trách nhiệm của Ủy ban Olympic quốc gia và Ủy ban Paralympic quốc gia	169
20.5. Vai trò và trách nhiệm của các Tổ chức chống Doping quốc gia	170
20.6. Vai trò và trách nhiệm của Ban tổ chức Giải đấu lớn	171
20.7. Vai trò và trách nhiệm của WADA	173
ĐIỀU 21. VAI TRÒ VÀ TRÁCH NHIỆM KHÁC CỦA VẬN ĐỘNG VIÊN VÀ CÁC TỔ CHỨC, CÁ NHÂN KHÁC	175
21.1. Vai trò và trách nhiệm của Vận động viên	175

21.2. Vai trò và trách nhiệm của Cán bộ, Nhân viên trợ giúp Vận động viên	175
ĐIỀU 22. VAI TRÒ CỦA CHÍNH PHỦ CÁC NƯỚC	177
CHƯƠNG IV. VIỆC CHẤP NHẬN, TUÂN THỦ, BỔ SUNG, SỬA ĐỔI VÀ GIẢI THÍCH VỀ BỘ LUẬT	179
ĐIỀU 23. CHẤP NHẬN, TUÂN THỦ VÀ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG BỘ LUẬT	179
23.1. Chấp nhận Bộ Luật này	179
23.2. Việc thực thi Bộ Luật	180
23.3. Việc tuân thủ Bộ Luật	182
23.4. Giám sát việc Tuân thủ Bộ Luật và Công ước UNESCO	182
23.5. Những hậu quả khác mà Bên đã ký kết có thể phải chịu nếu không tuân thủ Bộ Luật	184
23.6. Việc sửa đổi Bộ Luật	185
23.7. Rút khỏi thỏa ước chấp nhận Bộ Luật	186
ĐIỀU 24. GIẢI THÍCH THÊM VỀ BỘ LUẬT	187
ĐIỀU 25. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI NHỮNG TÌNH HUỐNG QUÁ ĐỘ CỦA LUẬT	189

25.1. Thời điểm áp dụng chính thức Bộ Luật- 2009	189
25.2. Không áp dụng hồi tố trừ khi nguyên tắc “Lex Mitior” được áp dụng	189
25.3. Áp dụng đối với những Quyết định được tổng đạt trước Bộ Luật 2009	190
25.4. Việc áp dụng đối với những vi phạm các điều luật chống doping có hiệu lực đến trước ngày Bộ Luật này được thông qua mà có liên quan đến Chất đặc hiệu	190
25.5. Các sửa đổi khác của Bộ Luật	191

## **LỜI NÓI ĐẦU**

*Việt Nam ký cam kết tham gia Công ước quốc tế Copenhagen về phòng chống doping trong thể thao từ năm 2004. Bộ Luật phòng chống doping thể giới là cơ sở pháp lý chính thức được áp dụng trên phạm vi toàn cầu, kèm theo Bộ Luật là các Tiêu chuẩn quốc tế, nhằm chi tiết hóa cho Bộ Luật: Danh mục các chất cấm, Tiêu chuẩn kiểm tra, Tiêu chuẩn phòng xét nghiệm, Tiêu chuẩn về miễn trừ do điều trị, Tiêu chuẩn bảo vệ quyền riêng tư và thông tin cá nhân của vận động viên...*

*Mục đích của Bộ Luật phòng chống doping thể giới là bảo vệ quyền cơ bản của Vận động viên trên toàn thế giới, góp phần xây dựng một nền thể thao lành mạnh, công bằng, không doping; đảm bảo sự hài hòa, nhất quán, hiệu quả của các hoạt động chống Doping ở cấp quốc tế và quốc gia.*

*Dựa trên Bộ Luật và các Tiêu chuẩn kỹ thuật này, các nước, các liên đoàn thể thao khác nhau sẽ vận dụng để xây dựng và ban hành bộ tiêu chuẩn thích hợp cho mình, ví dụ mức độ xử phạt đối với Vận động viên vi phạm, xử phạt hành chính, kinh tế, thời gian ngừng thi đấu, số lần xét nghiệm kiểm tra doping trong 1 năm...*

*Do một số điều kiện khách quan, cho đến nay Việt Nam chưa đưa ra Bộ Luật và các Tiêu chuẩn dưới luật riêng về phòng chống doping; hầu như các Vận động viên dính Doping đều được phát hiện tại các sự kiện thể thao quốc tế, mức độ xử phạt cũng do ban tổ chức, hội đồng thể thao nước ngoài xét xử... Các giải thi đấu trong nước chưa được kiểm tra doping.*

Tháng 12/2011, Trung tâm Doping & Y học thể thao thuộc Tổng cục Thể dục Thể thao được Chính phủ thành lập, là cơ quan đầu mối và đại diện cao nhất ở Việt Nam về phòng chống doping. Một trong những nhiệm vụ trọng tâm của Trung tâm là truyền thông, phổ biến những kiến thức phòng chống doping đến với mỗi Vận động viên và các đối tượng liên quan (huấn luyện viên, bác sỹ, người phục vụ, cộng đồng xã hội...), giúp mọi người hiểu và nắm được nội dung của Bộ Luật cũng như các Tiêu chuẩn kỹ thuật dưới luật.

Được sự đồng ý của Tổng cục Thể dục Thể thao, Trung tâm Doping & Y học thể thao đã chủ trì biên dịch sang tiếng Việt **Bộ Luật phòng chống doping thế giới-2009** (World Anti-Doping Code-2009) và các tiêu chuẩn kỹ thuật kèm theo với mong muốn đưa được các kiến thức cần thiết đến tận các vận viên và các đối tượng liên quan, tại các Trung tâm huấn luyện, các cơ sở đào tạo, các cơ quan liên quan.

Các nội dung chính của Bộ Luật sẽ được đưa vào các chương trình tập huấn, truyền thông, website của Trung tâm Doping & Y học thể thao, cũng như trong thông tư của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về phòng chống doping.

Trong quá trình thực hiện, được sự góp ý của các Chuyên gia đầu ngành, nhóm biên dịch đã hết sức cố gắng, song chắc chắn không tránh khỏi thiếu sót, chúng tôi rất mong muốn và trân trọng cảm ơn những góp ý phê bình từ các độc giả để bản dịch ngày càng hoàn thiện hơn.

**TS. Nguyễn Văn Lý, Giám đốc  
Trung tâm Doping & Y học thể thao**



# **MỤC ĐÍCH, PHẠM VI VÀ TỔ CHỨC CHƯƠNG TRÌNH CHỐNG DOPING THẾ GIỚI VÀ BỘ LUẬT PHÒNG CHỐNG DOPING THẾ GIỚI**

---

*Mục đích của Bộ Luật phòng chống Doping thế giới và Chương trình chống Doping thế giới là:*

Bảo vệ quyền cơ bản của các Vận động viên được tham gia thi đấu thể thao lành mạnh, không có doping và do đó tăng cường sức khỏe, sự công bằng và bình đẳng cho các Vận động viên trên toàn thế giới.

Đảm bảo sự hài hòa, đồng bộ và có hiệu quả của chương trình chống Doping ở cấp quốc tế và quốc gia trong việc phát hiện, loại bỏ và phòng chống Doping.

## **BỘ LUẬT PHÒNG CHỐNG DOPING THẾ GIỚI**

Bộ Luật phòng chống Doping thế giới là văn kiện cơ bản làm nền tảng cho chương trình phòng chống Doping thế giới. Mục đích của Bộ Luật là thúc đẩy các nỗ lực phòng chống Doping thông qua sự cân đối các yếu tố cốt lõi. Bộ Luật được soạn thảo đầy đủ và chi tiết để đạt được sự hài hòa tuyệt đối các yêu cầu về tính đồng nhất, nhưng đủ tổng quát trên các lĩnh vực khác nhau, cho phép thực hiện linh hoạt theo những nguyên tắc phòng chống Doping đã thỏa thuận.

*(Chú giải: Hiến chương Olympic có hiệu lực từ ngày 07/07/2007, và Công ước UNESCO được thông qua tại Paris ngày 19/10/2006, cả hai văn kiện này đều công nhận việc ngăn chặn và đấu tranh chống Doping trong thể thao là một phần quan trọng trong sứ mệnh của Ủy ban Olympic quốc tế, của UNESCO và đồng thời cũng công nhận vai trò nền tảng của Bộ Luật này).*

### **Chương trình phòng chống Doping thế giới**

Chương trình phòng chống Doping thế giới bao gồm tất cả các công cụ cần thiết để đảm bảo sự hài hòa tối ưu và thực hiện tốt nhất các chương trình quốc gia và quốc tế phòng chống Doping. Các công cụ chính bao gồm:

- Mức độ 1: Bộ Luật.
- Mức độ 2: Bộ các tiêu chuẩn quốc tế.
- Mức độ 3: Các phiên bản vận dụng và hướng dẫn thực hiện.

### **Bộ các “Tiêu chuẩn quốc tế”**

Các “Tiêu chuẩn quốc tế” đối với các lĩnh vực hoạt động tác nghiệp và kỹ thuật khác nhau trong khuôn khổ chương trình phòng chống Doping sẽ được xây dựng với sự tham vấn của các bên ký kết và các chính phủ và được WADA phê chuẩn. Mục đích của việc xây dựng các “Tiêu chuẩn quốc tế” là tạo ra sự phối hợp hài hòa giữa các Tổ chức chống Doping chịu trách nhiệm về mặt kỹ thuật chuyên môn và các phần việc của các chương trình

chống Doping. Tuân thủ các “Tiêu chuẩn quốc tế” là bắt buộc đối với việc chấp hành Bộ Luật này. Các “Tiêu chuẩn quốc tế” có thể được Ủy ban điều hành của WADA sửa đổi theo thời gian sau khi tham khảo ý kiến hợp lý từ các bên ký kết và các chính phủ. Trừ khi có những quy định khác trong Bộ Luật, các “Tiêu chuẩn quốc tế” và tất cả các sửa đổi của nó sẽ có hiệu lực kể từ ngày được ghi rõ trong đó.

*(Chú giải: Các “Tiêu chuẩn quốc tế” chứa đựng nhiều chi tiết chuyên môn cần thiết cho việc thực thi Bộ Luật. Các “Tiêu chuẩn quốc tế” khi phải đưa ngay vào Bộ Luật sẽ được các chuyên gia biên soạn sau khi tham vấn các bên ký kết và các chính phủ, và sẽ được giới thiệu trong các tài liệu chuyên môn riêng. Điều quan trọng là Ủy ban điều hành WADA có thể tiến hành những thay đổi kịp thời đối với các “Tiêu chuẩn quốc tế” mà không phải có bất kỳ sự sửa đổi nào của Bộ Luật hoặc các luật lệ riêng của các bên liên quan).*

### **Các tài liệu kỹ thuật và hướng dẫn thực hiện**

Các tài liệu kỹ thuật và hướng dẫn thực hiện dựa trên nền tảng Bộ Luật này đã được và sẽ được biên soạn để cung cấp các giải pháp thuộc những khía cạnh khác nhau của việc phòng chống Doping. Các tài liệu này sẽ được WADA giới thiệu và sẵn sàng cung cấp cho các bên ký kết nếu được yêu cầu, nhưng không phải là bắt buộc. Ngoài việc cung cấp các tài liệu chống Doping, WADA cũng sẽ tiến hành một số dự án hỗ trợ đào tạo cho các bên ký kết.

*(Chú giải: Sau khi thông qua Bộ Luật phòng chống Doping năm 2009, WADA đã tiến hành biên soạn các phiên bản luật và các quy định đã được sửa đổi phù hợp với nhu cầu của từng nhóm lớn các bên ký kết (ví dụ, các liên đoàn thể thao quốc tế, các Tổ chức chống Doping quốc gia). Những phiên bản luật và các quy định này đều nhất quán và dựa trên nền tảng Bộ Luật, là những tài liệu tác nghiệp đầy đủ nhất, bao gồm tất cả các chi tiết cần thiết (kể cả nguồn tra cứu về các tiêu chuẩn quốc tế) để tiến hành chương trình phòng chống Doping một cách có hiệu quả. Các phiên bản luật và các quy định này sẽ cung cấp các phương án thay thế khác mà các bên liên quan có thể lựa chọn. Một số bên liên quan có thể chọn và thông qua việc áp dụng các phiên bản luật và các quy định cùng các tài liệu kỹ thuật theo đúng nguyên văn. Các bên khác có thể quyết định áp dụng phiên bản có sự sửa đổi. Các bên liên quan cũng có thể chọn cách biên soạn luật và các quy định riêng của mình, phù hợp với các nguyên tắc chung và những yêu cầu chuyên môn được nêu trong Bộ Luật. Những phiên bản tài liệu và hướng dẫn khác cho các phần việc cụ thể của công tác phòng chống Doping có thể được phát triển dựa trên những yêu cầu và dự định chung đã được bên liên quan chấp thuận. Có thể bao gồm các tài liệu kỹ thuật hoặc hướng dẫn đối với các chương trình quốc gia phòng chống Doping, quản lý kết quả xét nghiệm, các chương trình giáo dục v.v. Tất cả các tài liệu sẽ được*

*WADA xem xét và thông qua trước khi chúng được đưa vào chương trình phòng chống Doping thế giới)*

### **Cơ sở của việc ban hành Bộ Luật phòng chống doping thế giới**

Các chương trình phòng chống Doping được đưa ra nhằm bảo tồn các giá trị đích thực của thể thao. Giá trị này thường được gọi là "tinh thần thể thao", nó là bản chất của tư tưởng Olympic, là cách chúng ta thi đấu trung thực. Tinh thần thể thao là sự tán dương ý chí, trí tuệ và thể chất con người, đặc trưng bởi các giá trị sau đây:

- Đạo đức, công bằng và trung thực
- Sức khỏe
- Thành tích thi đấu xuất sắc
- Tính cách và giáo dục
- Sự vui thích
- Tinh thần đồng đội
- Sự tận tâm và cống hiến
- Tôn trọng luật thi đấu
- Tôn trọng bản thân và đối thủ
- Can đảm
- Tính cộng đồng và tinh thần đoàn kết
- Doping về bản chất là trái với tinh thần thể thao.

## **CÁC ĐỊNH NGHĨA**

**Hệ thống quản trị dữ liệu Chống-Doping** (Anti-Doping Administration and Management System - ADAMS) Là hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu thông qua mạng máy tính để truy cập, lưu trữ, chia sẻ và công bố thông tin nhằm hỗ trợ các bên liên quan và WADA trong các hoạt động chống doping phù hợp với luật bảo vệ dữ liệu.

### **Kết quả phân tích bất lợi (Adverse Analytical Finding)**

Báo cáo của một phòng thí nghiệm hoặc cơ quan kiểm định khác đã được WADA công nhận, phù hợp với Tiêu chuẩn quốc tế đối với phòng thí nghiệm và các tài liệu kỹ thuật liên quan, xác định trong mẫu thử có chứa Chất bị cấm hoặc Chất chuyển hóa của nó hoặc các Dấu hiệu (kể cả hàm lượng tăng cao các chất nội sinh) hoặc bằng chứng của việc sử dụng một phương pháp bị cấm.

### **Tổ chức chống Doping (Anti - Doping Organization)**

Bên ký kết chịu trách nhiệm áp dụng, lựa chọn các điều luật để khởi xướng, thực hiện hoặc thi hành bất kỳ công đoạn nào trong quá trình Kiểm tra Doping.

Các tổ chức này bao gồm, ví dụ, Ủy ban Olympic quốc tế, Ủy ban Paralympic quốc tế, các cơ quan tổ chức giải đấu lớn có tiến hành kiểm tra doping tại các giải đấu,

WADA, các liên đoàn thể thao quốc tế và các Tổ chức chống Doping quốc gia.

### **Vận động viên (Athlete)**

Bất kỳ cá nhân nào khi tham gia thi đấu thể thao ở đẳng cấp quốc tế (được Liên đoàn thể thao quốc tế tương ứng xác nhận), cấp quốc gia (được Tổ chức chống Doping quốc gia xác nhận), bao gồm, nhưng không giới hạn, những người có tên trong danh sách những trường hợp phải xét nghiệm Doping đã đăng ký), và bất kỳ đấu thủ nào khác thuộc thẩm quyền quản lý của một tổ chức thể thao hoặc bên ký kết công nhận Bộ Luật phòng chống Doping thế giới. Tất cả các điều khoản quy định của Bộ Luật, kể cả việc kiểm tra doping và TUE (điều khoản miễn trừ) phải được áp dụng cho các Vận động viên cấp quốc tế và quốc gia. Một số Tổ chức chống Doping quốc gia có thể được lựa chọn để kiểm tra và áp dụng luật chống doping đối với các Vận động viên tham gia giải đấu các môn thể thao giải trí hoặc các cuộc thi tài năng thể thao mà họ không phải là những Vận động viên chính thức hoặc Vận động viên tiềm năng cấp quốc gia. Tuy nhiên, không bắt buộc các Tổ chức chống Doping quốc gia phải áp dụng tất cả các điều khoản của Bộ Luật đối với những cá nhân này. Các quốc gia có thể xây dựng luật riêng về kiểm tra Doping đối với Vận động viên không phải là đẳng cấp quốc gia hoặc quốc tế mà không mâu thuẫn với Bộ Luật này. Như vậy, một quốc gia có

thể lựa chọn các Vận động viên tham gia các giải đấu thể thao giải trí để tiến hành kiểm tra doping nhưng không yêu cầu điều kiện điều trị miễn trừ hay cung cấp thông tin về nơi ở. Tương tự, một Cơ quan tổ chức giải đấu lớn chỉ tổ chức cho vận động viên tham gia cuộc thi tài năng thể thao có thể lựa chọn vận động viên để kiểm tra nhưng không yêu cầu trước về điều kiện miễn trừ do điều trị hay cung cấp thông tin về nơi ở. Theo quy định tại Điều 28 (*Cho Vận động viên uống/sử dụng hoặc đã có tình cho Vận động viên uống/sử dụng Chất bị cấm hoặc Phương pháp cấm*), và quy định về việc cung cấp thông tin và giáo dục phòng chống doping thì mọi cá nhân tham gia hoạt động thể thao thuộc thẩm quyền của Bên ký kết, chính phủ hay bất kỳ tổ chức thể thao nào khác công nhận Bộ Luật này đều là vận động viên.

*(Chú giải: Định nghĩa này quy định rõ ràng rằng tất cả các vận động viên đẳng cấp quốc tế và quốc gia đều phải tuân thủ các điều luật chống doping của Bộ Luật này, cùng với những định nghĩa cụ thể về thể thao đẳng cấp quốc gia và đẳng cấp quốc tế được nêu trong các điều luật về chống doping của các Liên đoàn thể thao quốc tế và các Tổ chức chống doping quốc gia.*

*Đối với đẳng cấp quốc gia, luật chống doping được áp dụng theo đúng những quy định của Bộ Luật này, ít nhất là với mọi cá nhân trong đội tuyển quốc gia và tất cả các Vận động viên đủ tư cách tham gia bất kỳ giải*



*Vô địch quốc gia ở bất cứ môn thể thao nào. Tuy nhiên, điều này không có nghĩa là tất cả các vận động viên này phải được đưa vào nhóm đăng ký kiểm tra doping của Tổ chức chống doping quốc gia. Định nghĩa này cũng cho phép mỗi Tổ chức chống doping quốc gia, nếu lựa chọn cách làm trên, mở rộng chương trình chống doping từ đối tượng vận động viên cấp quốc gia tới các vận động viên ở đẳng cấp thấp hơn. Vận động viên tham gia thi đấu ở mọi trình độ đều phải được giáo dục và cung cấp thông tin về phòng chống doping).*

### **Cán bộ, nhân viên trợ giúp vận động viên (Athlete Support Personnel)**

Huấn luyện viên, trợ lý huấn luyện, người quản lý câu lạc bộ, nhân viên, quan chức, cán bộ y tế, bác sỹ cá nhân, bố mẹ hoặc người khác đang cùng làm việc, chăm sóc hoặc hỗ trợ Vận động viên tham gia hoặc chuẩn bị cho các cuộc thi đấu thể thao.

### **Hành động cố tình (Attempt)**

Tham gia một cách có chủ đích vào hành vi tạo nên bước tiến đáng kể theo một quy trình đã được lập kế hoạch nhằm đạt được thành tích tốt đỉnh trong khi vi phạm luật chống doping. Tuy nhiên, sẽ không có hành vi phạm luật chống doping với bằng cứ duy nhất là một hành động cố tình vi phạm, với điều kiện, nếu người đó từ bỏ hành động cố tình này trước khi nó được phát hiện bởi một bên thứ ba không liên quan.

## **Kết quả phân tích không hợp thức (Atypical Finding)**

Báo cáo từ một phòng thí nghiệm hoặc một cơ quan kiểm định khác được WADA công nhận yêu cầu điều tra thêm theo quy định về Tiêu chuẩn quốc tế đối với các phòng thí nghiệm hoặc các tài liệu kỹ thuật liên quan trước khi khẳng định phát hiện Kết quả phân tích bất lợi.

### **CAS (The Court of Arbitration for Sport):**

Tòa án thể thao

### **(Code) – The World Anti-Doping Code:**

Bộ Luật phòng chống Doping thể giới

### **Cuộc thi đấu (Competition)**

Một cuộc đua, trận đấu, cuộc thi đấu đơn lẻ hoặc cuộc thi của riêng môn điền kinh. Ví dụ, một trận bóng rổ hay vòng chung kết nội dung chạy 100 mét Olympic ở môn điền kinh. Đối với các cuộc đua theo chặng và các cuộc thi điền kinh khác mà giải thưởng được trao trên cơ sở thành tích đạt được hàng ngày hay thành tích ở những chặng sơ bộ khác thì việc phân biệt giữa cuộc thi đấu và giải đấu sẽ phải theo quy định trong luật thi đấu của Liên đoàn thể thao quốc tế cụ thể.

### **Hậu quả của những hành vi vi phạm Luật chống-Doping (Consequences of Anti-Doping Rules Violations)**

Sự vi phạm Luật chống Doping của Vận động viên hoặc của một Tổ chức, Cá nhân nào khác có thể dẫn đến

một trong những hậu quả sau: (a) *Truất quyền thi đấu*, có nghĩa là thành tích của Vận động viên trong một cuộc thi đấu riêng lẻ hoặc ở một giải đấu sẽ không được công nhận, cùng với tất cả các hậu quả kèm theo, kể cả việc bị tước huy chương, điểm số và phần thưởng, (b) *bị Tước bỏ tư cách*. Có nghĩa là Vận động viên hoặc Tổ chức, Cá nhân vi phạm sẽ bị cấm tham gia bất kỳ cuộc thi đấu hay hoạt động hoặc nhận tài trợ theo quy định tại Điều 10.9 của Bộ Luật này trong một khoảng thời gian nhất định và (c) *Đình chỉ thi đấu tạm thời*. Có nghĩa là các Vận động viên hay Tổ chức, cá nhân đó sẽ tạm thời bị cấm tham gia bất kỳ Cuộc thi đấu nào trước khi có quyết định cuối cùng tại phiên xét xử công khai được tiến hành theo quy định tại Điều 8 (Quyền được giải trình một cách minh bạch).

### **Truất quyền thi đấu (Disqualification)**

Xem phần hậu quả của việc vi phạm Luật chống Doping ở trên.

### **Kiểm tra Doping (Doping Control):**

Bao gồm tất cả các bước và các quá trình từ khi lên kế hoạch phân bổ việc xét nghiệm cho tới khi có quyết định cuối cùng về kháng cáo, bao gồm tất cả các bước và quá trình giữa chúng như là cung cấp thông tin hồ sơ nơi ở, lấy mẫu xét nghiệm và quản lý, phân tích mẫu trong phòng thí nghiệm, miễn trừ do điều trị, quản lý kết quả và tổ chức các phiên giải trình.

## **Giải đấu (Event)**

Hàng loạt các cuộc thi đấu cá nhân được tiến hành cùng nhau dưới sự kiểm soát của một tổ chức có thẩm quyền (ví dụ như Thế vận hội Olympic, Giải vô địch Bơi lội thế giới do Liên đoàn bơi lội quốc tế- FINA tổ chức, hoặc Đại hội thể thao Liên Mỹ ).

## **Thời gian diễn ra giải đấu (Event Period)**

Là khoảng thời gian tính từ lúc bắt đầu cho đến khi kết thúc Giải đấu, theo quy định của tổ chức có thẩm quyền tổ chức giải.

## **Trong thi đấu (In-Competition)**

Trừ khi có các quy định khác được ghi trong luật của các Liên đoàn thể thao quốc tế hoặc Tổ chức chống Doping có liên quan, “*trong thi đấu*” là khoảng thời gian tính từ 12 giờ đồng hồ trước cuộc thi đấu mà Vận động viên đã được ghi danh trong lịch thi đấu cho tới khi kết thúc cuộc thi đấu này, và quá trình lấy mẫu có liên quan tới cuộc thi đấu đó.

## **Chương trình quan sát độc lập (Independent Observer Program)**

Đội ngũ các quan sát viên dưới sự giám sát của WADA, những người theo dõi và chỉ đạo quy trình kiểm tra Doping tại các giải đấu cụ thể và báo cáo lại kết quả quan sát của họ.

### **Môn thể thao cá nhân (Individual Sport)**

Bất kỳ môn thể thao nào mà không phải là môn thể thao đồng đội.

### **Tước bỏ tư cách (Ineligibility)**

Xem phần hậu quả của việc vi phạm Luật Chống-Doping ở trên.

### **Giải đấu quốc tế ((International Sport)**

Là giải đấu do Ủy ban Olympic quốc tế, Ủy ban Paralympic quốc tế, Liên đoàn thể thao quốc tế, Cơ quan tổ chức giải đấu lớn hoặc một tổ chức thể thao quốc tế khác là chủ thể có thẩm quyền tổ chức hoặc bổ nhiệm các quan chức kỹ thuật cho việc tổ chức giải.

### **Vận động viên đẳng cấp quốc tế (International-Level Athlete)**

Là những vận động viên được một hoặc nhiều Liên đoàn thể thao quốc tế lựa chọn đưa vào danh sách Nhóm đăng ký kiểm tra của một Liên đoàn quốc tế.

### **Tiêu chuẩn quốc tế (International Standard)**

Bộ tiêu chuẩn được WADA thông qua để hỗ trợ cho Bộ Luật. Phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế (trái với tiêu chuẩn khác, lý thuyết và thực tiễn) là đủ để kết luận rằng các thủ tục giải quyết bằng các tiêu chuẩn quốc tế được thực hiện. Các tiêu chuẩn quốc tế bao gồm bất kỳ tài liệu kỹ thuật nào ban hành theo Tiêu chuẩn quốc tế.

## **Các cơ quan, đơn vị tổ chức giải đấu lớn (Major Event Organizations)**

Hiệp hội châu lục của các Ủy ban Olympic Quốc gia và các tổ chức quốc tế đa môn thể thao khác thực hiện chức năng là chủ thể có thẩm quyền tổ chức đối với bất kỳ giải đấu châu lục, khu vực hoặc giải đấu quốc tế khác.

### **Dấu vết (Marker)**

Một hợp chất, nhóm các hợp chất hoặc các thông số sinh học xác định việc sử dụng một chất đã bị cấm hoặc phương pháp đã bị cấm.

### **Chất chuyển hóa (Metabolite)**

Chất bất kỳ nào đó được sản sinh trong quá trình chuyển hoá sinh học.

### **Vị thành niên (Minor)**

Người chưa đến tuổi trưởng thành theo quy định pháp luật được áp dụng của quốc gia mà họ cư trú.

## **Tổ chức chống Doping quốc gia (National Anti-Doping Organization)**

Tổ chức pháp nhân được mỗi quốc gia chỉ định, có thẩm quyền và trách nhiệm chính đối với việc áp dụng và thực thi luật chống doping, chỉ đạo việc thu thập mẫu, quản lý các kết quả xét nghiệm, tiến hành các phiên xét xử ở cấp quốc gia. Khái niệm này bao gồm cả tổ chức pháp nhân được nhiều quốc gia lựa chọn là Tổ chức chống Doping thuộc khu vực của các quốc gia đó. Nếu cơ

quan chính quyền không thực hiện việc chỉ định này thì thì tổ chức pháp nhân này sẽ là Ủy ban Olympic quốc gia của nước đó hoặc là tổ chức do Ủy ban Olympic quốc gia chỉ định.

### **Giải đấu quốc gia (National Event)**

Giải đấu thể thao với sự tham gia của các vận động viên đẳng cấp quốc tế hoặc đẳng cấp quốc gia mà không phải là một Giải đấu quốc tế.

### **Ủy ban Olympic quốc gia (National Olympic Committee)**

Là tổ chức được Ủy ban Olympic quốc tế công nhận. Tên gọi *Ủy ban Olympic quốc gia* cũng bao gồm cả Liên đoàn các hiệp hội thể thao quốc gia tại các quốc gia nơi mà Liên đoàn các hiệp hội thể thao quốc gia đảm đương trách nhiệm đặc thù của Ủy ban Olympic quốc gia trong lĩnh vực chống doping.

### **Không báo trước (No Advance Notice)**

Là việc tiến hành kiểm tra Doping mà không báo trước cho Vận động viên và luôn luôn có người đi kèm để giám sát Vận động viên từ thời điểm thông báo cho đến khi lấy xong mẫu.

### **Không có sự nhầm lẫn hoặc bất cẩn (No Fault or Negligence)**

Quá trình xác minh trường hợp của vận động viên khẳng định rằng họ đã không biết hoặc nghi ngờ, và xét

về lý thì họ đã không thể biết hoặc nghi ngờ gì, thậm chí còn rất thận trọng, rằng họ đã sử dụng hoặc bị sử dụng phải chất bị cấm hoặc phương pháp bị cấm.

**Không có sự nhầm lẫn hoặc bất cẩn đáng kể (No Significant Faultor Negligence)**

Quá trình xác minh trường hợp của Vận động viên khẳng định rằng sự nhầm lẫn hoặc bất cẩn của Vận động viên, khi đã thẩm tra lại toàn bộ các tình tiết và đánh giá theo tiêu chí *Không có sự nhầm lẫn hoặc bất cẩn*, thì không mấy liên quan đến hành vi vi phạm luật chống doping.

**Ngoài thi đấu (Out-of-Competition)**

Bất kỳ sự kiểm tra Doping nào được tiến hành không phải trong khi thi đấu.

**Người tham dự (Participant)**

Vận động viên hoặc Cán bộ, nhân viên trợ giúp vận động viên.

**Tổ chức, cá nhân (Person)**

Tổ chức, Cá nhân hay một Chủ thể khác.

**Hành vi sở hữu (Possession)**

Hành vi sở hữu vật chất thực tế hoặc sở hữu theo suy luận (được phát hiện trong trường hợp Chất bị cấm, Phương pháp bị cấm hoặc tài sản trong đó có Chất bị cấm hoặc Phương pháp bị cấm chỉ do độc nhất người đó kiểm



soát); trong trường hợp người đó không phải là người độc nhất kiểm soát Chất bị cấm, Phương pháp bị cấm hoặc tài sản trong đó có Chất bị cấm hoặc Phương pháp bị cấm, thì việc sở hữu theo suy luận sẽ phải là được phát hiện khi người đó đã biết là có Chất bị cấm hoặc Phương pháp bị cấm và đã cố ý thực hiện việc sở hữu nó. Tuy nhiên, sẽ không vi phạm luật chống doping nếu chỉ căn cứ vào việc sở hữu, với điều kiện, nếu trước khi được thông báo dưới bất kỳ hình thức nào về việc người này đã vi phạm luật chống doping, thì người đó đã có hành động cụ thể chứng tỏ mình chưa bao giờ có ý định sở hữu và đã khước từ sự sở hữu bằng việc thẳng thắn khai báo sự việc với một Tổ chức chống Doping. Tuy mọi khía cạnh đều trái ngược với định nghĩa này, song việc mua (kể cả thông qua phương tiện điện tử hay các phương tiện khác) Chất bị cấm hay Phương pháp bị cấm sẽ dẫn đến cấu thành sở hữu của người thực hiện việc mua đó.

*(Chú giải: Theo định nghĩa này thì các chất steroid được phát hiện trong xe của một Vận động viên sẽ cấu thành hành vi vi phạm, trừ khi Vận động viên đó chứng minh được rằng có một người khác đã sử dụng chiếc xe đó; trong trường hợp đó, Tổ chức chống Doping phải chứng minh được rằng Vận động viên đó không phải là người duy nhất sử dụng xe, biết về chất steroid và có ý định kiểm soát các chất steroid đó. Tương tự như vậy, trong ví dụ về chất steroid được tìm thấy trong tủ thuốc gia đình mà có sự kiểm soát của cả*

*hai vợ chồng Vận động viên, thì Tổ chức chống Doping phải chứng minh được rằng Vận động viên đã biết chất steroid đã ở trong tủ thuốc của mình và Vận động viên đó đã có ý định thực hiện việc kiểm soát các chất steroid này).*

### **Danh mục các Chất và các Phương pháp bị cấm (Prohibited List)**

Danh mục xác định các Chất bị cấm và Phương pháp bị cấm.

#### **Phương pháp bị cấm (Prohibited Method)**

Bất kỳ phương pháp nào được mô tả trong Danh mục các Chất và Phương pháp bị cấm.

#### **Chất bị cấm (Prohibited Substance)**

Bất kỳ chất nào được mô tả trong Danh mục bị các Chất và Phương pháp bị cấm.

#### **Giải trình sơ bộ (Provisional Hearing)**

Theo quy định tại khoản 7.6, trước khi tiến hành xét xử công khai theo Điều 8 (Quyền được giải trình một cách minh bạch), phải thông báo cho Vận động viên và cho Vận động viên đó cơ hội giải trình ngắn gọn bằng văn bản hoặc bằng miệng.

#### **Đình chỉ thi đấu tạm thời (Provisional Suspension)**

Xem phần các hậu quả của việc vi phạm Luật chống Doping.

## **Công bố rộng rãi hoặc báo cáo chung (Publicly Disclose or Publicly Report)**

Nhằm tuyên truyền, phổ biến hoặc cung cấp thông tin cho công chúng hoặc cho các Tổ chức, Cá nhân trừ những Tổ chức, Cá nhân có quyền được thông báo trước theo quy định tại Điều 14.

## **Nhóm đăng ký kiểm tra (Registered Testing Pool)**

Nhóm những Tổ chức, Cá nhân Vận động viên đứng đầu bảng xếp hạng thành tích sẽ phải kiểm tra doping cả trong và ngoài thi đấu do mỗi Liên đoàn thể thao quốc tế và Tổ chức quốc gia chống Doping lập, là một phần kế hoạch kiểm tra doping của Liên đoàn thể thao quốc tế hoặc Tổ chức quốc gia chống Doping đó. Mỗi Liên đoàn thể thao quốc tế phải công bố danh sách vận động viên phải đăng ký kiểm tra doping của mình với những đặc điểm nhận dạng, tên, tuổi hoặc các tiêu chí riêng, xác định rõ đặc điểm.

## **Mẫu hoặc mẫu xét nghiệm (Sample or Specimen)**

Chất liệu sinh học bất kỳ được lấy để phục vụ cho mục đích kiểm tra Doping.

*(Chú giải: Việc lấy mẫu mẫu đôi khi được bị cho là vi phạm giáo lý của một số tôn giáo hay nhóm văn hóa nào đó. Song có thể khẳng định rằng sự cáo buộc như vậy là không có bất kỳ cơ sở nào).*

## **Các bên ký kết (Signatories)**

Các chủ thể ký kết và thỏa thuận tuân thủ Bộ Luật phòng chống Doping thế giới, bao gồm Ủy ban Olympic quốc tế, các Liên đoàn thể thao quốc tế, Ủy ban Paralympic quốc tế, các Ủy ban Olympic quốc gia, các Ủy ban Paralympic quốc gia, các Cơ quan, Đơn vị tổ chức giải đấu lớn, các Tổ chức quốc gia chống Doping và WADA.

## **Sự hỗ trợ thực tế (Substantial Assistance)**

Theo quy định tại Điều 10.5.3, Tổ chức, Cá nhân cung cấp sự hỗ trợ thực tế phải: (1) công bố đầy đủ bằng văn bản chính thức tất cả các thông tin mà mình nắm được về hành vi vi phạm Luật chống Doping, đồng thời (2) phối hợp toàn diện với việc điều tra và xét xử bất kỳ vụ việc nào liên quan đến thông tin đó, kể cả, ví dụ, đưa ra bằng chứng tại phiên xét xử nếu được Tổ chức chống Doping hay hội đồng xét xử yêu cầu. Hơn nữa, thông tin được cung cấp phải là thông tin đáng tin cậy và phải bao gồm phần trọng yếu của sự việc được thụ lý hoặc, nếu không phải là vụ việc được thụ lý thì phải thu thập và cung cấp những căn cứ đủ để vụ việc sẽ được đưa ra thụ lý.

## **Hành vi ngụy tạo (Tampering)**

Tạo ra sự thay đổi với mục đích không chính đáng hoặc cách không thích hợp; tạo ra tác động không chính đáng; can thiệp một cách không được phép; cản trở, đánh lạc hướng hoặc tham gia vào bất cứ hành vi gian lận nào

để làm thay đổi kết quả hoặc ngăn chặn việc tiến hành các thủ tục thông thường; hoặc cung cấp thông tin gian dối cho Tổ chức chống Doping.

### **Kiểm tra doping có chủ đích (Target Testing)**

Việc lựa chọn các Vận động viên để kiểm tra, mà mỗi cá nhân vận động viên cụ thể hoặc các nhóm vận động viên được lựa chọn trên cơ sở không ngẫu nhiên để kiểm tra tại một thời điểm cụ thể.

### **Môn thể thao đồng đội (Team Sport)**

Môn thể thao được phép thay các đấu thủ trong một trận đấu.

### **Kiểm tra Doping (Testing)**

Các công đoạn của quá trình kiểm tra doping từ việc lập kế hoạch phân bố kiểm tra, lấy mẫu, quản lý mẫu và vận chuyển mẫu đến phòng thí nghiệm.

### **Buôn bán, lưu thông phân phối (Trafficking)**

Bán, cho, vận chuyển, gửi, cung cấp hay phân phát Chất bị cấm hoặc Phương pháp bị cấm (mang theo người, hoặc bằng bất kỳ công cụ điện tử hay các phương tiện khác) của vận động viên, người hỗ trợ vận động viên hoặc bất kỳ cá nhân nào khác thuộc thẩm quyền pháp lý của Tổ chức chống Doping với bên thứ ba bất kỳ; tuy nhiên khái niệm này không bao gồm những hoạt động của bác sỹ riêng có liên quan đến chất bị cấm được sử dụng với mục đích chữa bệnh hợp pháp và chính đáng

hoặc trường hợp có chứng cứ biện hộ có thể chấp nhận được và không bao gồm những hoạt động liên quan đến các Chất bị cấm mà không bị cấm khi kiểm tra Ngoài thi đấu, trừ khi toàn bộ các tình tiết đặc biệt chứng tỏ các Chất bị cấm đó không vì mục đích chữa bệnh hợp pháp và chính đáng.

### **Miễn trừ do điều trị (Therapeutic Use Exemptions – TUE)**

Được miễn trừ do sử dụng để điều trị.

### **Công ước UNESCO (UNESCO Convention)**

Công ước quốc tế về chống Doping trong thể thao được thông qua tại phiên họp lần thứ 33 của Đại hội đồng UNESCO ngày 19 tháng 10 năm 2005, bao gồm những sửa đổi đã được các bên tham gia Công ước và Hội nghị các bên tham gia Công ước quốc tế về chống Doping trong thể thao chấp thuận.

### **Sử dụng (Use)**

Áp dụng, ăn, uống, tiêm hoặc tiêu thụ bằng bất cứ cách nào Chất đã bị cấm hoặc Phương pháp đã bị cấm.

### **Tổ chức phòng chống Doping thế giới (World Anti - Doping Agency - WADA)**

# CHƯƠNG I

## KIỂM TRA DOPING

### *Giới thiệu*

Chương 1 của Bộ Luật này đặt ra các điều luật cụ thể và những nguyên tắc mà các tổ chức chịu trách nhiệm vận dụng, thực hiện hoặc thúc đẩy hoạt động chống doping trong thẩm quyền của họ cần phải tuân theo, ví dụ như Ủy ban Olympic quốc tế, Ủy ban Paralympic quốc tế, các Liên đoàn thể thao quốc tế, các Cơ quan, Đơn vị tổ chức giải đấu lớn và các Tổ chức chống Doping quốc gia. Tất cả các tổ chức này đều được gọi chung là Tổ chức chống Doping.

Tất cả các điều khoản quy định của Bộ Luật này đều có tính bắt buộc mà mỗi Tổ chức chống Doping, Vận động viên hoặc Tổ chức, Cá nhân có liên quan đều phải tuân theo. Tuy nhiên, Bộ Luật sẽ không thay thế hoặc loại bỏ sự cần thiết phải có luật chống doping toàn diện được mỗi Tổ chức chống Doping chấp nhận. Khi Tổ chức chống Doping soạn thảo luật riêng cho tổ chức của mình, phải đưa vào một số điều khoản của Bộ Luật này mà không có sự thay đổi đáng kể nào, những điều khoản khác của Bộ Luật quy định những nguyên tắc chỉ đạo bắt

buộc, cho phép diễn giải linh hoạt trong luật của mỗi Tổ chức chống Doping hoặc đặt ra những yêu cầu mà mỗi Tổ chức chống Doping phải tuân theo nhưng không nhất thiết phải lặp lại trong luật chống doping riêng của tổ chức mình.

Cũng như luật thi đấu, luật chống doping, là luật thể thao điều chỉnh các điều kiện, tình huống diễn biến khi thi đấu môn thể thao đó. Các Vận động viên hoặc Tổ chức, Cá nhân có liên quan chấp nhận những điều luật này như là một điều kiện để được tham dự thi đấu và sẽ bị ràng buộc bởi chúng. Mỗi Bên ký kết cần phải xây dựng luật và trình tự thủ tục để đảm bảo rằng tất cả các Vận động viên hoặc Tổ chức, Cá nhân có liên quan thuộc thẩm quyền quản lý của mình hoặc các tổ chức thành viên của mình được thông báo đầy đủ và đồng ý chịu sự ràng buộc của luật chống doping đang trong thời gian có hiệu lực của các Tổ chức chống Doping có liên quan.

Mỗi bên ký kết sẽ phải xây dựng luật và trình tự thủ tục để đảm bảo tất cả các Vận động viên hoặc Tổ chức, Cá nhân có liên quan trong thẩm quyền của mình hoặc trong thẩm quyền của các tổ chức thành viên sẵn lòng tiết lộ thông tin cá nhân khi được yêu cầu hoặc được phép của Bộ Luật, chịu ràng buộc và tuân thủ đúng các quy định của luật chống doping, và đảm bảo áp dụng các hình phạt thích hợp đối với Vận động viên hoặc Tổ chức, Cá nhân có liên quan không tuân thủ những luật lệ này. Các luật lệ và thủ tục cụ thể nhằm thúc đẩy các hoạt động



chống doping toàn cầu và làm hài hòa các biện pháp xử lý này, về bản chất, là riêng biệt và do đó không bị lệ thuộc hoặc giới hạn bởi bất kỳ luật lệ quốc gia nào cùng những chuẩn mực pháp lý trong tổ tụng dân sự và hình sự. Khi xem xét các vụ việc và luật đối chiếu với từng trường hợp được thụ lý, các Tòa án, Hội đồng xét xử, và các cơ quan trọng tài khác phải cân nhắc và tôn trọng tính chất riêng biệt của luật chống doping trong Bộ Luật và những điều kiện thể hiện được sự đồng thuận giữa các bên trên phạm vi toàn cầu vì một nền thể thao công bằng.

*(Chú giải: Các điều khoản của Bộ Luật mà cần phải giữ nguyên gần như tuyệt đối khi đưa vào luật của mỗi Tổ chức chống Doping sẽ được nói đến trong Điều 23.2.2. Việc này rất quan trọng nhằm đảm bảo các quyết định của tất cả các Bên ký kết đều dựa trên cùng một danh mục các hành vi vi phạm, cùng dựa trên các luận cứ kiểm chứng và cùng áp dụng các hình phạt giống nhau cho cùng một hành vi vi phạm. Các quy tắc này cần phải giống nhau không phụ thuộc vào việc phiên xét xử diễn ra ở cấp Liên đoàn, cấp quốc gia hay là trước Tòa án thể thao.*

*Các điều khoản khác, mặc dù không được nói đến trong Điều 23.2.2, nhưng vẫn bắt buộc phải giữ nguyên về mặt bản chất, mặc dù không có yêu cầu bắt buộc một Tổ chức chống Doping phải đưa nguyên văn vào luật của mình. Những điều khoản này thường rơi vào hai nhóm. Nhóm thứ nhất là những điều khoản chỉ đạo các Tổ chức chống Doping phải thực hiện những*

*biện pháp cụ thể, nhưng không cần phải trình bày lại những điều khoản này trong luật riêng của Tổ chức đó. Ví dụ như, mỗi Tổ chức chống Doping phải lên kế hoạch và tiến hành xét nghiệm theo quy định tại Điều 5, nhưng những chỉ dẫn chính thức này dành cho Tổ chức chống Doping không nhất thiết phải lặp lại trong luật riêng của Tổ chức chống Doping đó. Nhóm thứ hai gồm các điều khoản có tính bắt buộc về mặt bản chất, nhưng cho phép mỗi Tổ chức chống Doping linh hoạt trong cách thực hiện các quy định của điều khoản đó. Ví dụ, tất cả các Bên ký kết không cần thiết phải sử dụng một quy trình quản lý kết quả và xét xử giống nhau. Hiện nay, giữa các Liên đoàn Thể thao quốc tế và các Cơ quan quản lý cấp quốc gia khác nhau có rất nhiều quy trình quản lý kết quả và xét xử khác nhau nhưng đều có hiệu quả như nhau. Bộ Luật không yêu cầu phải có sự thống nhất tuyệt đối trong quá trình quản lý kết quả và quá trình xét xử, song yêu cầu các phương thức khác nhau của các Bên ký kết phải đảm bảo thực hiện đúng các nguyên tắc được nêu trong Bộ Luật.*

*Khi Vận động viên tham gia thi đấu thể thao, họ phải chịu sự ràng buộc bởi luật thi đấu môn thể thao đó. Tương tự như vậy, Vận động viên và Cán bộ, Nhân viên trợ giúp Vận động viên sẽ phải chịu sự ràng buộc của luật chống doping theo điều 2 của Bộ Luật này, vì đã chấp nhận là thành viên, nhận làm đại diện hoặc tham gia vào các tổ chức thể thao hoặc các Giải thi đấu thể thao chịu sự điều chỉnh của Bộ Luật này. Tuy*

*nhiên, mỗi Bên ký kết cần phải thực hiện các bước thích hợp để đảm bảo tất cả các Vận động viên và Cán bộ, Nhân viên trợ giúp Vận động viên thuộc thẩm quyền của mình phải chịu cả sự ràng buộc bởi luật chống doping của các Tổ chức chống Doping khác có liên quan).*

## **ĐIỀU 1. KHÁI NIỆM VỀ DOPING**

Doping được định nghĩa là việc xảy ra một hoặc nhiều hành vi vi phạm luật chống Doping được quy định tại Điều 2.1 đến 2.8 của Bộ Luật chống Doping.

## **ĐIỀU 2. CÁC HÀNH VI VI PHẠM LUẬT CHỐNG DOPING**

**2.1. Có Chất bị cấm hoặc các chất Chuyển hóa hoặc các Dấu vết của Chất bị cấm trong mẫu xét nghiệm của Vận động viên**

**2.1.1.** Trách nhiệm của mỗi Vận động viên là phải đảm bảo không đưa bất kỳ Chất bị cấm nào vào cơ thể mình. Vận động viên phải chịu trách nhiệm đối với việc có bất kỳ Chất bị cấm hoặc các chất Chuyển hoá hoặc các Dấu vết của Chất bị cấm được tìm thấy trong mẫu xét nghiệm của mình. Vì vậy, không nhất thiết phải chứng minh việc sử dụng về phía Vận động viên là có chủ ý, Nhầm lẫn, Bất cẩn hoặc sử dụng khi đã biết để kết luận một hành vi vi phạm luật chống doping theo Điều 2.1.

*Giải thích Điều 2.1.1: Đối với những vi phạm luật chống doping liên quan đến Chất bị cấm (hoặc các chất Chuyển hoá hoặc các Dấu hiệu của Chất bị cấm), Bộ Luật kế thừa quy định trách nhiệm pháp lý nghiêm ngặt có trong Bộ Luật chống Doping của phong trào*

*Olympic (“OMADC”), và trong đại đa số các luật chống Doping trước khi ban hành Bộ Luật này. Theo nguyên tắc trách nhiệm pháp lý nghiêm ngặt thì Vận động viên phải chịu trách nhiệm, và hành vi vi phạm luật chống doping xảy ra bất cứ khi nào một Chất bị cấm được tìm thấy trong mẫu xét nghiệm của Vận động viên. Vi phạm sẽ xảy ra, do hoặc không do vận động viên cố ý hoặc vô ý sử dụng một chất bị cấm hoặc do Bất cẩn hay Nhầm lẫn. Nếu Mẫu xét nghiệm lấy trong thi đấu là dương tính, thì các thành tích đạt được trong cuộc thi đấu đó sẽ không được công nhận (Điều 9, Mặc nhiên bị tước bỏ thành tích thi đấu cá nhân). Tuy nhiên, Vận động viên, sau đó, có khả năng tránh hoặc giảm nhẹ các biện pháp trừng phạt nếu có thể chứng minh rằng họ đã không Nhầm lẫn hoặc Nhầm lẫn đáng kể (Điều 10.5 (xóa bỏ hoặc giảm thời hạn đình chỉ tư cách căn cứ theo những tình tiết đặc biệt) hoặc trong những tình huống nhất định đã không có ý định nâng cao thành tích thi đấu thể thao của mình (Điều 10.4. Huỷ bỏ hoặc giảm thời hạn bị Tước bỏ tư cách tham gia thi đấu trong trường hợp tìm thấy các Chất đặc hiệu với những tình tiết đặc biệt).*

*Nguyên tắc trách nhiệm pháp lý nghiêm ngặt đối với việc tìm thấy Chất bị cấm trong Mẫu xét của vận động viên, với khả năng các biện pháp xử phạt có thể được sửa đổi dựa trên các tiêu chí đã được xác định, tạo ra một sự cân bằng hợp lý giữa việc thực hiện chống Doping có hiệu quả vì lợi ích của tất cả các vận động viên “trong sạch” và sự công bằng trong tình tiết đặc*

*biệt, khi Chất bị cấm đã vào cơ thể Vận động viên không phải do Nhầm lẫn hoặc bất cẩn hoặc nhầm lẫn, bất cẩn không đáng kể về phía vận động viên. Điều quan trọng cần phải nhấn mạnh là, trong khi việc xác định sự vi phạm luật chống Doping đã xảy ra hay chưa được căn cứ theo trách nhiệm pháp lý nghiêm ngặt, còn việc áp đặt thời hạn đình chỉ tư cách cố định không phải là tự động. Nguyên tắc trách nhiệm pháp lý nghiêm ngặt quy định trong Bộ Luật này đã được duy trì nhất quán trong các quyết định của CAS).*

**2.1.2.** Bằng chứng đầy đủ về một hành vi vi phạm luật chống doping theo Điều 2.1 được cấu thành bởi một trong hai điều sau đây: có Chất bị cấm hoặc các chất Chuyển hóa hoặc các Dấu vết trong mẫu thử A của vận động viên, trong trường hợp vận động viên khước từ việc phân tích của mẫu B và mẫu B không được phân tích; hoặc trường hợp mẫu B của vận động viên được phân tích và việc phân tích các mẫu B này khẳng định có Chất bị cấm hoặc các chất Chuyển hóa hoặc các Dấu vết đã tìm thấy trong mẫu thử A của Vận động viên đó.

*Giải thích Điều 2.1.2: Tổ chức chống Doping với trách nhiệm quản lý kết quả có thể tùy ý lựa chọn mẫu B để phân tích ngay cả khi vận động viên không yêu cầu phân tích mẫu B).*

**2.1.3.** Trừ những chất mà ngưỡng định lượng được xác định một cách cụ thể trong Danh mục các Chất và các Phương pháp bị cấm, sự có mặt với bất kỳ số lượng nào

của một Chất bị cấm hoặc các chất Chuyển hóa hoặc các Dấu vết trong mẫu thử của vận động viên sẽ cấu thành hành vi vi phạm luật chống doping.

**2.1.4.** Là ngoại lệ đối với quy định chung của Điều 2.1, Danh mục các chất bị cấm hoặc các Tiêu chuẩn quốc tế có thể xác lập các tiêu chí riêng cho việc đánh giá các Chất bị cấm mà cũng có thể được sản sinh từ bên trong cơ thể (cơ chế nội sinh).

## **2.2. Sử dụng hoặc Cố tình sử dụng Chất bị cấm hay Phương pháp bị cấm**

*Chú giải Điều 2.2: Đó thường là trường hợp mà việc sử dụng hoặc cố tình sử dụng một Chất bị cấm hoặc Phương pháp bị cấm có thể được chứng minh bằng những cách thức đáng tin cậy. Như đã nêu trong chú giải cho Điều 3.2 (Phương pháp chứng minh bằng sự việc thực tế và bằng lập luận), không giống như bằng chứng cần thiết để kết luận một hành vi vi phạm luật chống doping theo Điều 2.1, việc Sử dụng hoặc Cố tình sử dụng cũng có thể được chứng minh bằng những phương tiện xác thực như sự thú nhận của vận động viên, lời khai báo của nhân chứng, tài liệu chứng cứ, kết luận rút ra từ hồ sơ theo chiều dọc, hoặc các thông tin phân tích khác mà không thỏa mãn tất cả các điều kiện để chứng minh việc "có" một Chất bị cấm theo Điều 2.1. Ví dụ, việc sử dụng có thể được chứng minh dựa trên các dữ liệu phân tích đáng tin cậy từ các phân tích của một mẫu A (không có xác nhận từ một*

*phân tích của một mẫu B) hoặc từ những phân tích của một mình mẫu B, mà ở đó Tổ chức chống Doping cung cấp lời giải thích thỏa đáng cho việc thiếu sự xác nhận trong mẫu kia.*

**2.2.1.** Trách nhiệm của mỗi vận động viên là đảm bảo rằng không có Chất bị cấm trong cơ thể. Vì vậy, không nhất thiết phải chứng minh việc sử dụng về phía Vận động viên là có chủ ý, nhằm lẫn, bất cẩn hoặc sử dụng khi đã biết để kết luận một hành vi vi phạm luật chống doping đối với việc Sử dụng Chất bị cấm hoặc Phương pháp bị cấm.

**2.2.2.** Thành công hay thất bại của việc Sử dụng hoặc Cố tình sử dụng Chất bị cấm hoặc Phương pháp bị cấm là không quan trọng. Ở đây, sự việc Chất bị cấm hoặc Phương pháp bị cấm đã được Sử dụng hoặc đã cố tình để được sử dụng là đủ để cấu thành hành vi vi phạm luật chống doping.

*Chú giải Điều 2.2.2: Khi chứng minh việc "Đã cố tình sử dụng" Chất bị cấm đòi hỏi bằng chứng là chủ ý của Vận động viên. Thực chất của đòi hỏi này là để chứng minh hành vi vi phạm luật chống doping này không làm suy yếu nguyên tắc trách nhiệm pháp lý nghiêm ngặt đối với các hành vi vi phạm Điều 2.1 và các vi phạm Điều 2.2. về việc Sử dụng Chất bị cấm hoặc Phương pháp bị cấm.*

*Việc sử dụng chất bị cấm của vận động viên sẽ cấu thành hành vi vi phạm luật chống Doping trừ khi chất*



*đó không bị cấm sử dụng ngoài thi đấu và việc sử dụng này của Vận động viên diễn ra khi không thi đấu. (Tuy nhiên, việc có Chất bị cấm hoặc các chất Chuyển hóa hoặc các Dấu vết của nó trong mẫu thử được lấy trong khi thi đấu là vi phạm Điều 2.1 (Có Chất bị cấm hoặc các chất Chuyển hóa hoặc các Dấu vết của nó) ngay cả khi chất đó có thể đã được phép sử dụng).*

### **2.3. Bỏ qua (làm lờ) hoặc từ chối thực hiện việc lấy mẫu thử mà không phải vì lý do bất khả kháng sau khi có thông báo, hoặc lẩn trốn việc lấy mẫu thử**

*Chú giải Điều 2.3: Làm lờ hoặc từ chối thực hiện việc lấy mẫu sau khi được thông báo là hành vi bị cấm quy định trong hầu hết các luật chống Doping trước đây. Khi đưa vào Bộ Luật này, điều khoản trên được mở rộng thêm hành vi "Lẩn trốn việc lấy mẫu". Như vậy, ví dụ, một Vận động viên tránh mặt cán bộ Kiểm tra Doping để lẩn tránh việc nhận thông báo hoặc xét nghiệm sẽ bị coi là vi phạm luật chống Doping. Sự vi phạm "từ chối hoặc làm lờ việc lấy mẫu" có thể là căn cứ của hành vi cố ý hoặc cấu thả của Vận động viên, còn "lẩn tránh" việc lấy mẫu được coi là hành vi cố ý của vận động viên.*

### **2.4. Vi phạm các yêu cầu liên quan đến sự có mặt của Vận động viên để kiểm tra doping ngoài thi đấu**

Vi phạm các yêu cầu liên quan đến sự có mặt của Vận động viên để Kiểm tra doping ngoài thi đấu, bao gồm cả việc thiếu các thông tin khai báo về nơi ở theo yêu cầu và

những lần kiểm tra bị bỏ qua đã được tuyên căn cứ vào những quy định phù hợp với Tiêu chuẩn quốc tế về kiểm tra Doping. Cứ có ba Lần kiểm tra bị bỏ qua và/hoặc thiếu hồ sơ về nơi ở liên tiếp trong khoảng thời gian 18 tháng theo xác nhận của Tổ chức chống Doping có thẩm quyền pháp lý đối với vận động viên thì sẽ cấu thành hành vi vi phạm luật chống Doping.

*Chú giải Điều 2.4: Những lần Không nộp hồ sơ khai báo về nơi ở và những Lần kiểm tra bị bỏ qua riêng lẻ đã được tuyên theo luật của Liên đoàn thể thao quốc tế quản lý vận động viên đó hoặc bất kỳ một Tổ chức chống Doping khác có thẩm quyền tuyên không lập hồ sơ về nơi ở và lần kiểm tra bị bỏ qua theo Tiêu chuẩn quốc tế về kiểm tra Doping sẽ được tính gộp lại khi áp dụng điều khoản này. Trong những tình huống thích hợp, những Lần kiểm tra bị bỏ qua hoặc Không có hồ sơ về nơi ở cũng có thể cấu thành hành vi vi phạm luật chống Doping theo Điều 2.3 hoặc 2.5).*

## **2.5. Ngụy tạo hoặc cố tình ngụy tạo đối với bất kỳ công đoạn nào của việc kiểm tra Doping**

*Chú giải Điều 2.5: Điều khoản này ngăn cấm hành vi làm phá vỡ quy trình Kiểm tra Doping nhưng không được đưa thành khái niệm khác của các Phương pháp bị cấm. Ví dụ, thay đổi mã số cá nhân trong phiếu kiểm tra doping trong khi làm xét nghiệm, đánh vỡ lọ đựng mẫu B tại thời điểm phân tích mẫu B hoặc cung cấp thông tin gian dối cho Tổ chức chống Doping.*

## **2.6. Sở hữu Chất bị cấm và Phương pháp bị cấm**

**2.6.1.** Sự sở hữu thuộc về vận động viên khi một Vận động viên đang thi đấu sở hữu bất kỳ Chất bị cấm hoặc Phương pháp bị cấm nào, hoặc Vận động viên ngoài giải đấu sở hữu bất kỳ Chất bị cấm hoặc Phương pháp bị cấm nào trừ khi Vận động viên đó chứng minh được là đang được hưởng điều khoản Miễn trừ do điều trị” theo Điều 4.4, hoặc có những căn cứ biện minh khác có thể chấp nhận được.

**2.6.2.** Sở hữu thuộc về Cán bộ, nhân viên trợ giúp Vận động viên khi Cán bộ, nhân viên trợ giúp của Vận động viên đang thi đấu Sở hữu bất kỳ Chất bị cấm hoặc Phương pháp bị cấm nào, hoặc cán bộ, nhân viên trợ giúp của Vận động viên ngoài giải đấu Sở hữu bất kỳ Chất bị cấm hoặc Phương pháp bị cấm nào liên quan đến Vận động viên, đến cuộc thi đấu hoặc đến việc huấn luyện. trừ khi Cán bộ, nhân viên trợ giúp Vận động viên đó chứng minh được là đang được hưởng điều khoản Miễn trừ do điều trị” theo Điều 4.4, hoặc có những căn cứ biện minh khác có thể chấp nhận được.

*Giải thích Điều 2.6.1 và 2.6.2: Căn cứ biện minh có thể chấp nhận được không bao gồm, ví dụ, mua hoặc đang có một Chất bị cấm nhằm mục đích cho bạn hoặc người thân, trừ trường hợp vì những lý do chính đáng về mặt y tế mà người đó đã có đơn thuốc của bác sĩ kê cho mua, ví dụ, Insulin cho một đứa trẻ bị tiểu đường).*

*Chú giải Điều 2.6.2: Căn cứ biện minh có thể chấp nhận được bao gồm, ví dụ, bác sĩ của đội mang theo Chất bị cấm để đối phó với các trường hợp khẩn cấp hay cấp tính).*

## **2.7. Buôn bán hoặc đã cố tình buôn bán Chất bị cấm hay Phương pháp bị cấm nào đó**

**2.8. Cho Vận động viên uống/sử dụng hoặc đã cố tình cho Vận động viên uống/sử dụng Chất bị cấm hoặc Phương pháp cấm trong khi thi đấu, hoặc cho Vận động viên uống/sử dụng hoặc đã cố tình cho Vận động viên uống/sử dụng Chất bị cấm hoặc Phương pháp cấm ngoài thi đấu, hoặc hỗ trợ, khuyến khích, giúp sức, sai khiến, bao che hoặc dính líu với bất cứ hành vi đồng lõa nào khác vi phạm luật chống Doping, đã cố tình vi phạm luật chống Doping.**

*Chú giải " b" với Điều 2: Bộ Luật không quy định vi phạm luật chống Doping đối với một Vận động viên hay Tổ chức, Cá nhân khác đang làm việc hoặc phối hợp với Cán bộ, nhân viên trợ giúp Vận động viên đang trong thời kỳ bị Tước bỏ tư cách. Mặc dù vậy, một tổ chức thể thao có thể thông qua những quy định riêng để cấm hành vi này).*

## **ĐIỀU 3. BẰNG CHỨNG VỀ DOPING**

### **3.1. Trách nhiệm và Tiêu chuẩn của bằng chứng**

Tổ chức chống Doping có trách nhiệm chứng minh có sự vi phạm luật chống Doping đã xảy ra. Tiêu chuẩn về bằng chứng là việc Tổ chức chống Doping đã xác minh được sự việc có vi phạm luật chống doping đó đã thỏa mãn đầy đủ các điều kiện để đưa ra xét xử công khai hay không, có xét đến mức độ nghiêm trọng của những cáo buộc được nêu ra. Trong mọi trường hợp, tiêu chuẩn bằng chứng này phải lớn hơn mức chỉ mới suy xét là có khả năng xảy ra, song nhỏ hơn mức mà không chỉ còn là một sự nghi ngờ có vẻ hợp lý. Đối với trường hợp mà Bộ Luật quy trách nhiệm cho Vận động viên, Cán bộ, nhân viên trợ giúp Vận động viên bị cho là đã vi phạm về doping phải đưa ra bằng chứng nhằm bác bỏ việc bị cho là vi phạm hoặc chứng minh những sự việc, hoàn cảnh cụ thể thì tiêu chuẩn về bằng chứng phải bằng với mức có thể xảy ra, ngoại trừ những trường hợp được quy định tại Điều 10.4 và 10.6, khi Vận động viên phải đáp ứng trách nhiệm bằng chứng cao hơn.

*Giải thích Điều 3.1: Tiêu chuẩn bằng chứng được yêu cầu để trình lên Tổ chức chống Doping phải có thể đối chiếu được với tiêu chuẩn được áp dụng trong hầu hết các quốc gia đối với các vụ việc liên quan đến hành vi phi đạo đức nghề nghiệp. Nó cũng đã được áp*

*dụng rộng rãi tại các tòa án và các hội đồng xét xử những vụ án về doping. (Tham khảo thêm: quyết định của CAS trong N., J., Y., W. v. FINA, CAS 98/208, 22 Tháng Mười Hai, 1998).*

### **3.2. Các phương pháp chứng minh bằng sự việc thực tế và bằng lập luận**

Những sự việc liên quan đến hành vi vi phạm luật chống Doping có thể được chứng minh bằng bất kỳ biện pháp tin cậy nào, kể cả những lời thú nhận. Những quy định về bằng chứng dưới đây sẽ được áp dụng trong những vụ kiện về Doping:

*Chú giải Điều 3.2: Ví dụ, một Tổ chức chống Doping có thể chứng minh là có sự vi phạm luật chống Doping theo Điều 2.2 (Sử dụng hoặc Cố tình sử dụng Chất bị cấm hoặc Phương pháp bị cấm) dựa trên lời thú nhận của Vận động viên, sự chứng thực đáng tin cậy của những người thứ ba, chứng cứ văn bản xác thực, dữ liệu phân tích xác thực từ mẫu thử A hoặc B theo quy định được diễn giải tại Điều 2.2, hoặc kết luận rút ra từ tiểu sử hàng loạt mẫu thử máu hoặc nước tiểu của Vận động viên đó.*

**3.2.1.** Các phòng thí nghiệm được WADA chính thức công nhận cho rằng đã tiến hành phân tích mẫu và các thủ tục kết tội theo đúng Tiêu chuẩn quốc tế về Phòng thí nghiệm. Vận động viên hoặc Tổ chức, Cá nhân khác có thể bác bỏ việc bị cho là vi phạm bằng cách chứng minh là đã có việc thực hiện không đúng Tiêu chuẩn quốc tế về

phòng thí nghiệm và điều đó đã gây nên việc có Kết quả phân tích bất lợi đó, vậy thì Tổ chức chống Doping sẽ phải có trách nhiệm chứng minh độ sai lệch so với Tiêu chuẩn quốc tế này đã không thể gây ra Kết quả phân tích bất lợi đó.

Nếu Vận động viên hoặc Tổ chức, Cá nhân khác bác bỏ việc bị cho là vi phạm bằng cách chứng minh là đã có việc thực hiện không đúng Tiêu chuẩn quốc tế về phòng thí nghiệm và điều đó lý do gây nên Kết quả phân tích bất lợi đó thì Tổ chức chống Doping sẽ phải có trách nhiệm chứng minh độ sai lệch so với Tiêu chuẩn quốc tế này đã không thể gây ra Kết quả phân tích bất lợi đó.

*Giải thích Điều 3.2.1: Trách nhiệm của Vận động viên hoặc Tổ chức, Cá nhân khác phải chứng minh, theo nguyên tắc cân bằng về quyền được chứng minh, độ sai lệch so với Tiêu chuẩn quốc tế về Phòng thí nghiệm là lý do có thể gây ra Kết quả phân tích bất lợi đó. Nếu Vận động viên hoặc Tổ chức, Cá nhân khác biện hộ như vậy thì trách nhiệm sẽ chuyển qua cho Tổ chức chống Doping phải chứng minh để thỏa mãn đầy đủ điều kiện của hội đồng xét xử rằng sự sai lệch này đã không gây ra Kết quả phân tích bất lợi đó.*

**3.2.2.** Thực hiện không đúng bất cứ Tiêu chuẩn quốc tế, luật hoặc chương trình hành động chống doping nào khác mà không gây ra Kết quả phân tích bất lợi hoặc hành vi vi phạm luật chống Doping khác sẽ không được công nhận kết quả. Nếu Vận động viên hoặc Tổ chức, Cá

nhân khác chứng minh được rằng sự sai lệch so với Tiêu chuẩn quốc tế, luật hoặc chương trình hành động chống doping khác đó là lý do có thể gây ra Kết quả phân tích bất lợi hoặc sự việc vi phạm luật chống Doping thì Tổ chức chống doping sẽ phải có trách nhiệm chứng minh sự sai lệch so với Tiêu chuẩn quốc tế như vậy không gây ra Kết quả phân tích bất lợi hoặc không phải là cơ sở thực sự của hành vi vi phạm đó.

**3.2.3.** Những sự việc đã được kết luận bằng quyết định của một phiên tòa hoặc hội đồng kỷ luật chuyên ngành có đủ thẩm quyền pháp lý mà không bị lệ thuộc vào thời gian chờ kháng cáo sẽ là bằng chứng không thể bác bỏ chống lại Vận động viên hoặc Pháp nhân khác, là người chịu sự phán quyết liên quan đến những sự việc này, trừ khi Vận động viên hoặc Tổ chức, Cá nhân khác đó chứng minh được rằng quyết định đó đã vi phạm những nguyên tắc xét xử.

**3.2.4.** Hội đồng xét xử có thể đưa ra quyết định bất lợi đối với Vận động viên hoặc Tổ chức, Cá nhân khác đã bị xác định là vi phạm luật chống Doping, căn cứ vào sự từ chối của Vận động viên hoặc Tổ chức, Cá nhân khác đó, sau khi đã được yêu cầu có mặt tại phiên giải trình (có thể là trực tiếp hoặc qua điện thoại theo quyết định của Ban điều trần) để trả lời các câu hỏi của Ban điều trần hoặc Tổ chức Chống Doping đang truy cứu hành vi vi phạm về Doping đó.



*(Nhận xét về Điều 3.2.4: Kết luận bất lợi rút ra trong những trường hợp này đã được chấp nhận trong rất nhiều quyết định của CAS).*

## **ĐIỀU 4. DANH MỤC CÁC CHẤT BỊ CẤM VÀ PHƯƠNG PHÁP BỊ CẤM**

### **4.1. Việc công bố và sửa đổi Danh mục Chất và Phương pháp bị cấm**

Thông thường, ít nhất một năm một lần WADA sẽ công bố Danh mục cấm như là một Tiêu chuẩn thế giới. Nội dung đề xuất của Danh mục cấm và tất cả các bản sửa đổi của nó sẽ ngay lập tức được gửi tới tất cả các Bên ký kết và các chính phủ để đánh giá và góp ý. Mỗi bản Danh mục cấm hàng năm và tất cả các bản sửa đổi của nó sẽ được WADA gửi tới mỗi Bên ký kết, mỗi chính phủ và sẽ được công bố trên web của WADA, mỗi Bên ký kết cần phải có các hành động phù hợp để gửi Danh mục này tới các đơn vị thành viên của mình. Luật của mỗi Tổ chức Chống -Doping sẽ chỉ rõ rằng, trừ khi có quy định khác trong Danh mục cấm hoặc bản sửa đổi của nó, Danh mục cấm và các bản sửa đổi sẽ có hiệu lực theo luật chống doping của các Tổ chức chống – Doping, sau 3 tháng kể từ khi được WADA công bố mà không cần có bất kỳ một tác động nào khác của Tổ chức chống –Doping đó.

*(Chú giải điều 4.1: Danh mục cấm sẽ được xúc tiến sửa đổi và công bố nếu cần thiết. Danh mục cấm mới sẽ được công bố hàng năm dù là có hay không có thay đổi so với bản cũ. Trên web của WADA sẽ luôn hiển*

*thị Danh mục cấm mới nhất. Danh mục cấm là một phần không thể thiếu của Công ước quốc tế Chống Doping trong thể thao. WADA sẽ thông báo cho Tổng giám đốc UNESCO về bất kỳ thay đổi nào của Danh mục này.)*

## **4.2. Các Chất bị cấm và Phương pháp bị cấm được xác định trong Danh mục cấm**

### **4.2.1. Các Chất bị cấm và các Phương pháp bị cấm**

Danh mục cấm sẽ quy định rõ các Chất bị cấm và Phương pháp bị cấm tại mọi thời điểm (cả trong và ngoài thi đấu) do khả năng nâng cao thành tích thi đấu trong tương lai hoặc khả năng che dấu của chúng và những Chất/và Phương pháp chỉ bị cấm trong thi đấu. Danh mục cấm có thể được WADA mở rộng cho từng môn thể thao riêng. Các Chất bị cấm và các Phương pháp bị cấm có thể nằm trong mục lớn của Danh mục cấm (ví dụ các tác nhân đồng hóa) hoặc nằm trong phần chú giải của từng Chất bị cấm và/Phương pháp bị cấm cụ thể.

*Chú giải điều 4.2.1: Sẽ chỉ có một Danh mục cấm. Các Chất bị cấm tại mọi thời điểm bao gồm cả các tác nhân che dấu và các chất được sử dụng trong tập luyện mà có thể có tác dụng lâu dài trong việc tăng thành tích thi đấu ví dụ như các chất chuyển hóa. Tất cả các Chất và các Phương pháp liệt kê trong Danh mục cấm đều bị cấm trong thi đấu. Việc sử dụng ngoài thi đấu (Điều 2.2) một chất chỉ bị cấm trong thi đấu sẽ*

*không vi phạm luật chống doping, trừ khi có Kết quả phân tích bất lợi của chất đó/hoặc các chất chuyển hóa của nó ở một Mẫu lấy trong thi đấu (Điều 2.1). Chỉ có duy nhất một tài liệu được gọi là “Danh mục cấm”. WADA có thể cho thêm các Chất hoặc Phương pháp cấm khác vào Danh mục cấm đối với những môn thể thao cụ thể (ví dụ thêm các chất phong bế Beta vào môn bắn súng), nhưng chất này cũng được phản ánh trên một Danh mục cấm riêng. Một môn thể thao cụ thể không được phép yêu cầu loại bỏ chất nào đó ra khỏi Danh mục cấm tiêu chuẩn (ví dụ, loại bỏ các chất đồng hóa khỏi Danh mục cấm đối với môn ' thể thao trí tuệ"). Tiền đề của quyết định này là do chúng là những tác nhân doping cơ bản mà bất cứ ai đã tự chọn làm Vận động viên đều không nên dùng.*

#### **4.2.2. Các Chất đặc hiệu**

Đề áp dụng Điều 10 (Các biện pháp xử phạt cá nhân), tất cả các chất bị cấm được coi là "Chất đặc hiệu" trừ các chất thuộc các nhóm tác nhân đồng hóa, các hormone và các kích thích tố, và các hormone đối kháng và các tác nhân điều biến được xác định trong Danh mục các Chất và các Phương pháp bị cấm. Các phương pháp bị cấm không được coi là "Chất đặc hiệu".

*(Giải thích Điều 4.2.2: Khi soạn thảo Bộ Luật này đã có nhiều cuộc tranh luận quan trọng giữa các bên liên quan về sự cân bằng thích hợp giữa các biện pháp trừng phạt không linh hoạt nhằm tạo nên sự hài hòa*

*trong việc áp dụng các quy tắc và biện pháp trừng phạt linh hoạt hơn thông qua việc xem xét đến các tình tiết trong từng vụ việc của mỗi cá nhân. Sự cân bằng này tiếp tục được thảo luận trong các quyết định khác nhau của CAS khi diễn giải về Bộ Luật. Sau ba năm thử nghiệm với Bộ Luật, các bên liên quan đã đạt được sự đồng thuận mạnh mẽ rằng khi xảy ra hành vi vi phạm về Doping theo quy định tại các Điều 2.1 (Có Chất bị cấm hoặc các chất Chuyển hóa hoặc các Dấu vết của nó trong mẫu thử) và 2.2 (Sử dụng Chất bị cấm hoặc Phương pháp bị cấm) thì vẫn áp dụng đúng nguyên tắc trách nhiệm pháp lý nghiêm ngặt, còn biện pháp xử phạt theo Bộ Luật nên thực hiện linh hoạt hơn, trong trường hợp Vận động viên hoặc Tổ chức, Cá nhân khác có thể chứng minh rõ ràng rằng họ không có ý định nâng cao thành tích thi đấu. Sự thay đổi Điều 4.2 và những thay đổi liên quan đến Điều 10 cho phép tăng thêm biện pháp vận dụng linh hoạt đối với hành vi vi phạm liên quan đến các Chất bị cấm. Các quy định tại Điều 10.5 (Xóa bỏ hoặc Giảm thời gian bị đình chỉ tư cách trên cơ sở xem xét đến các tình tiết đặc biệt) sẽ vẫn là căn cứ duy nhất để miễn hoặc giảm án phạt liên quan đến các chất steroids đồng hóa và các hormone, kể cả các tác nhân kích thích và các hormone đối kháng và tác nhân điều biến đã có trong Danh mục các Chất bị cấm, hoặc Phương pháp bị cấm).*

### **4.2.3. Những phân loại mới của Chất bị cấm**

Trong trường hợp WADA mở rộng Danh mục cấm bằng cách thêm một loại mới của các Chất bị cấm theo quy định tại Điều 4.1 của Bộ Luật, Ủy ban điều hành WADA sẽ quyết định việc một số hoặc tất cả những Chất bị cấm thuộc loại mới của Chất bị cấm này có được coi là Chất xác định theo Điều 4.2.2. hay không.

### **4.3. Tiêu chí đưa Chất bị cấm và Phương pháp cấm vào Danh mục cấm**

WADA sẽ xem xét các tiêu chí sau đây khi quyết định đưa một chất cấm/hoặc một phương pháp cấm vào Danh mục cấm.

4.3.1. Một Chất cấm hoặc Phương pháp cấm sẽ được xem xét để đưa vào Danh mục cấm nếu WADA xác định rằng Chất cấm/hoặc Phương pháp cấm đó thỏa mãn hai trong số ba tiêu chí sau:

4.3.1.1. Bằng chứng y học hoặc bằng chứng khoa học, kinh nghiệm hoặc tác dụng dược lý chỉ ra rằng, chất/hoặc phương pháp đó (một mình hoặc khi kết hợp với các chất/phương pháp khác) làm tăng/ hoặc có khả năng tăng thành tích thi đấu.

*Chú giải Điều 4.3.1.1: Mục này lường trước việc có một số chất không bị cấm khi sử dụng một mình, nhưng sẽ bị cấm khi sử dụng kết hợp với một số chất khác. Một chất bị liệt vào Danh mục cấm do nó có khả năng tăng thành tích thi đấu chỉ khi sử dụng kết hợp*

*với một chất khác sẽ được lưu ý và sẽ chỉ bị cấm nếu có bằng chứng về sự kết hợp của hai chất đó.*

4.3.1.2. Bằng chứng y học hoặc bằng chứng khoa học, kinh nghiệm hoặc tác dụng dược lý chỉ ra rằng, việc sử dụng chất/hoặc phương pháp đó gây ra/hoặc có khả năng làm tổn hại sức khỏe cho Vận động viên.

4.3.1.3. WADA khẳng định rằng việc sử dụng chất/hoặc phương pháp đó vi phạm tinh thần thể thao như được mô tả trong phần Giới thiệu của Bộ Luật.

4.3.2. Một chất/hoặc một phương pháp cũng có thể bị liệt vào Danh mục cấm nếu WADA xác định rằng, bằng chứng y học/hoặc khoa học, kinh nghiệm hoặc tác dụng dược lý chỉ ra rằng, chất/hoặc phương pháp đó có khả năng che dấu việc sử dụng các Chất bị cấm hoặc Phương pháp cấm khác.

*Chú giải điều 4.3.2: Một chất sẽ bị xem xét liệt vào Danh mục cấm nếu chất đó là một tác nhân che dấu (chất nguy trang) hoặc nếu nó thỏa mãn hai trong số ba tiêu chí sau: (1) nó làm tăng/ hoặc có khả năng tăng thành tích thi đấu; (2) có khả năng hoặc có thực sự hại tới sức khỏe; (3) nó chống lại tinh thần thể thao. Chỉ một trong số ba tiêu chí này là không đủ để liệt một chất vào Danh mục cấm. Việc sử dụng khả năng tăng thành tích thi đấu như một tiêu chí duy nhất có thể bao gồm, ví dụ rèn luyện thể chất hoặc tinh thần, thịt đỏ, nạp nhiều carbohydrate và luyện tập ở khu vực có độ cao lớn. Nguy cơ gây hại có thể bao*

*gồm việc hút thuốc. Việc yêu cầu cả ba tiêu chí cũng có thể là không đủ. Ví dụ, việc sử dụng kỹ thuật chuyển gene làm tăng thành tích thi đấu một cách đáng kể sẽ bị cấm bởi vì nó vi phạm tinh thần thể thao ngay cả khi nó không có hại. Tương tự, việc lạm dụng không lành mạnh chất nhất nào đó không thực sự là để điều trị mà đã dựa trên niềm tin sai lệch rằng chúng làm tăng thành tích thi đấu là trái với tinh thần thể thao mặc dù nguyện vọng nâng cao thành tích là thực tế. Tất cả các Bên ký kết, các chính phủ và những tổ chức, cá nhân quan tâm đều được mời đưa ra ý kiến về nội dung của Danh mục cấm. Đây là phần việc của quy trình mỗi năm.*

4.3.3. Quyết định của WADA về các Chất bị cấm, Phương pháp bị cấm sẽ nằm trong Danh mục cấm và việc phân loại các chất này vào các nhóm của Danh mục cấm là quyết định cuối cùng và sẽ không chấp nhận sự phản đối của Vận động viên hay các pháp nhân khác dựa trên lập luận rằng chất hoặc phương pháp đó không phải là tác nhân che dấu hoặc không có khả năng tăng thành tích thi đấu, có hại cho sức khỏe hoặc vi phạm tinh thần thể thao.

*Giải thích Điều 4.3: Vấn đề là liệu có phải một chất đáp ứng tiêu chí tại Điều 4.3 (Tiêu chí để đưa Chất bị cấm và Phương pháp bị cấm vào Danh mục cấm) trong trường hợp cá biệt thì không thể được đưa ra để biện hộ cho một hành vi vi phạm luật chống doping hay không. Ví dụ, không thể lập luận rằng Chất bị cấm*



*đã bị phát hiện này không nâng cao được thành tích thi đấu ở môn thể thao cụ thể đó. Hơn nữa, Doping xảy ra khi một chất trong Danh mục cấm được tìm thấy trong mẫu thử của Vận động viên. Tương tự, không thể lập luận rằng một chất được liệt kê trong nhóm các tác nhân đồng hóa không thuộc nhóm đó).*

#### **4.4. Điều khoản Miễn trừ**

WADA đã thông qua Tiêu chuẩn quốc tế về quy trình cho hưởng Điều khoản Miễn trừ do điều trị.

Đối với những Vận động viên đẳng cấp quốc tế hoặc bất kỳ một Vận động viên nào khác tham gia vào một giải đấu quốc tế, mỗi Liên đoàn thể thao quốc tế phải có một quy trình chuẩn cho việc cấp phép miễn trừ, đảm bảo để các Vận động viên có hồ sơ bệnh án đang cần phải sử dụng một Chất bị cấm/hoặc một Phương pháp bị cấm có thể xin được hưởng Miễn trừ do điều trị. Những Vận động viên đã được xác định khi được đưa vào Nhóm đăng ký kiểm tra của Liên đoàn thể thao quốc tế quản lý họ chỉ có thể xin được hưởng Miễn trừ do điều trị phù hợp với các quy định của Liên đoàn thể thao quốc tế đó. Mỗi Liên đoàn thể thao quốc tế sẽ phải công bố danh sách các Giải đấu mà ở đó cần có Miễn trừ do điều trị từ chính Liên đoàn đó. Đối với tất cả các Vận động viên thuộc thẩm quyền của mình nhưng không nằm trong Nhóm đăng ký kiểm tra của một Liên đoàn thể thao quốc tế, mỗi Tổ chức chống Doping quốc gia phải có một quy

trình chuẩn cho việc cấp phép miễn trừ, đảm bảo để những Vận động viên có hồ sơ bệnh án đang cần phải sử dụng một Chất cấm/hoặc một Phương pháp cấm có thể xin được hưởng Miễn trừ do điều trị. Những yêu cầu miễn trừ này sẽ được đánh giá theo Tiêu chuẩn quốc tế về Miễn trừ do điều trị. Các Liên đoàn thể thao quốc tế và các Tổ chức chống Doping quốc gia phải ngay lập tức báo cáo cho WADA thông qua ADAMS về bất kỳ trường hợp cho hưởng Miễn trừ nào liên quan tới Vận động viên cấp quốc gia mà không nằm trong Nhóm đăng ký kiểm tra của Tổ chức chống Doping quốc gia đó. WADA sẽ chủ động xem xét lại việc cho hưởng Miễn trừ bất cứ lúc nào đối với bất kỳ Vận động viên đăng cấp quốc tế hoặc quốc gia nào có tên trong Nhóm đăng ký kiểm tra của Tổ chức Chống doping quốc gia của họ. Ngoài ra, nếu có yêu cầu từ bất kỳ Vận động viên nào mà đã bị từ chối cho hưởng Miễn trừ thì WADA có thể xem xét lại việc từ chối này. Nếu WADA quyết định rằng, việc cho hưởng hoặc từ chối cho hưởng Miễn trừ đó đã không tuân thủ theo đúng Tiêu chuẩn quốc tế về Miễn trừ do điều trị thì WADA có thể lật ngược lại quyết định này.

Trong trường hợp, trái với yêu cầu của điều khoản này, một Liên đoàn thể thao quốc tế không có quy trình quy trình chuẩn để các Vận động viên có thể xin được hưởng Miễn trừ thì một Vận động viên đăng cấp quốc tế có thể

yêu cầu WADA xem xét lại việc xin miễn trừ nếu nó đã bị từ chối.

Việc có Chất bị cấm hoặc các Chất chuyển hóa hoặc Dấu hiệu của nó (Điều 2.1), Sử dụng hoặc cố tình sử dụng một Chất cấm hoặc Phương pháp cấm (Điều 2.2), Sở hữu Chất cấm và Phương pháp cấm (Điều 2.6) hoặc Cho Vận động viên uống/sử dụng hoặc đã cố tình cho Vận động viên uống/sử dụng Chất cấm hoặc Phương pháp cấm (Điều 2.8) phù hợp với các quy định của điều khoản Miễn trừ đã được thông qua theo đúng Tiêu chuẩn quốc tế về Miễn trừ do điều trị sẽ không bị xem là một hành vi vi phạm luật chống doping.

#### **4.5. Chương trình giám sát**

WADA, sau khi tham khảo ý kiến của các bên ký kết và các chính phủ, có thể thiết lập một chương trình giám sát các chất không nằm trong Danh mục cấm, nhưng WADA muốn giám sát những chất này để tìm ra các phương thức lạm dụng trong thể thao. Trước bất kỳ cuộc kiểm tra nào, WADA sẽ công bố tên các chất sẽ bị giám sát. Theo định kỳ, các Phòng xét nghiệm sẽ báo cáo cho WADA những trường hợp sử dụng đã được báo cáo hoặc các trường hợp phát hiện ra những chất này theo từng môn thể thao bất kể là các mẫu đó đã được lấy trong hoặc ngoài thi đấu. Các báo cáo này sẽ không có thông tin thêm về các mẫu xét nghiệm cụ thể. Ít nhất hàng năm,

WADA sẽ cung cấp cho các Liên đoàn thể thao quốc tế và các Tổ chức chống Doping quốc gia thông tin thống kê tổng hợp theo từng môn thể thao liên quan tới các chất bổ sung thêm. WADA sẽ thực hiện các biện pháp để đảm bảo bí mật tuyệt đối danh tính của Vận động viên liên quan tới các báo cáo này. Việc sử dụng hoặc phát hiện một chất nằm trong chương trình giám sát sẽ không cấu thành một hành vi vi phạm luật chống doping

## **ĐIỀU 5. KIỂM TRA DOPING**

### **5.1. Lên kế hoạch phân bổ mẫu kiểm tra**

Theo điều 15.1, mỗi Tổ chức chống Doping có thẩm quyền kiểm tra tất cả các Vận động viên đang có mặt trên đất nước của Tổ chức chống Doping quốc gia đó hoặc là những người có quốc tịch, có thể cư trú hoặc là thành viên của các tổ chức thể thao của nước đó. Mỗi Liên đoàn thể thao quốc tế sẽ có thẩm quyền kiểm tra tất cả các Vận động viên là thành viên của các Liên đoàn thể thao quốc gia trực thuộc hoặc những người tham gia các giải đấu của họ. Tất cả các Vận động viên cần phải tuân thủ bất cứ yêu cầu nào của Tổ chức chống Doping có thẩm quyền kiểm tra. Để phối hợp với các Tổ chức chống Doping khác khi tiến hành kiểm tra trên cùng một Vận động viên và theo đúng Tiêu chuẩn quốc tế về kiểm tra, mỗi Tổ chức chống Doping cần phải:

**5.1.1.** Lên kế hoạch và tiến hành kiểm tra trong và ngoài thi đấu một cách có hiệu quả đối với những Vận động viên mà họ có thẩm quyền kiểm tra, bao gồm nhưng không giới hạn những Vận động viên nằm trong các Nhóm đăng ký kiểm tra tương ứng. Mỗi Liên đoàn thể thao quốc tế sẽ thiết lập một Nhóm đăng ký kiểm tra dành cho các Vận động viên thuộc đẳng cấp quốc tế trong Liên đoàn của mình, và mỗi Tổ chức chống Doping quốc gia

sẽ thiết lập một Nhóm đăng ký kiểm tra quốc gia dành cho những Vận động viên đang có mặt trên đất nước của Tổ chức chống Doping quốc gia đó hoặc là những người có quốc tịch, có thể cư trú hoặc là thành viên của các tổ chức thể thao của nước đó. Theo quy định tại điều 14.3, bất kỳ Vận động viên nào nằm trong Nhóm đăng ký kiểm tra sẽ đều phải tuân theo các quy định về hồ sơ cung cấp thông tin nơi ở đã được nêu trong Tiêu chuẩn thế giới cho việc kiểm tra doping.

**5.1.2.** Trừ những trường hợp đặc biệt, tất cả các cuộc Kiểm tra doping ngoài thi đấu đều không được báo trước.

**5.1.3.** Dành ưu tiên cho Kiểm tra doping có chủ đích.

**5.1.4.** Tiến hành kiểm tra những Vận động viên, đang chịu hình phạt bị Tước bỏ tư cách hoặc bị Đình chỉ thi đấu tạm thời.

## **5.2. Các tiêu chuẩn đối với việc tiến hành Kiểm tra doping**

Các Tổ chức chống Doping có thẩm quyền kiểm tra doping phải tiến hành kiểm tra theo đúng Tiêu chuẩn quốc tế đối với việc tiến hành Kiểm tra doping.

## **5.3. Vận động viên đã nghỉ thi đấu quay trở lại thi đấu**

Mỗi Tổ chức chống Doping quốc gia phải xây dựng điều luật đề cập đến những yêu cầu về tư cách tham gia thi đấu dành cho những Vận động viên không phải là

không đủ tư cách và đã nghỉ thi đấu khi đã có tên trong Nhóm đăng ký kiểm tra và lại muốn quay trở lại tham gia thi đấu.

*Chú giải điều 5.1.3: Kiểm tra doping có chủ đích được xác định rõ do kiểm tra ngẫu nhiên hoặc thậm chí cả việc kiểm tra ngẫu nhiên có định hướng cũng không đảm bảo rằng tất cả các Vận động viên phù hợp sẽ được kiểm tra (ví dụ như Vận động viên thuộc đẳng cấp thế giới, Vận động viên có thành tích thi đấu tăng cao bất thường trong một khoảng thời gian ngắn, những Vận động viên mà HLV của họ đã từng có những học trò khác có mẫu dương tính). Tất nhiên, Kiểm tra doping có chủ đích sẽ không được sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác ngoài mục đích Kiểm tra doping hợp pháp. Bộ Luật này có nói rõ rằng, Vận động viên không có quyền mong đợi rằng, họ sẽ chỉ bị kiểm tra trên cơ sở ngẫu nhiên. Tương tự như vậy, Bộ Luật này không áp đặt yêu cầu phải Kiểm tra doping có chủ đích đối với bất kỳ sự nghi ngờ có thể là hợp lý nào hoặc một vụ kiện cáo có thể xảy ra nào.*

## ĐIỀU 6. PHÂN TÍCH MẪU

Các mẫu xét nghiệm phải được phân tích theo đúng các nguyên tắc sau đây:

### 6.1. Sử dụng phòng thí nghiệm đã được phê chuẩn

Để áp dụng Điều 2.1 (Có Chất bị cấm hoặc các chất Chuyển hóa hoặc các Dấu hiệu), các mẫu xét nghiệm phải được phân tích duy nhất tại các phòng thí nghiệm được WADA ủy quyền hoặc các cơ quan kiểm định khác được WADA phê chuẩn. Việc lựa chọn các phòng thí nghiệm được WADA phê chuẩn (cả về cơ sở thí nghiệm và về phương pháp được WADA phê chuẩn) đã sử dụng cho việc phân tích mẫu này phải do Tổ chức Chống - Doping chịu trách nhiệm quản lý các kết quả xét nghiệm độc quyền quyết định.

*Chú giải Điều 6.1: Vi phạm Điều 2.1 (Có Chất bị cấm hoặc các Chất chuyển hóa hoặc các Dấu hiệu của nó) có thể được chứng minh duy nhất bằng việc Phân tích mẫu do Phòng thí nghiệm tiêu chuẩn được WADA phê chuẩn hoặc phòng thí nghiệm khác được WADA ủy quyền riêng. Những Vi phạm đối với các điều khoản khác có thể được chứng minh bằng việc sử dụng kết quả phân tích từ các phòng thí nghiệm khác miễn là kết quả đó là đáng tin cậy.*



## **6.2. Mục đích của việc thu thập và phân tích mẫu**

Các mẫu được phân tích để tìm ra Chất bị cấm và Phương pháp bị cấm đã được xác định trong Danh mục cấm và các chất khác, có thể được WADA xác định theo quy định tại Điều 4.5 (Chương trình giám sát) hoặc để hỗ trợ Tổ chức chống Doping trong việc tập hợp các tham số tiền sử có liên quan trong nước tiểu, máu hoặc chất cơ bản khác của Vận động viên, bao gồm cả DNA hoặc hồ sơ bộ gen, cho mục đích chống Doping.

*Chú giải Điều 6.2: Ví dụ, thông tin hồ sơ cá nhân có liên quan có thể là được sử dụng để định hướng việc kiểm tra doping có chủ đích hoặc hỗ trợ cho việc tố tụng hành vi vi phạm luật chống doping theo Điều 2.2 (Sử dụng hoặc Cố tình sử dụng một Chất bị cấm), hoặc cả hai.*

## **6.3. Nghiên cứu các mẫu**

Không được phép dùng Mẫu để sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác so với quy định tại Điều 6.2 nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Vận động viên. Những Mẫu được sử dụng cho các mục đích khác so với quy định tại Điều 6.2 phải có phương thức xóa nhận dạng để chúng không thể truy nguyên về nguồn gốc của một Vận động viên cụ thể.

## **6.4. Tiêu chuẩn cho việc phân tích mẫu và báo cáo**

Các phòng thí nghiệm phải tiến hành phân tích Mẫu kiểm tra Doping và báo cáo kết quả theo đúng Tiêu chuẩn quốc tế đối với phòng thí nghiệm.

## **6.5. Kiểm tra lại mẫu**

Một mẫu có thể được phân tích lại do áp dụng quy định tại Điều 6.2 tại bất kỳ thời gian đặc biệt nào dưới sự hướng dẫn của Tổ chức chống Doping đã lấy mẫu hoặc WADA. Các tình tiết và điều kiện cho việc kiểm tra lại mẫu phải phù hợp với yêu cầu về Tiêu chuẩn quốc tế đối với phòng thí nghiệm.

*Chú giải Điều 6.5: Mặc dù Điều này là mới, các Tổ chức chống Doping luôn luôn có thẩm quyền đối với việc phân tích lại mẫu. Tiêu chuẩn quốc tế về phòng thí nghiệm hoặc tài liệu kỹ thuật mới được ban hành bổ sung cho tiêu chuẩn quốc tế sẽ làm hài hòa quy trình thủ tục kiểm tra lại mẫu này.*

## ĐIỀU 7. QUẢN LÝ KẾT QUẢ

Mỗi Tổ chức chống Doping tiến hành quản lý kết quả cần phải thiết lập một quy trình quản lý kết quả trước khi diễn ra phiên giải trình đối với những trường hợp có khả năng xảy ra vi phạm doping và quy trình này cần phải tuân thủ những nguyên tắc sau đây:

*Chú giải Điều 7: Các Bên ký kết khác nhau đã xây dựng những giải pháp riêng của mình để quản lý các kết quả xét nghiệm. Tuy các giải pháp khác nhau này chưa có được sự nhất quán hoàn toàn, song nhiều Bên ký kết đã chứng minh được đó là những hệ thống hợp lý và hiệu quả để quản lý các kết quả xét nghiệm. Bộ Luật không phủ nhận hệ thống quản lý kết quả của mỗi Bên ký kết, mà ấn định rõ, tại điều khoản này, những nguyên tắc cơ bản để đảm bảo sự công bằng cơ bản của quy trình quản lý kết quả phải được mỗi Bên ký kết giám sát chặt chẽ. Luật chống doping cụ thể của mỗi Bên ký kết phải tuân thủ đúng các nguyên tắc cơ bản này.*

### **7.1. Quá trình xem xét bước đầu đối với những Kết quả phân tích lợi**

Sau khi nhận được kết quả phân tích bất lợi của mẫu A, Tổ chức chống Doping chịu trách nhiệm quản lý kết quả cần phải tiến hành xem xét để xác định xem liệu: (a) có phải là trường hợp Miễn trừ do điều trị phù hợp đã

được hưởng hoặc sẽ được cho hưởng theo quy định trong Tiêu chuẩn quốc tế về Miễn trừ do điều trị hay không; hoặc có bất kỳ sai lệch rõ ràng nào so với Tiêu chuẩn quốc tế về xét nghiệm hoặc Tiêu chuẩn quốc tế về phòng thí nghiệm mà dẫn tới kết quả phân tích bất lợi hay không.

## **7.2. Thông báo sau khi xem xét bước đầu về Kết quả phân tích bất lợi**

Nếu quá trình xem xét bước đầu một Kết quả phân tích bất lợi theo Điều 7.1 không phát hiện thấy trường hợp Miễn trừ do điều trị phù hợp hoặc được hưởng quyền Miễn trừ do điều trị theo quy định trong Tiêu chuẩn quốc tế về miễn trừ do điều trị, hoặc sự sai lệch gây ra Kết quả phân tích bất lợi thì Tổ chức chống Doping cần phải lập tức thông báo cho Vận động viên về: (a) Kết quả phân tích bất lợi này; (b) đã có sự vi phạm luật chống doping; (c) Vận động viên có quyền ngay lập tức yêu cầu phân tích mẫu B, hoặc nếu Vận động viên không yêu cầu thì xem như việc phân tích mẫu B đã bị khước từ; (d) ngày, giờ và địa điểm sẽ tiến hành phân tích mẫu B nếu như Vận động viên hoặc Tổ chức chống Doping chọn yêu cầu phân tích mẫu B; (e) thời điểm cho Vận động viên và/hoặc người đại diện của Vận động viên tham dự vào việc mở và phân tích mẫu B trong khoảng thời gian được quy định cụ thể tại Tiêu chuẩn quốc tế về phòng thí nghiệm, nếu việc phân tích như vậy được yêu cầu; và (f) quyền của Vận động viên yêu cầu có được bản sao bộ tài

liệu về mẫu A và mẫu B của phòng thí nghiệm, trong đó có các thông tin như trong quy định của Tiêu chuẩn quốc tế về phòng thí nghiệm. Tổ chức chống Doping này đồng thời cũng phải thông báo cho các Tổ chức chống Doping khác được nêu điều 14.1.2. Nếu Tổ chức chống Doping quản lý kết quả quyết định không đưa kết quả phân tích bất lợi này ra như là một vi phạm luật chống doping, điều này cũng cần phải được thông báo cho Vận động viên và các Tổ chức chống Doping khác như được nêu Điều 14.1.2.

### **7.3. Xem xét lại Kết quả phân tích không hợp thức**

Theo quy định trong các Tiêu chuẩn quốc tế, trong một số trường hợp các phòng thí nghiệm sẽ được chỉ đạo làm báo cáo việc phát hiện có các Chất bị cấm, mà chất đó cũng có thể được sản sinh từ bên trong cơ thể (do cơ chế nội sinh), cũng như những Kết quả phân tích không hợp thức buộc phải điều tra thêm. Sau khi nhận được Kết quả phân tích không hợp thức của mẫu A, Tổ chức chống Doping chịu trách nhiệm quản lý kết quả cần phải tiến hành xem xét lại để xác định: (a) có thuộc một điều khoản Miễn trừ do điều trị phù hợp đã được cho hưởng hay không. Hoặc (b) có bất kỳ sự sai lệch rõ ràng nào so với Tiêu chuẩn quốc tế về xét nghiệm và Tiêu chuẩn quốc tế đối với phòng thí nghiệm mà có thể dẫn tới Kết quả phân tích không hợp thức này hay không. Nếu trong quá trình thẩm định này không tìm thấy một điều khoản Miễn trừ do điều trị phù hợp nào hoặc không có bất kỳ sai lệch

nào so với các Tiêu chuẩn quốc tế mà có thể dẫn tới Kết quả phân tích không hợp thức này thì Tổ chức chống Doping cần phải tiến hành việc điều tra cần thiết. Sau khi việc điều tra này được hoàn tất, Vận động viên và các Tổ chức chống Doping khác như đã được xác định tại Điều 14.1.2) phải được thông báo về việc Kết quả không hợp thức này có bị xem như là một Kết quả phân tích bất lợi hay không. Vận động viên phải được thông báo theo quy định tại Điều 7.2.

**7.3.1.** Tổ chức chống Doping sẽ không thông báo về Kết quả phân tích không hợp thức sau khi đã hoàn tất việc điều tra và đưa ra quyết định về việc có xem Kết quả phân tích không hợp thức này là Kết quả phân tích bất lợi hay không, ngoại trừ trong những tình huống sau:

Nếu Tổ chức chống Doping quyết định rằng cần phải phân tích mẫu B trước khi đưa ra quyết định điều tra theo Điều 7.3 thì Tổ chức chống Doping đó phải thông báo cho Vận động viên trước khi tiến hành phân tích mẫu B và trong thông báo đó phải tóm tắt về Kết quả phân tích không hợp thức và các thông tin khác như đã nêu tại Điều 7. (b) đến (f).

Nếu Tổ chức chống Doping nhận được yêu cầu của một Ban tổ chức giải đấu lớn ngay trước một trong những Giải đấu quốc tế của họ hoặc của một tổ chức thể thao chịu trách nhiệm tuyển chọn các thành viên của đội tham gia một giải đấu quốc tế sắp diễn ra xem có Vận động

viên nào trong danh sách đã lập của họ có kết quả phân tích không hợp thức hay không, thì Tổ chức chống Doping cần phải xác nhận những vận động viên thuộc trường hợp đó sau khi ra thông báo về Kết quả phân tích không hợp thức cho Vận động viên.

*Chú thích mục 7.3.1 (b): Trong trường hợp được nêu tại Điều 7.3.1 (b), cách giải quyết tình huống sẽ được trao cho Ban tổ chức Giải đấu lớn hoặc tổ chức thể thao theo đúng luật lệ của tổ chức đó.*

#### **Điều 7.4. Xem xét những hành vi phạm luật chống doping chưa được đề cập tới trong các Điều 7.1 đến 7.3**

Tổ chức Chống Doping hoặc một Cơ quan kiểm định khác do tổ chức này thành lập phải tiến hành bất kỳ hoạt động điều tra tiếp theo nào về khả năng vi phạm doping khi có yêu cầu đặt ra trong các chương trình hành động phòng chống doping và các điều luật đã được chấp nhận tuân thủ theo Bộ Luật hoặc theo các quy định khác mà Tổ chức chống Doping đó cho là phù hợp. Khi Tổ chức chống Doping đã có đủ bằng chứng thuyết phục về một hành vi vi phạm luật chống doping đã xảy ra, họ sẽ phải lập tức thông báo cho Vận động viên hoặc Tổ chức, Cá nhân có liên quan về điều luật chống doping đã bị vi phạm, theo phương thức được quy định trong luật của tổ chức đó, và những thông tin cơ bản về vi phạm đó. Các Tổ chức chống Doping khác (được quy định tại Điều 14.1.2) cũng sẽ được thông báo.

*Chú thích điều 7.4: Ví dụ, một Liên đoàn thể thao quốc tế có thể thông báo cho Vận động viên thông qua Liên đoàn thể thao quốc gia của Vận động viên đó.*

## **Điều 7.5. Nguyên tắc áp dụng các hình thức Đình chỉ thi đấu tạm thời**

**7.5.1.** Bắt buộc phải Đình chỉ thi đấu tạm thời sau khi có Kết quả phân tích bất lợi của mẫu A.

Các Bên ký kết phải phê chuẩn những điều luật có thể áp dụng đối với bất kỳ giải đấu nào mà Bên ký kết là chủ thể có thẩm quyền tổ chức hoặc có trách nhiệm tuyển chọn Vận động viên tham gia thi đấu hoặc khi Bên ký kết là Liên đoàn quốc tế có liên quan hoặc khi họ có trách nhiệm quản lý kết quả đối với những trường hợp bị cho là vi phạm doping, miễn là khi nhận được Kết quả phân tích bất lợi của mẫu A là do một Chất bị cấm chứ không phải là một Chất đặc hiệu, và khi đó việc Đình chỉ thi đấu tạm thời phải được áp dụng ngay sau quá trình xem xét và thông báo như đã nêu tại Điều 7.1 và 7.2.

Tuy nhiên, không được áp đặt hình thức Đình chỉ thi đấu tạm thời nếu như không cho Vận động viên: (a) cơ hội được Giải trình sơ bộ trước khi áp đặt hình phạt Đình chỉ thi đấu tạm thời hoặc ngay sau khi áp đặt hình phạt Đình chỉ thi đấu tạm thời theo nguyên tắc tức thời; hoặc (b) cơ hội để Giải trình một cách nhanh gọn theo quy định tại Điều 8 (Quyền được Giải trình một cách minh bạch) sau khi áp đặt hình phạt Đình chỉ thi đấu tạm thời theo nguyên tắc tức thời.



**7.5.2.** Có thể hoặc không áp đặt hình phạt Đình chỉ thi đấu tạm thời với lý do Kết quả phân tích bất lợi của mẫu A có liên quan tới những Chất đặc hiệu và các vi phạm doping khác.

Bên ký kết được phép lựa chọn những điều luật có thể áp dụng đối với bất kỳ giải đấu nào mà Bên ký kết là chủ thể có thẩm quyền tổ chức hoặc có trách nhiệm tuyển chọn Vận động viên tham gia thi đấu hoặc khi Bên ký kết là Liên đoàn quốc tế có liên quan hoặc khi họ có trách nhiệm quản lý kết quả đối với những trường hợp bị cho là vi phạm doping mà những điều luật đó cho phép áp đặt các hình thức Đình chỉ thi đấu tạm thời đối với những vi phạm doping khác ngoài trường hợp có Kết quả phân tích bất lợi, hoặc sau quá trình thẩm định và thông báo được nêu tại Điều 7.1 và 7.2 đối với các Chất đặc hiệu, nhưng trước khi tiến hành phân tích mẫu B của Vận động viên hoặc phiên giải trình cuối cùng theo quy định tại Điều 8 (Quyền được giải trình một cách minh bạch).

Tuy nhiên, hình phạt Đình chỉ thi đấu tạm thời chỉ được áp dụng sau khi đã dành cho Vận động viên hoặc Tổ chức, Cá nhân khác: (a) cơ hội được giải trình sơ bộ trước khi áp đặt hình phạt Đình chỉ thi đấu tạm thời hoặc ngay sau khi áp đặt hình phạt Đình chỉ thi đấu tạm thời theo nguyên tắc tức thời; hoặc (b) cơ hội để giải trình một cách nhanh gọn theo quy định tại Điều 8 (quyền được giải trình một cách minh bạch) ngay sau khi áp đặt hình phạt Đình chỉ thi đấu tạm thời theo nguyên tắc tức thời.

Nếu hình phạt Đình chỉ thi đấu tạm thời được áp đặt căn cứ vào Kết quả phân tích bất lợi của mẫu A và việc phân tích mẫu B sau đó (nếu có yêu cầu của Vận động viên hoặc Tổ chức chống Doping) không khẳng định việc phân tích mẫu A đó, thì Vận động viên sẽ không phải tiếp tục chịu hình phạt Đình chỉ thi đấu tạm thời với lý do vi phạm Điều 2.1 (Có Chất bị cấm hoặc các Chất chuyển hóa/hoặc các Dấu hiệu của nó) đó nữa. Trong những trường hợp khi mà Vận động viên (hoặc đội của Vận động viên đó) chiếu theo quy định trong luật của Liên đoàn quốc tế tương ứng) đã bị loại khỏi cuộc thi đấu do vi phạm Điều 2.1, và việc phân tích mẫu B sau đó không khẳng định kết quả của mẫu A, khi đó nếu không ảnh hưởng tới cuộc thi, Vận động viên hoặc đội của mình có thể được phép trở lại tiếp tục tham gia cuộc thi đấu đó.

*Chú giải Điều 7.5: Trước khi đơn phương áp đặt hình phạt Đình chỉ thi đấu tạm thời, Tổ chức chống Doping trước hết phải hoàn thành việc xem xét những tình tiết nội tại được quy định trong Bộ Luật. Ngoài ra, Bên ký kết khi áp đặt hình phạt Đình chỉ thi đấu tạm thời phải cho Vận động viên cơ hội để giải trình sơ bộ trước khi hoặc ngay sau khi áp dụng xử phạt Đình chỉ thi đấu tạm thời, hoặc phiên giải trình cuối cùng được tiến hành theo quy định tại Điều 8 ngay sau khi áp đặt hình phạt Đình chỉ thi đấu tạm thời. Vận động viên có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 13.2. Trong trường hợp hãn hữu khi việc phân tích mẫu B không*

*khẳng định kết quả phân tích của mẫu A, Vận động viên đã bị Đình chỉ thi đấu tạm thời sẽ được, nếu tình huống cho phép, tham gia các cuộc đấu tiếp theo tại giải đấu đó. Tương tự như vậy, tùy thuộc vào các điều luật có liên quan của Liên đoàn quốc tế ở một môn thể thao đồng đội, nếu đội đó vẫn đang trong quá trình thi đấu thì Vận động viên sẽ được phép có thể tham gia những trận đấu tiếp theo.*

*Vận động viên sẽ được xác nhận thời hạn bị Đình chỉ thi đấu tạm thời để khấu trừ vào thời hạn bị Tước bỏ tư cách, là mức xử phạt cao nhất bị áp đặt theo quy định tại Điều 10.9.3.*

## **7.6. Ngừng tham gia thi đấu thể thao**

Nếu một Vận động viên hoặc Tổ chức, Cá nhân khác ngừng thi đấu thể thao trong khi quá trình quản lý kết quả đang được tiến hành thì Tổ chức chống Doping đang tiến hành quá trình quản lý kết quả vẫn có thẩm quyền pháp lý để hoàn tất quá trình quản lý kết quả này. Nếu một Vận động viên hoặc Tổ chức, Cá nhân khác ngừng thi đấu thể thao trước khi quá trình quản lý kết quả bắt đầu, thì Tổ chức chống Doping có thẩm quyền quản lý kết quả đối với Vận động viên hoặc Tổ chức, Cá nhân đó tại thời điểm họ vi phạm luật chống Doping sẽ có thẩm quyền tiến hành quản lý kết quả.

*Chú giải Điều 7.6: Hành vi của một Vận động viên hoặc Tổ chức, Cá nhân khác xảy ra trước khi họ thuộc*

*thâm quyền quản lý của bất kỳ Tổ chức chống Doping nào sẽ không cấu thành hành vi vi phạm luật chống Doping, nhưng sẽ là cơ sở pháp lý để từ chối tư cách thành viên trong một tổ chức thể thao của Vận động viên hoặc Tổ chức, Cá nhân đó.*

## **ĐIỀU 8. QUYỀN ĐƯỢC GIẢI TRÌNH MỘT CÁCH MINH BẠCH**

### **8.1. Phiên xét xử nghe đương sự Giải trình**

Mỗi Tổ chức chống Doping chịu trách nhiệm quản lý kết quả phải thực hiện các thủ tục tiến hành phiên xét xử cho Cá nhân, Tổ chức bị cáo buộc vi phạm luật chống doping được giải trình về vụ việc. Các thủ tục tiến hành phiên xét xử này phải nhằm làm rõ việc đã có sự vi phạm luật chống doping hay không và nếu có thì hậu quả là gì. Trình tự tiến hành phiên xét xử cần phải tôn trọng những nguyên tắc sau đây:

- Kịp thời;
- Hội đồng xét xử phải công bằng và khách quan;
- Quyền có luật sư đại diện và Cá nhân, Tổ chức bị cáo buộc phải tự trả chi phí;
- Quyền được thông báo một cách kịp thời và minh bạch về hành vi vi phạm doping bị cáo buộc;
- Quyền phản ứng lại đối với lỗi vi phạm bị cáo buộc và các hậu quả của nó;
- Quyền của các bên được đưa ra bằng chứng, bao gồm cả việc triệu tập và hỏi nhân chứng (Hội đồng xét xử sẽ xem xét và quyết định chấp nhận lời khai qua điện thoại hoặc đệ trình bằng văn bản);

Đương sự có quyền có người phiên dịch tại phiên giải trình, Hội đồng xét xử sẽ xác định người phiên dịch này và chi trả tiền phí; và Quyết định phải hợp lý, kịp thời bằng văn bản, có giải thích cụ thể về lý do áp dụng mức thời hạn Tước bỏ tư cách.

*Chú giải Điều 8.1: Điều này chứa đựng những nguyên tắc cơ bản nhằm đảm bảo cho Cá nhân, Tổ chức bị cáo buộc vi phạm về doping được giải trình một cách minh bạch. Điều khoản này không nhằm mục đích thay thế các điều luật riêng của mỗi Bên ký kết, mà chỉ để đảm bảo cho mỗi Bên ký kết sẽ tiến hành phiên giải trình theo đúng những nguyên tắc này.*

## **8.2. Giải trình tại Giải đấu**

Việc Giải trình trong khuôn khổ các giải đấu có thể được tiến hành nhanh gọn nếu được phép, theo luật của Tổ chức chống Doping có liên quan và được phép của Hội đồng xét xử.

*Chú giải Điều 8.2: Ví dụ, phiên Giải trình có thể được xúc tiến nhanh gọn ngay trước khi diễn ra một giải đấu lớn mà phán quyết về sự vi phạm doping là cần thiết để quyết định tư cách tham gia thi đấu của Vận động viên tại giải đấu đó; hoặc xúc tiến trong quá trình diễn ra giải đấu mà phán quyết về vụ việc sẽ ảnh hưởng tới việc công nhận thành tích thi đấu hoặc việc tham gia thi đấu tiếp theo của Vận động viên trong Giải đấu đó.*

### **8.3. Khước từ quyền được Giải trình**

Quyền được Giải trình trước hội đồng xét xử có thể được từ chối một cách dứt khoát hoặc do Vận động viên hoặc Tổ chức, Cá nhân khác không phản đối sự khẳng định của Tổ chức chống Doping rằng đã có vi phạm về doping trong một thời hạn cụ thể, theo quy định trong luật của Tổ chức chống Doping đó. Trong trường hợp không có phiên Giải trình nào diễn ra thì Tổ chức chống Doping chịu trách nhiệm quản lý kết quả sẽ gửi tới những Cá nhân, Tổ chức được nêu tại Điều 13.2.3 một quyết định có lý lẽ, giải thích về biện pháp xử phạt.

## **ĐIỀU 9. MẶC NHIÊN BỊ TƯỚC BỎ THÀNH TÍCH THI ĐẤU CÁ NHÂN**

Vi phạm luật chống Doping trong các môn thể thao cá nhân liên quan với việc Kiểm tra doping trong thi đấu sẽ mặc nhiên dẫn tới việc bị hủy bỏ thành tích đã đạt được trong cuộc thi đấu đó, kể cả việc bị tước bỏ huy chương, điểm và phần thưởng.

*Giải thích Điều 9: Khi một Vận động viên giành được huy chương vàng nhờ có Chất bị cấm trong cơ thể của mình thì điều đó quả là bất công đối với những Vận động viên khác trong cuộc thi đấu đó, bất kể là người đạt huy chương vàng đó có thực sự phạm lỗi hay không. Chỉ những Vận động viên “sạch” mới được phép thụ hưởng những thành tích thi đấu của mình.*

*Đối với các môn thể thao đồng đội, xem Điều 11 (Hậu quả đối với các đội).*

*Đối với các môn thể thao không phải là môn đồng đội, nhưng có trao giải thưởng đồng đội, thì việc bị tước quyền thi đấu hoặc các hình thức xử phạt khác khi có một hay nhiều thành viên của đội đã vi phạm luật chống doping thì sẽ phải theo quy định tại các điều luật thích hợp của Liên đoàn quốc tế của môn thể thao đó.*



## **ĐIỀU 10. CÁC HÌNH THỨC XỬ PHẠT ĐỐI VỚI CÁ NHÂN**

### **10.1. Huỷ bỏ các kết quả tại Giải đấu mà ở đó có vi phạm về Doping**

Vận động viên vi phạm luật chống doping trong khi đang diễn ra Giải đấu hoặc có liên quan với Giải đấu, theo quyết định của tổ chức có thẩm quyền tại Giải đấu đó, sẽ bị huỷ bỏ mọi thành tích thi đấu cá nhân đã đạt được trong Giải đấu đó cùng với tất cả những hậu quả kèm theo, kể cả việc bị tước bỏ huy chương, điểm và giải thưởng, ngoại trừ trường hợp được quy định tại Điều 10.1.1.

*Chú giải Điều 10.1: Mặc dù theo quy định tại Điều 9 (Mặc nhiên bị tước bỏ thành tích thi đấu cá nhân), Vận động viên sẽ bị tước bỏ thành tích trong cuộc thi đấu cá nhân mà trong đó Vận động viên có kết quả kiểm tra doping dương tính (ví dụ, trong nội dung 100m bơi ngựa...), áp dụng Điều luật này có thể dẫn đến việc huỷ bỏ toàn bộ kết quả trong tất cả các nội dung thi đấu trong Giải (ví dụ, Giải Vô địch thế giới của Liên đoàn Bơi quốc tế). Các yếu tố cần phải xem xét khi tính đến việc có huỷ bỏ các thành tích thi đấu khác trong Giải đấu hay không, có thể bao gồm: mức độ nghiêm trọng của hành vi vi phạm đến đâu và vận động viên có kết quả kiểm tra doping âm tính trong các cuộc thi đấu kia hay không).*

**10.1.1.** Nếu Vận động viên chứng minh được rằng họ không nhầm lẫn hoặc bất cẩn mà dẫn đến vi phạm, thì thành tích thi đấu cá nhân của vận động viên tại các cuộc thi đấu khác sẽ không bị huỷ bỏ nếu như kết quả thi đấu của vận động viên đó ở các cuộc thi đấu khác ngoài cuộc đấu có vi phạm về doping hầu như không được tác động bởi hành vi vi phạm về doping của vận động viên đó.

**10.2. Tước bỏ tư cách tham gia thi đấu đối với các hành vi Sử dụng, Cố tình sử dụng hoặc Sở hữu các Chất và Phương pháp bị cấm**

Thời hạn bị Tước bỏ tư cách tham gia thi đấu do vi phạm Điều 2.1 (Có Chất bị cấm hoặc các chất Chuyển hóa hoặc các Dấu vết của chất bị cấm trong mẫu xét nghiệm của Vận động viên), Điều 2.2 (Sử dụng hoặc Cố tình sử dụng Chất bị cấm hay Phương pháp bị cấm) hoặc Điều 2.6 (Sở hữu Chất bị cấm và Phương pháp bị cấm), nếu như không thỏa mãn các điều kiện để được miễn hoặc giảm thời hạn bị Tước bỏ tư cách theo quy định tại Điều 10.4 và 10.5 hoặc các điều kiện để tăng thêm thời hạn bị Tước bỏ tư cách tham gia thi đấu theo quy định tại Điều 10.6, sẽ được áp dụng như sau:

Vi phạm lần thứ nhất: Bị Tước bỏ tư cách tham gia thi đấu hai năm.

*Chú giải Điều 10.2: Áp dụng các hình thức xử phạt một cách tương xứng là một trong những vấn đề được thảo luận và gây tranh cãi nhiều nhất về phòng chống*

*doping. Áp dụng các hình thức xử phạt một cách tương xứng là việc áp dụng cùng một điều luật và tiêu chí để đánh giá những tình tiết đơn lẻ của mỗi vụ việc cụ thể. Luận cứ chống lại việc áp dụng các hình thức xử phạt tương xứng ở mức cần thiết với hành vi vi phạm thường dựa trên sự khác biệt giữa các môn thể thao, bao gồm, như các ví dụ sau đây: ở một số môn thể thao mà việc tập luyện và thi đấu của các vận động viên có tính chất chuyên nghiệp sẽ kiếm được thu nhập đáng kể từ môn thể thao này còn ở những môn khác vận động viên thực sự là nghiệp dư; trong những môn thể thao mà giới hạn độ tuổi có thể tham gia thi đấu của vận động viên rất ngắn ngủi (ví dụ: Thể dục dụng cụ, thể dục nghệ thuật), thì việc bị truất quyền thi đấu 2 năm sẽ ảnh hưởng lớn hơn tới sự nghiệp của vận động viên so với ở các môn thể thao mang tính truyền thống (ví dụ, đua ngựa và bắn súng); trong thời gian bị truất quyền thi đấu, vận động viên các môn thể thao cá nhân vẫn có khả năng tốt hơn để duy trì các kỹ năng thi đấu thông qua tập luyện một mình, so với các môn thể thao mà việc tập luyện theo vị trí chiến thuật của đội là quan trọng hơn. Tranh cãi chủ yếu trong việc chiếu cố khi áp dụng hình thức xử phạt đó là, hoàn toàn không công bằng khi hai vận động viên của cùng một quốc gia có kết quả xét nghiệm dương tính với cùng một Chất bị cấm trong cùng những tình tiết giống nhau lại phải chịu các hình thức xử phạt khác nhau chỉ do họ tham gia các môn thể thao khác nhau. Ngoài ra, sự linh động trong việc xử phạt thường được*

*nhìn nhận là một cơ hội không thể chấp nhận được để một số tổ chức thể thao sẽ khoan dung hơn với những người sử dụng doping. Việc áp dụng các hình thức xử phạt một cách không tương xứng cũng thường xuyên là nguồn gốc của những xung đột về phạm vi quyền lực pháp lý giữa các Liên đoàn thể thao quốc tế và các Tổ chức chống Doping quốc gia.*

### **10.3. Tước bỏ tư cách tham gia thi đấu đối với các hành vi vi phạm doping khác**

Thời hạn bị Tước bỏ tư cách tham gia thi đấu đối với các hành vi vi phạm điều luật chống doping khác không thuộc quy định tại Điều 10.2 được áp dụng như sau:

**10.3.1.** Vi phạm Điều 2.3 (Bỏ qua /làm lơ hoặc từ chối thực hiện việc lấy mẫu thử) hoặc Điều 2.5 (Ngụy tạo hoặc cố tình ngụy tạo đối với bất kỳ công đoạn nào của việc kiểm tra Doping), thời hạn bị Tước bỏ tư cách tham gia thi đấu sẽ là hai (2) năm nếu như không thỏa mãn những điều kiện được quy định tại Điều 10.5, hoặc các điều kiện quy định tại Điều 10.6.

**10.3.2.** Đối với những hành vi vi phạm Điều 2.7 (Buôn bán hoặc đã cố tình buôn bán Chất bị cấm hay Phương pháp bị cấm) hoặc Điều 2.8 (Sở hữu hoặc cố tình sở hữu chất bị cấm hoặc phương pháp bị cấm), thời hạn bị Tước bỏ tư cách tham gia thi đấu tối thiểu là bốn (4) năm hoặc vĩnh viễn nếu như không thỏa mãn những điều kiện được quy định tại Điều 10.5, hoặc các điều kiện quy định tại Điều 10.6.

Vi phạm luật chống doping có liên quan đến vị thành niên được xem là hành vi vi phạm đặc biệt nghiêm trọng, và nếu là do các Cán bộ nhân viên trợ giúp Vận động viên vi phạm các lỗi mà không thuộc trường hợp các Chất đặc hiệu được đề cập tại Điều 4.2.2 thì Cán bộ, nhân viên hỗ trợ vận động viên đó sẽ vĩnh viễn suốt đời bị Tước bỏ tư cách tham gia tham gia các hoạt động thi đấu. Ngoài ra, nếu vi phạm nghiêm trọng Điều 2.7 hoặc 2.8 mà có thể còn vi phạm cả những luật lệ khác không phải là luật thể thao, sẽ bị thông báo cho cơ quan quản lý có thẩm quyền, các cơ quan chuyên trách hoặc cơ quan pháp luật.

*Chú giải Điều 10.3.2: Những người có liên quan đến việc sử dụng doping của Vận động viên hoặc có hành động bao che sẽ bị xử phạt nặng hơn gấp nhiều lần so với các Vận động viên có kết quả xét nghiệm dương tính. Do thẩm quyền của các tổ chức thể thao nói chung bị giới hạn đối với việc Tước bỏ tư cách tham gia thi đấu, tư cách thành viên và các lợi ích thể thao khác, việc báo cáo về Cán bộ nhân viên trợ giúp vận động viên cho các cơ quan có thẩm quyền là một bước quan trọng trong việc ngăn chặn hành vi sử dụng doping.*

**10.3.3.** Đối với những vi phạm tại Điều 2.4 (Vi phạm các yêu cầu liên quan đến sự có mặt của Vận động viên để kiểm tra doping ngoài thi đấu,...), thời hạn bị Tước bỏ tư cách tham gia thi đấu tối thiểu là một (01) năm và tối đa là hai (02) năm căn cứ vào mức độ vi phạm của Vận động viên.

*Chú giải Điều 10.3.3: Thời hạn xử phạt theo quy định tại Điều 10.3.3 sẽ là hai năm, nếu có liên tiếp ba lần kiểm tra bị bỏ qua và/hoặc thiếu hồ sơ về nơi ở mà không có lý do chính đáng. Mặt khác, việc xử phạt được thực hiện trong phạm vi từ hai năm đến một năm, căn cứ theo các tình tiết của vụ việc).*

#### **10.4. Huỷ bỏ hoặc giảm thời hạn bị Tước bỏ tư cách tham gia thi đấu trong trường hợp tìm thấy các Chất đặc hiệu với những tình tiết đặc biệt**

Trường hợp Vận động viên hoặc Tổ chức, Cá nhân khác chứng minh được Chất đặc hiệu được đưa vào cơ thể hoặc đã sở hữu nó như thế nào và Chất đặc hiệu đó không nhằm mục đích nâng cao thành tích thể thao của vận động viên hoặc che dấu việc sử dụng một chất có tác dụng nâng cao thành tích, thì thời hạn bị Tước bỏ tư cách tham gia thi đấu quy định tại Điều 10.2 sẽ được áp dụng như sau:

Vi phạm lần đầu: mức tối thiểu là cảnh cáo và không bị Tước bỏ tư cách tham gia thi đấu tại các Giải đấu trong tương lai, và tối đa là Tước bỏ tư cách tham gia thi đấu hai (02) năm.

Để biện hộ cho việc được xóa bỏ hay giảm thời hạn bị Tước bỏ tư cách tham gia thi đấu, Vận động viên hoặc Tổ chức, Cá nhân khác phải xuất trình bằng chứng biện hộ, ngoài phần giải trình chứng minh để hội đồng xét xử hoàn toàn hài lòng về việc không nhằm mục đích nâng

cao thành tích thể thao của Vận động viên hoặc che dấu việc sử dụng một chất có tác dụng nâng cao thành tích. Mức độ lỗi của Vận động viên hoặc Tổ chức, Cá nhân khác là tiêu chí được xem xét trong việc lượng giá mức giảm bớt thời hạn bị Tước bỏ tư cách tham gia thi đấu.

*Chú giải Điều 10.4: Các chất đặc hiệu không hẳn là những tác nhân doping trong thể thao ít nghiêm trọng hơn so với các Chất bị cấm khác (ví dụ, một chất kích thích được đưa vào danh mục là Chất đặc hiệu có thể tác động rất tốt tới Vận động viên trong thi đấu), vì lý do đó, những trường hợp vận động viên không hội đủ các tiêu chí được quy định tại Điều này sẽ bị Tước bỏ tư cách tham gia thi đấu hai năm và có thể bị xử phạt với thời hạn tới bốn năm theo quy định tại Điều 10.6. Tuy nhiên, có một khả năng lớn hơn là các Chất đặc hiệu, trái ngược với các chất bị cấm khác, có thể là một lời giải thích đáng tin cậy về việc không sử dụng Doping.*

*Điều này chỉ áp dụng trong trường hợp hội đồng xét xử hoàn toàn chấp nhận những tình huống khách quan trong vụ việc mà vận động viên sử dụng hoặc sở hữu Chất bị cấm không nhằm mục đích nâng cao thành tích thể thao của mình. Ví dụ về những tình huống khách quan mà khi sâu chuỗi lại với nhau sẽ khiến hội đồng xét xử hoàn toàn bị thuyết phục rằng không nhằm mục đích nâng cao thành tích có thể là: trên thực tế bản chất của các Chất đặc hiệu hoặc thời gian hấp thụ chất đó không mang lại lợi ích nào cho Vận*

*động viên; việc sử dụng công khai của Vận động viên hoặc cho mọi người biết việc mình sử dụng Chất đặc hiệu đó; và hồ sơ bệnh án ghi chép cùng với khoảng thời gian xem xét chứng minh việc sử dụng Chất đặc hiệu theo đơn thuốc không liên quan đến thể thao. Nói chung, lợi ích của việc nâng cao thành tích càng lớn, thì gánh nặng của Vận động viên để chứng minh được mục đích sử dụng thuốc không nhằm mục đích nâng cao thành tích thể thao càng nhiều.*

*Khi chứng minh để hội đồng xét xử hoàn toàn tin rằng không nhằm mục đích nâng cao thành tích thể thao, Vận động viên có thể chứng minh Chất đặc hiệu đó đã vào cơ thể mình như thế nào bằng những lý lẽ chắc chắn.*

*Khi đánh giá mức độ Nhầm lẫn của Vận động viên hoặc Tổ chức, Cá nhân nào khác, những tình tiết được xem xét phải cụ thể và thích đáng để giải thích sự sai lệch so với tiêu chuẩn hành động hoàn toàn bình thường của Vận động viên hoặc Tổ chức, Cá nhân đó. Ví dụ, thực sự là Vận động viên sẽ mất cơ hội để kiếm được một khoản thu nhập lớn trong thời gian bị Tước bỏ tư cách, hoặc thực sự là, Vận động viên đó chỉ còn lại một thời gian ngắn trong sự nghiệp thi đấu của mình, hoặc thời gian của lịch thi đấu không liên quan đến các yếu tố được xem xét để được giảm thời hạn bị Tước bỏ tư cách tham gia thi đấu theo quy định tại Điều này. Điều này cũng là một sự cảnh báo trước rằng, thời hạn bị Tước bỏ tư cách sẽ được xóa bỏ hoàn toàn chỉ trong những trường hợp đặc biệt hoàn toàn.*



## **10.5. Huỷ bỏ hoặc giảm bớt thời hạn bị Tước bỏ tư cách tham gia thi đấu căn cứ vào những tình tiết đặc biệt**

### **10.5.1. Không có sự Nhầm lẫn hoặc Bất cẩn.**

Nếu một Vận động viên chứng minh được trong trường hợp của mình là Không có sự Nhầm lẫn hoặc Bất cẩn thì thời hạn bị Tước bỏ tư cách tham gia thi đấu sẽ được huỷ bỏ. Khi một Chất bị cấm, các Dấu hiệu hoặc các chất Chuyển hóa của nó được phát hiện trong Mẫu xét nghiệm của vận động viên thuộc hành vi vi phạm Điều 2.1 (Có Chất bị cấm...), để được huỷ bỏ hình phạt Tước bỏ tư cách, vận động viên phải chứng minh được Chất bị cấm đó đã vào cơ thể mình bằng cách nào. Trong trường hợp Điều luật này được áp dụng và thời hạn bị Tước bỏ tư cách tham gia thi đấu lẽ ra phải áp dụng sẽ được huỷ bỏ, thì lỗi vi phạm về Doping này sẽ không được xem là vi phạm để giới hạn việc xác định thời hạn bị Tước bỏ tư cách tham gia thi đấu đối với những hành vi vi phạm nhiều lần theo quy định tại Điều 10.7.

### **10.5.2. Không có sự Nhầm lẫn hoặc Bất cẩn đáng kể**

Nếu một Vận động viên hoặc Tổ chức, Cá nhân khác chứng minh được trong trường hợp của mình là Không có sự Nhầm lẫn hoặc Bất cẩn đáng kể, thì thời hạn bị Tước bỏ tư cách tham gia thi đấu lẽ ra phải có thể áp dụng có thể được giảm, nhưng thời hạn bị Tước bỏ tư cách tham gia thi đấu sau khi đã được giảm không được vượt quá một

nửa thời hạn lẽ ra phải áp dụng. Nếu thời hạn bị Tước bỏ tư cách tham gia thi đấu lẽ ra phải áp dụng là suốt đời, thì thời hạn sau khi đã được giảm theo quy định tại Điều này phải tối thiểu là tám (8) năm. Khi một Chất bị cấm, các Dấu hiệu hoặc các chất Chuyển hóa của nó được phát hiện trong Mẫu xét nghiệm của vận động viên thuộc hành vi vi phạm Điều 2.1 (Có Chất bị cấm...), để được huỷ bỏ hình phạt Tước bỏ tư cách tham gia thi đấu, vận động viên phải chứng minh được Chất bị cấm đó đã vào cơ thể mình bằng cách nào.

*Chú giải các Điều 10.5.1 và 10.5.2: Bộ Luật quy định về việc giảm hoặc huỷ bỏ thời hạn bị Tước bỏ tư cách tham gia thi đấu có thể áp dụng trong tình huống đơn lẻ mà ở đó vận động viên chứng minh được rằng bản thân đã Không có sự Nhầm lẫn hoặc Bất cẩn, hoặc Không Nhầm lẫn hoặc Bất cẩn đáng kể, liên quan đến hành vi vi phạm đó. Cách tiếp cận này là phù hợp với các nguyên tắc cơ bản về nhân quyền và tạo ra sự cân bằng giữa các Tổ chức chống Doping ủng hộ việc xem xét về tình tiết đặc biệt một cách eo hẹp hơn nhiều, hoặc hoàn toàn không xét đến, và những Tổ chức chống Doping thường vẫn giảm bớt mức đình chỉ thi đấu hai năm, căn cứ vào một loạt các yếu tố khác nữa, ngay cả khi vận động viên đó đã thừa nhận là có Nhầm lẫn. Hai Điều khoản này chỉ áp dụng cho việc áp đặt các hình thức xử phạt chứ không thể áp dụng vào việc xác định đã có vi phạm luật chống doping hay không. Điều 10.5.2 có thể áp dụng được cho bất kỳ*

*hành vi vi phạm nào về doping mặc dù sẽ rất khó thỏa mãn hội đủ các tiêu chí để được miễn giảm hình phạt đối với những hành vi vi phạm luật chống doping mà sự hiểu biết là một yếu tố cấu thành hành vi vi phạm.*

*Điều 10.5.1 và 10.5.2 có giá trị hiệu lực chỉ trong những vụ việc mà những tình tiết xảy đến thực sự là đặc biệt và không có ở đa số phần lớn các vụ việc.*

*Ví dụ minh họa về việc vận dụng Điều 10.5.1, với trường hợp Không có sự Nhầm lẫn hoặc Bất cẩn sẽ dẫn đến kết quả hủy bỏ hoàn toàn một hình phạt, đó là trường hợp Vận động viên chứng minh được rằng, mặc dù bản thân mình đã hết sức thận trọng song vẫn bị đối thủ ngầm phá hoại. Ngược lại, hình phạt sẽ không thể được loại bỏ hoàn toàn trên cơ sở Không có sự Nhầm lẫn hoặc Bất cẩn với các tình tiết sau đây:*

*(a) Kết quả kiểm tra dương tính do dùng vitamin hoặc thực phẩm bổ sung dinh dưỡng bị vấy bẩn hoặc bị mất nhãn mác (Các Vận động viên phải chịu trách nhiệm đối với những gì họ đưa vào cơ thể mình (Điều 2.1.1) và đã được cảnh báo trước về khả năng nhiễm bẩn thực phẩm), (b) do bác sĩ riêng hoặc huấn luyện viên của Vận động viên cho uống Chất bị cấm mà không nói rõ cho vận động viên đó biết (Vận động viên phải chịu trách nhiệm về việc lựa chọn cán bộ y tế và cán bộ tư vấn y tế của mình để đảm bảo không thể bị những người đó cho dùng bất kỳ Chất bị cấm nào), và (c) do chồng, vợ, huấn luyện viên hoặc người nào nhân khác trong nhóm cộng tác với vận động viên đã ngầm cho vào đồ ăn, thức uống của vận động viên đó*

*(Vận động viên phải chịu trách nhiệm về bất cứ chất gì được đưa vào cơ thể mình và về hành vi của những người mà mình đã giao phó cho họ việc cung cấp thức ăn và đồ uống). Tuy nhiên, tùy thuộc vào những tình tiết thực tế riêng của mỗi trường hợp cá biệt, bất kỳ trường hợp nào trong số những ví dụ minh họa được dẫn ra ở trên đều có thể rơi vào trường hợp được giảm nhẹ trên cơ sở Không có sự Nhầm lẫn hoặc Bất cẩn đáng kể. (Ví dụ, trong trường hợp ví dụ minh họa (a) cũng rất có thể là tình tiết giảm nhẹ thích hợp nếu vận động viên chứng minh được rõ ràng rằng nguyên nhân dẫn đến kết quả kiểm tra dương tính là do bị nhiễm vào nhiều loại vitamin có nguồn gốc xuất xứ không liên quan đến Các chất bị cấm và Vận động viên đã sử dụng rất thận trọng khi không dùng các sản phẩm bổ sung dinh dưỡng khác).*

*Khi đánh giá mức độ Nhầm lẫn của Vận động viên hoặc Tổ chức, Cá nhân nào khác theo Điều 10.5.1 và Điều 10.5.2, bằng chứng được xem xét phải cụ thể và thích đáng để giải thích sự sai lệch so với tiêu chuẩn hành động hoàn toàn bình thường ở Vận động viên hoặc Tổ chức, Cá nhân đó. Ví dụ, thực sự là Vận động viên sẽ mất cơ hội để kiếm được một khoản thu nhập lớn trong thời gian bị Tước bỏ tư cách tham gia thi đấu, hoặc thực sự là Vận động viên đó chỉ còn lại một thời gian ngắn trong sự nghiệp thi đấu của mình, hoặc thời gian của lịch thi đấu không liên quan đến các yếu tố được xem xét để được giảm thời hạn bị Tước bỏ tư cách theo quy định tại Điều này. Điều này cũng là một*

*sự cảnh báo trước rằng, thời hạn bị Tước bỏ tư cách sẽ được xóa bỏ hoàn toàn chỉ trong những trường hợp hoàn toàn đặc biệt.*

*Mặc dù không phải cứ ở tuổi vị thành niên là được đối xử cá biệt, song chắc chắn rằng, tuổi trẻ và sự thiếu kinh nghiệm là những yếu tố thích đáng cần được đánh giá khi xác định mức độ vi phạm của Vận động viên hoặc của một Tổ chức, Cá nhân nào khác theo Điều 10.5.2, cũng như các Điều 10.5.3, 10.4 và Điều 10.5.1.*

*Điều 10.5.2 sẽ không được áp dụng trong trường hợp thuộc phạm vi áp dụng của Điều 10.3.3 hoặc Điều 10.4, khi những Điều luật này là căn cứ để xem xét mức độ Nhảm lẫn của Vận động viên hoặc của một Tổ chức, Cá nhân nào khác nhằm chứng minh thời hạn bị Tước bỏ tư cách tham gia thi đấu bị áp đặt là thích đáng.*

**10.5.3.** Sự Hỗ trợ có hiệu quả trong việc phát hiện và chứng minh hành vi vi phạm luật chống Doping.

Tổ chức chống Doping chịu trách nhiệm quản lý kết quả đối với một hành vi vi phạm luật chống doping, trước khi có quyết định khiếu nại cuối cùng theo quy định tại Điều 13 hoặc trước khi hết thời gian khiếu nại, có thể đình chỉ một phần thời hạn chịu hình phạt bị Tước bỏ tư cách đã tuyên trong trường hợp cá nhân Vận động viên hoặc Tổ chức, Cá nhân khác đã có sự hỗ trợ đáng kể cho Tổ chức chống Doping, cơ quan điều tra hoặc cơ quan

chuyên trách mà nhờ đó Tổ chức chống Doping phát hiện hoặc chứng minh được hành vi vi phạm luật chống doping do một Tổ chức, Cá nhân khác gây ra, hoặc nhờ đó mà cơ quan điều tra hoặc cơ quan chuyên trách chứng minh được một hành động tội phạm hoặc vi phạm những quy tắc hành nghề của một Tổ chức, Cá nhân khác. Sau quyết định khiếu nại cuối cùng theo quy định tại Điều 13 hoặc khi đã kết thúc thời hạn khiếu nại, Tổ chức chống Doping chỉ được phép đình chỉ một phần thời hạn thi hành hình phạt Tước bỏ tư cách tham gia thi đấu đáng lẽ phải thi hành khi có sự phê chuẩn của WADA và Liên đoàn quốc tế có thẩm quyền. Khoảng thời gian được đình chỉ thi hành hình phạt sẽ căn cứ vào mức độ nghiêm trọng của hành vi mà Vận động viên hoặc Tổ chức, Cá nhân đã vi phạm và hiệu quả rõ rệt thu được từ sự hỗ trợ đáng kể của Vận động viên hoặc Tổ chức, Cá nhân đó với sự nỗ lực để loại bỏ Doping trong thể thao. Không quá ba phần tư thời gian thi hành hình phạt Tước bỏ tư cách đáng lẽ phải thi hành có thể được đình chỉ. Nếu thời hạn bị Tước bỏ tư cách đáng lẽ phải thi hành là suốt đời, thì khoảng thời gian không được đình chỉ (thời gian phải chấp hành hình phạt) theo quy định tại Điều khoản này tối thiểu phải là tám (08) năm.

Nếu Tổ chức Chống doping đình chỉ một phần thời hạn thi hành hình phạt Tước bỏ tư cách tham gia thi đấu theo quy định tại Điều này thì sẽ phải gửi ngay văn bản lý giải về quyết định của mình cho các Tổ chức chống

Doping có quyền khiếu nại quyết định này. Nếu sau đó Tổ chức chống Doping phục hồi lại phần thời gian thi hành hình phạt đã được đình chỉ do Vận động viên hoặc Tổ chức, Cá nhân đã không có sự Hỗ trợ đáng kể nào mà họ đã đề cập đến trước đó thì, theo quy định tại khoản 13.2, Vận động viên hoặc Tổ chức, Cá nhân đó có thể khiếu nại quyết định phục hồi này

*Chú giải Điều 10.5.3: Sự hợp tác của các Vận động viên, Cán bộ, nhân viên trợ giúp vận động viên và những Tổ chức, Cá nhân khác thừa nhận những sai lầm của mình và sẵn sàng đưa các hành vi vi phạm về Doping ra ánh sáng là yếu tố quan trọng để làm trong sạch môi trường thể thao.*

*Những yếu tố được xem xét khi đánh giá mức độ quan trọng của sự hỗ trợ có hiệu quả thường bao gồm, số người có liên quan, địa vị của những người đó trong thể thao, có dính líu đến việc buôn bán theo quy định tại Điều 2.7 hoặc cho hoặc ép buộc sử dụng theo Điều 2.8 và có hành vi vi phạm liên quan đến chất hoặc phương pháp mà không dễ phát hiện ngay khi kiểm tra hay không. Thời gian được đình chỉ thi hành hình phạt tối đa chỉ được áp dụng trong những trường hợp thực sự đặc biệt.*

*Một yếu tố nữa cần phải được xem xét liên quan tới mức độ nghiêm trọng của hành vi vi phạm về Doping là lợi ích nâng cao thành tích mà người cung cấp sự Hỗ trợ hiệu quả có thể vẫn được hưởng. Thông thường thì, trong quá trình quản lý kết quả có được sự Hỗ*

hiệu quả càng sớm thì tỷ lệ phần trăm của thời gian có thể được đình chỉ thi hành hình phạt càng lớn.

Nếu Vận động viên hay Tổ chức, Cá nhân khác bị kết tội vi phạm về doping yêu cầu được hưởng một thời hạn đình chỉ thi hành hình phạt Trước bỏ tư cách theo quy định tại Điều này ( 10.5.3) có liên quan đến việc Khước từ Quyền được giải trình của Vận động viên hoặc Tổ chức, Cá nhân khác theo quy định tại Điều 8.3( Khước từ Quyền được giải trình) thì Tổ chức chống Doping sẽ phải xác định xem phần thời gian được đình chỉ thi hành hình phạt Trước bỏ tư cách tham gia thi đấu có thích hợp với quy định tại Điều này hay không. Nếu Vận động viên hay Tổ chức, Cá nhân khác yêu cầu được hưởng một thời hạn đình chỉ thi hành hình phạt Trước bỏ tư cách tham gia thi đấu trước khi kết thúc Phiên giải trình theo quy định tại Điều 8 về hành vi vi phạm luật chống doping, thì hội đồng xét xử sẽ phải xác định xem phần thời gian được đình chỉ thi hành hình phạt Trước bỏ tư cách tham gia thi đấu có thích hợp với quy định tại Điều này hay không đồng thời hội đồng xét xử sẽ quyết định Vận động viên hoặc Tổ chức, Cá nhân đó đã có vi phạm Luật chống doping hay không. Nếu một phần của thời hạn bị Trước bỏ tư cách được đình chỉ thi hành thì quyết định đó phải giải thích cơ sở để kết luận các thông tin được cung cấp là đáng tin cậy và là những thông tin quan trọng để phát hiện hoặc chứng minh hành vi vi phạm luật chống doping hoặc tội phạm khác. Nếu Vận động viên hoặc Tổ chức, Cá nhân khác



*yêu cầu được đình chỉ một thời hạn thi hành hình phạt bị Tước bỏ tư cách sau khi quyết định cuối cùng phát hiện vi phạm về doping đã được đưa ra và không thuộc trường hợp được khiếu nại theo Điều 13, nhưng Vận động viên hoặc Tổ chức, Cá nhân đó vẫn phải chấp hành toàn bộ thời hạn bị Tước bỏ tư cách thì Vận động viên hoặc Tổ chức, Cá nhân khác đó có thể đệ đơn lên Tổ chức chống Doping có trách nhiệm quản lý kết quả đối với vi phạm về doping đó để được xem xét đình chỉ thi hành hình phạt bị Tước bỏ tư cách theo quy định tại Điều luật này. Việc đình chỉ thi hành hình phạt Tước bỏ tư cách trong trường hợp này phải được sự chấp nhận của WADA và Liên đoàn thể thao quốc tế có thẩm quyền. Nếu những điều kiện làm căn cứ cho việc đình chỉ thời hạn thi hành hình phạt Tước bỏ tư cách này không được thỏa mãn đầy đủ thì Tổ chức chống Doping có thẩm quyền quản lý kết quả phải khôi phục lại thời hạn thi hành hình phạt Tước bỏ tư cách thích đáng đã áp đặt. Các quyết định của Tổ chức chống doping đưa ra trên cơ sở của Điều luật này có thể được khiếu nại theo quy định tại Điều 13.2. Đây là trường hợp duy nhất được phép đình chỉ thời hạn thi hành hình phạt Tước bỏ tư cách có thể áp dụng khác theo quy định của Bộ Luật.*

**10.5.4.** Thú nhận đã vi phạm luật chống Doping trong khi không có bằng chứng nào khác.

Trong trường hợp Vận động viên hoặc Tổ chức, Cá nhân khác tự thú nhận đã vi phạm luật chống doping

trước khi nhận được thông báo lấy mẫu kiểm tra mà việc đó có thể chứng minh hành vi vi phạm về Doping (hoặc, trong trường hợp một hành vi vi phạm luật chống Doping khác mà không thuộc phạm vi quy định tại Điều 2.1, trước khi nhận được thông báo đầu tiên về hành vi vi phạm đã thú nhận theo quy định tại Điều 7) và lời thú nhận đó là bằng chứng đáng tin cậy duy nhất tại thời điểm thú nhận, thì thời hạn bị Tước bỏ tư cách tham gia thi đấu có thể được giảm, nhưng không được giảm quá một nửa thời hạn bị Tước bỏ tư cách thích đáng phải xử phạt.

*Chú giải Điều 10.5.4: Điều luật này được đặt ra để áp dụng khi Vận động viên hoặc Tổ chức, Cá nhân khác đứng ra thú nhận hành vi vi phạm về Doping trong những trường hợp mà không có Tổ chức chống Doping nào nhận ra là đã có sự vi phạm về doping. Điều luật này không nhằm áp dụng đối với những trường hợp mà sự thú nhận xảy ra sau khi Vận động viên hoặc Tổ chức, Cá nhân khác nghĩ rằng họ sắp bị xử lý.*

**10.5.5.** Trường hợp Vận động viên hoặc Tổ chức, Cá nhân khác chứng minh được là họ có quyền được hưởng mức giảm hình phạt căn cứ trên nhiều hơn một quy định tại Điều luật này.

Trước khi áp dụng bất kỳ mức giảm hoặc đình chỉ thi hành hình phạt theo quy định tại các Điều 10.5.2, 10.5.3 hoặc 10.5.4, thời hạn bị Tước bỏ tư cách tham gia thi đấu

thích đáng phải xử phạt sẽ được xác định theo các Điều 10.2, 10.3, 10.4 và 10.6. Nếu Vận động viên hoặc Tổ chức, Cá nhân khác chứng minh được là họ có quyền được giảm mức hình phạt hay được đình chỉ thi hành hình phạt theo quy định tại các Điều 10.5.2, 10.5.3 hay 10.5.4, thì thời hạn bị Tước bỏ tư cách tham gia thi đấu có thể được giảm hoặc được đình chỉ thi hành, nhưng không được ít hơn một phần tư thời hạn bị Tước bỏ tư cách đáng lẽ phải bị xử phạt.

*Chú giải Điều 10.5.5. Mức xử phạt thích hợp được xác định theo trình tự bốn bước. Bước 1, hội đồng xét xử sẽ xác định mức hình phạt nào trong số các mức xử phạt cơ bản (Điều 10.2, 10.3, 10.4 hoặc 10.6) sẽ áp dụng đối với hành vi vi phạm đặc biệt này. Bước thứ hai, hội đồng xét xử phải chứng minh được rằng có cơ sở để đình chỉ thi hành hình phạt, xóa bỏ hay giảm mức xử phạt (Điều 10.5.1 đến Điều 10.5.4) hay không. Lưu ý, tuy nhiên, không phải tất cả các căn cứ để đình chỉ thi hành hình phạt, xóa bỏ hay giảm mức hình phạt có thể được kết hợp cùng với các điều khoản quy định mức xử phạt cơ bản. Ví dụ, Điều 10.5.2 không áp dụng trong những trường hợp thuộc phạm vi điều chỉnh của các Điều 10.3.3 hoặc 10.4, do hội đồng xét xử, căn cứ theo quy định tại các Điều 10.3.3 và 10.4, sẽ xác định ngay được thời hạn bị Tước bỏ tư cách dựa trên mức độ vi phạm của Vận động viên hoặc Tổ chức, Cá nhân khác. Bước thứ ba, hội đồng xét xử xác định theo quy định tại Điều 10.5.5 xem Vận động viên hoặc Tổ chức,*

*Cá nhân khác đó có được xóa bỏ, giảm bớt hoặc được đình chỉ thi hành hình phạt theo các quy định tại Điều 10.5 hay không. Cuối cùng, hội đồng xét xử quyết định thời điểm bắt đầu thời hạn bị Tước bỏ tư cách theo quy định tại Điều 10.9.*

*Dưới đây là bốn ví dụ về trình tự phân tích chính xác:*

### ***Ví dụ 1.***

*Những cơ sở lập luận: Kết quả phân tích bất lợi liên quan đến chất steroid chuyển hóa; Vận động viên kịp thời thú nhận hành vi vi phạm của mình khi bị cáo buộc; Vận động viên chứng minh được rằng Không có sự Nhầm lẫn đáng kể (Điều 10.5.2); và Vận động viên đã hỗ trợ có hiệu quả (Điều 10,5. 3).*

### ***Vận dụng Điều 10:***

*1. Mức xử phạt cơ bản sẽ là hai năm theo quy định tại Điều 10.2. (các tình tiết tăng nặng- Điều 10.6, sẽ không được xem xét do vận động viên đã kịp thú nhận ngay hành vi vi phạm của mình. Điều 10.4 sẽ không được áp dụng do steroid không phải là một Chất đặc hiệu).*

*2. Căn cứ vào riêng tình tiết Không có sự Nhầm lẫn đáng kể về phía Vận động viên đó, mức xử phạt đã có thể được giảm đến một nửa của thời hạn hai năm này. Căn cứ vào riêng tình tiết sự Hỗ trợ đáng kể của Vận động viên, mức xử phạt đã có thể được giảm đến ba phần tư của thời hạn hai năm này.*

3. Theo quy định tại Điều 10.5.5, khi xem xét mức giảm nhẹ có thể đối với tình tiết Không có sự Nhầm lẫn đáng kể về phía vận động viên và sự Hỗ trợ đáng kể của Vận động viên kết hợp lại với nhau, mức xử phạt cao nhất có thể được giảm đến ba phần tư của thời hạn hai năm này. Như vậy, mức xử phạt tối thiểu sẽ là sáu tháng bị Tước bỏ tư cách tham gia thi đấu.

4. Căn cứ Điều 10.9.2, do Vận động viên đã kịp thời thú nhận hành vi vi phạm về doping, nên thời hạn bị Tước bỏ tư cách được tính bắt đầu từ sớm kể từ ngày lấy mẫu kiểm tra, nhưng trong bất kỳ trường hợp nào, Vận động viên vẫn phải chấp hành hình phạt ít nhất là một nửa của thời hạn bị Tước bỏ tư cách (tối thiểu ba tháng) sau ngày ra quyết định xử phạt.

### **Ví dụ 2.**

Những cơ sở lập luận: Kết quả phân tích bất lợi liên quan đến chất steroid chuyển hóa; có những tình tiết tăng nặng tồn tại và vận động viên không thể chứng minh được rằng mình đã vi phạm luật chống doping một cách không có chủ ý; vận động viên không kịp thời thú nhận hành vi vi phạm về doping khi bị cáo buộc, nhưng lại Hỗ trợ đáng kể cho các cơ quan, tổ chức chống doping (Điều 10.5.3).

### **Áp dụng Điều 10:**

1. Khung hình phạt cơ bản sẽ là từ hai đến bốn năm theo quy định tại Điều 10.6.

2. Trên cơ sở sự Hỗ trợ đáng kể từ phía vận động viên, mức xử phạt có thể được giảm đến ba phần tư của thời hạn tối đa bốn năm.

3. Điều 10.5.5 không áp dụng được.

4. Theo Điều 10.9.2, thời hạn bị Tước bỏ tư cách sẽ được tính bắt đầu từ ngày ra quyết định.

### **Ví dụ 3.**

Những cơ sở lập luận: Kết quả phân tích bất lợi liên quan đến một Chất đặc hiệu; Vận động viên chứng minh được Chất đặc hiệu đó đã vào cơ thể mình bằng cách nào và không có ý định để nâng cao thành tích thể thao của mình; Vận động viên chứng minh được rằng anh ta đã có sự Nhầm lẫn chút ít; và Vận động viên luôn Hỗ trợ có hiệu quả cho các cơ quan, tổ chức chống doping (Điều 10.5.3).

### **Áp dụng Điều 10:**

1. Do Kết quả phân tích bất lợi liên quan đến một Chất đặc hiệu và trường hợp của Vận động viên đó đã hội đủ các điều kiện khác của Điều 10.4, nên khung hình phạt cơ bản sẽ được giảm ở mức từ khiển trách đến hai năm bị Tước bỏ tư cách. Hội đồng xét xử sẽ đánh giá sự Nhầm lẫn của vận động viên để áp đặt mức xử phạt trong khoảng đó. (Giả sử đối với trường hợp được minh họa trong ví dụ này là hội đồng xét xử đã áp đặt một thời hạn bị Tước bỏ tư cách là tám tháng).

2. Căn cứ sự Hỗ trợ có hiệu quả từ phía Vận động viên, mức xử phạt có thể được giảm đến ba phần tư của mức thời hạn tám tháng này (Không ít hơn hai tháng) Không có sự Nhầm lẫn đáng kể (Điều 10.2) sẽ không được áp dụng, bởi vì mức độ Nhầm lẫn của vận động viên đã được đưa ra xem xét để chứng minh cho thời hạn tám tháng bị Tước bỏ tư cách ở bước 1).

3. Điều 10.5.5 không áp dụng.

4. Theo Điều 10.9.2, do Vận động viên đã kịp thời thú nhận hành vi vi phạm về doping, nên thời hạn bị Tước bỏ tư cách được tính bắt đầu ngay từ ngày lấy mẫu kiểm tra, nhưng trong bất kỳ trường hợp nào, Vận động viên vẫn phải chấp hành hình phạt ít nhất là một nửa của thời hạn bị Tước bỏ tư cách (tối thiểu là một tháng) sau ngày ra quyết định xử phạt.

#### **Ví dụ 4.**

Những cơ sở lập luận: Một Vận động viên chưa bao giờ có Kết quả phân tích bất lợi hoặc bị đối chất về hành vi vi phạm luật chống doping lại tự phát thú nhận đã sử dụng nhiều lần các Chất bị cấm một cách có chủ ý để nâng cao thành tích của mình. Vận động viên này cũng hợp tác và Hỗ trợ đáng kể cho các cơ quan, tổ chức chống doping (Điều 10.5.3).

#### **Áp dụng Điều 10:**

1. Mặc dù việc cố ý sử dụng các Chất bị cấm nhiều lần để nâng cao thành tích đã là yếu tố đảm bảo để xét đến

*các tình tiết tăng nặng (Điều 10.6, song việc tự phát thú nhận của vận động viên có nghĩa là Điều 10.6 sẽ không được áp dụng. Thực tế là việc sử dụng các Chất bị cấm của Vận động viên là nhằm nâng cao thành tích cũng sẽ loại bỏ việc áp dụng Điều 10.4, bất kể các Chất bị cấm đã sử dụng có phải là Chất đặc hiệu hay không. Như vậy, Điều 10.2 sẽ được áp dụng và thời hạn bị Tước bỏ tư cách cơ bản phải áp đặt sẽ là hai năm.*

*2. Căn cứ riêng vào tình tiết tự phát thú nhận của Vận động viên này (Điều 10.5.4), thì thời hạn bị Tước bỏ tư cách có thể được giảm đến một nửa của mức thời hạn hai năm. Căn cứ riêng sự hợp tác, Hỗ trợ đáng kể của vận động viên này (Điều 10.5.3), thì thời hạn bị Tước bỏ tư cách có thể được giảm đến ba phần tư của mức thời hạn hai năm.*

*3. Theo Điều 10.5.5, khi xem xét kết hợp việc tự phát thú nhận và sự Hỗ trợ đáng kể với nhau, hình thức xử phạt có thể được giảm đến ba phần tư của mức thời hạn hai năm. (Thời hạn bị Tước bỏ tư cách tối thiểu sẽ là sáu tháng).*

*4. Nếu Điều 10.5.4 được hội đồng xét xử xem xét đạt tới mức thời hạn tối thiểu là sáu tháng bị Tước bỏ tư cách ở bước 3, thì thời hạn bị Tước bỏ tư cách này được tính bắt đầu từ ngày hội đồng xét xử quyết định xử phạt. Tuy nhiên, nếu hội đồng xét xử không xem xét việc áp dụng Điều 10.5.4 để giảm thời hạn bị Tước bỏ tư cách trong*



*bước 3, thì theo quy định tại Điều 10.9.2, mốc khởi đầu của thời hạn bị Tước bỏ tư cách phải được tính ngay từ ngày xảy ra vi phạm luật chống doping, với điều kiện, ít nhất là một nửa của thời hạn này (tối thiểu là ba tháng) sẽ phải được chấp hành sau ngày ra quyết định).*

#### **10.6. Những tình tiết tăng nặng có thể dẫn tới tăng mức thời hạn bị Tước bỏ tư cách**

Nếu Tổ chức chống Doping chứng minh được trường hợp cá nhân liên quan với hành vi vi phạm về Doping khác chứ không phải là các vi phạm tại Điều 2.7 (Buôn bán hoặc Cố tình Buôn bán) và 2.8 (Cho uống/dùng hoặc ép buộc dùng...) mà những tình tiết tăng nặng là tư liệu chứng minh cho việc áp đặt hình phạt Tước bỏ tư cách nặng hơn mức hình phạt chuẩn, thì thời hạn bị Tước bỏ tư cách xứng đáng có thể áp dụng sẽ tăng lên tối đa là bốn (04) năm trừ khi vận động viên hoặc cá nhân có thể chứng minh một cách thoả đáng với hội đồng xét xử rằng bản thân họ không cố ý vi phạm điều luật này.

Vận động viên hoặc Tổ chức, Cá nhân khác có thể tránh bị áp dụng Điều luật này bằng cách kịp thời thú nhận hành vi vi phạm về Doping khi bị cáo buộc sau khi phải đối chất về hành vi vi phạm Doping trước một Tổ chức chống doping.

*Chú giải Điều 10.6: Ví dụ về các tình tiết tăng nặng có thể chứng minh việc áp đặt một thời hạn bị Tước bỏ tư cách dài hơn so với mức hình phạt chuẩn là: hành vi*

*vi phạm luật chống doping của Vận động viên hoặc Tổ chức, Cá nhân khác xét về phía nào đó là có kế hoạch hoặc mưu đồ sử dụng doping, hoặc mang tính chất cá nhân hay dính líu tới một âm mưu chung để vi phạm luật chống doping, Vận động viên hoặc Tổ chức, Cá nhân khác đó đã Sử dụng hoặc Sở hữu nhiều Chất bị cấm hoặc Phương pháp bị cấm, hoặc đã Sử dụng hoặc Sở hữu một Chất bị cấm hoặc một Phương pháp bị cấm vào nhiều dịp khác nhau; một cá nhân bình thường có thể sẽ được hưởng tác động nâng cao thành tích từ hành vi vi phạm doping này cho tới khi đã qua thời hạn bị Tước bỏ tư cách tham gia thi đấu thích hợp bị áp đặt; Vận động viên hoặc Tổ chức, Cá nhân có liên quan đến hành vi đánh lạc hướng hoặc cản trở nhằm tránh sự phát hiện hoặc việc xét xử một hành vi vi phạm về doping).*

*Để tránh do dự, những ví dụ về các tình tiết tăng nặng được mô tả trong phần chú giải cho Điều 10.6 này không phải là duy nhất và còn nhiều tình tiết tăng nặng khác cũng có thể biện luận được cho việc áp đặt một thời hạn Tước bỏ tư cách lâu hơn. Những hành vi vi phạm các Điều 2.7 (Buôn bán hoặc cố tình Buôn bán) và 2.8 (Cho uống/dùng hoặc cưỡng ép cho uống/dùng...) không được đưa vào phạm vi xem xét để áp dụng Điều 10.6, bởi vì các mức xử phạt đối với những hành vi vi phạm này (từ bốn năm cho đến suốt đời) đã được xây dựng sẵn một cách thận trọng cho phép xem xét bất kỳ tình tiết tăng nặng nào.*

## 10.7. Vi phạm nhiều lần

### 10.7.1. Vi phạm lần thứ hai

Đối với hành vi vi phạm lần đầu của Vận động viên hoặc Tổ chức, Cá nhân khác, thời hạn bị Tước bỏ tư cách quy định tại các Điều 10.2 và Điều 10.3 (liên quan đến việc được xóa bỏ, giảm nhẹ hoặc đình chỉ thi hành hình phạt theo quy định tại các Điều 10.4, 10.5 hay 10.6). Đối với hành vi vi phạm lần thứ hai, thời hạn bị Tước bỏ tư cách sẽ được quy định trong bảng dưới đây.

<b>Vi phạm lần hai</b>	<b>RS</b>	<b>FFMT</b>	<b>NSF</b>	<b>St</b>	<b>AS</b>	<b>TRA</b>
<b>Vi phạm lần đầu</b>						
<b>RS</b>	1- 4	2 - 4	2 - 4	4 - 6	8 - 10	10- suốt đời
<b>FFMT</b>	1- 4	4 - 8	4 - 8	6 - 8	10- suốt đời	suốt đời
<b>NSF</b>	1- 4	4 - 8	4 - 8	6 - 8	10- suốt đời	suốt đời
<b>St</b>	2- 4	6 - 8	6 - 8	8- suốt đời	suốt đời	suốt đời
<b>AS</b>	4- 5	10- suốt đời	10- suốt đời	suốt đời	suốt đời	suốt đời
<b>TRA</b>	8- suốt đời	suốt đời	suốt đời	suốt đời	suốt đời	suốt đời

Giải thích các từ viết tắt được quy định trong bảng hành vi vi phạm lần thứ hai:

**RS** (Mức xử phạt được giảm đôi với Chất đặc hiệu quy định tại Điều 10.4): hành vi vi phạm luật chống Doping phải bị xử phạt hoặc sẽ được xử phạt ở mức giảm nhẹ theo quy định tại Điều 10.4 do có liên quan đến Chất đặc hiệu và thỏa mãn các điều kiện khác theo quy định tại Điều 10.4.

**FFMT** (Không có hoặc thiếu hồ sơ về nơi ở và / Lần kiểm tra bị bỏ qua): hành vi vi phạm luật chống Doping phải bị xử phạt hoặc sẽ được xử phạt theo quy định tại Điều 10.3.3 (Không có hoặc thiếu hồ sơ về nơi ở và / Lần kiểm tra bị bỏ qua).

**NSF** (Mức xử phạt được giảm đôi với tình tiết Không có sự Nhầm lẫn hoặc Bất cẩn đáng kể): hành vi vi phạm luật chống Doping phải bị xử phạt hoặc sẽ được xử phạt ở mức giảm nhẹ theo quy định tại Điều 10.5.2 do vận động viên đã chứng minh được là Không có sự Nhầm lẫn hoặc Bất cẩn đáng kể về phía mình theo quy định tại Điều 10.5.2.

**St** (Mức hình phạt chuẩn theo Điều 10.2 hoặc Điều 10.3.1): hành vi vi phạm luật chống Doping phải bị xử phạt hoặc sẽ được xử phạt ở mức hình phạt chuẩn là hai (02) năm theo quy định tại các Điều 10.2 hoặc 10.3.1.

**AS** (Mức hình phạt tăng nặng): hành vi vi phạm luật chống Doping phải bị xử phạt hoặc sẽ được xử phạt ở

mức hình phạt tăng nặng theo quy định tại Điều 10.6 khi Tổ chức chống Doping đã chứng minh được các điều kiện được nêu tại Điều 10.6.

**TRA** (Buôn bán hoặc Cố tình buôn bán và Cho uống/dùng hoặc ép buộc dùng...): hành vi vi phạm luật chống Doping phải bị xử phạt hoặc sẽ được xử phạt ở mức hình phạt quy định tại Điều 10.3.2.

*(Giải thích mục 10.7.1: Bảng này được áp dụng bằng cách xác định hàng biểu thị hành vi vi phạm lần đầu của Vận động viên hoặc Tổ chức, Cá nhân khác ở cột bên trái rồi đối chiếu với các cột bên phải của bảng trình bày hành vi vi phạm lần thứ hai. Theo cách làm như vậy, giả sử Vận động viên nhận mức hình phạt chuẩn cho thời hạn bị Tước bỏ tư cách đối với vi phạm lần đầu theo Điều 10.2 và sau đó vi phạm lần thứ hai mà đối với vi phạm này Vận động viên sẽ nhận mức hình phạt được giảm nhẹ vì là một Chất đặc hiệu theo Điều 10.4. Bảng này được dùng để xác định thời hạn bị Tước bỏ tư cách đối với hành vi vi phạm lần thứ hai. Trường hợp của Vận động viên theo giả thiết ở trên, sẽ được xác định như sau: bắt đầu từ cột bên tay trái và đi xuống hàng thứ tư được ký hiệu là "St" để biết mức hình phạt chuẩn, sau đó đối chiếu sang cột thứ nhất có ký hiệu là "RS" để tìm mức hình phạt giảm nhẹ áp dụng đối với Chất đặc hiệu. Như vậy, khung hình phạt áp dụng đối với hành vi vi phạm lần thứ hai là từ 2 đến 4 năm bị Tước bỏ tư cách. Mức độ Nhảm lẫn của Vận động viên hoặc Tổ chức, Cá nhân khác sẽ*

*là tiêu chí được xem xét để xác định thời hạn bị Tước bỏ tư cách trong khung hình phạt có thể áp dụng.*

*Chú giải Điều 10.7.1 Định nghĩa RS: xem Điều 25.4 về việc áp dụng Điều 10.7.1 đối với những vi phạm luật chống doping ban hành trước khi có Bộ Luật này.*

**10.7.2.** Áp dụng Điều 10.5.3 và Điều 10.5.4 đối với hành vi vi phạm lần thứ hai

Trường hợp Vận động viên hoặc Tổ chức, Cá nhân khác vi phạm luật chống Doping lần thứ hai chứng minh được yêu cầu của họ về việc được đình chỉ thi hành hoặc giảm nhẹ một phần thời hạn bị Tước bỏ tư cách theo quy định tại Điều 10.5.3 hoặc 10.5.4, thì trước hết, hội đồng xét xử phải xác định thời hạn bị Tước bỏ tư cách khác có thể áp dụng trong khung hình phạt được thiết lập tại bảng ở cuối Điều 10.7.1, rồi sau đó áp sẽ áp dụng hình thức đình chỉ thi hành hoặc giảm nhẹ thời hạn bị Tước bỏ tư cách ở mức thích hợp. Thời hạn bị Tước bỏ tư cách còn lại, sau khi áp dụng bất kỳ mức giảm nhẹ hoặc đình chỉ thi hành nào theo Điều 10.5.3 và Điều 10.5.4, phải tối thiểu bằng một phần tư thời hạn bị Tước bỏ tư cách khác có thể áp dụng.

**10.7.3.** Vi phạm lần thứ ba

Vi phạm lần thứ ba sẽ dẫn đến hậu quả bị Tước bỏ tư cách suốt đời, trừ trường hợp vi phạm lần thứ ba này hội đủ các điều kiện để được xóa bỏ hoặc giảm nhẹ thời hạn bị Tước bỏ tư cách quy định tại Điều 10.4 hoặc liên quan

đến một hành vi vi phạm Điều 2.4 (Không có hoặc thiếu hồ sơ về nơi ở và / Lần kiểm tra bị bỏ qua). Trong những trường hợp cụ thể này, thời hạn bị Tước bỏ tư cách phải là từ tám (08) năm đến bị cấm suốt đời.

#### **10.7.4. Quy định thêm đối với những hành vi vi phạm nhiều lần có cơ sở khẳng định chắc chắn**

Đối với các mức xử phạt quy định tại Điều 10.7, một hành vi vi phạm về Doping sẽ chỉ được xem là vi phạm thứ hai nếu Tổ chức chống Doping chứng minh được rằng Vận động viên hoặc Tổ chức, Cá nhân khác đó có hành vi vi phạm lần thứ hai sau khi Vận động viên hoặc Tổ chức, Cá nhân khác đó đã nhận được thông báo theo đúng quy định tại Điều 7 (Quản lý kết quả), hoặc sau khi Tổ chức chống Doping đã dùng mọi biện pháp hợp lý để chuyển thông báo đến tay họ về hành vi vi phạm lần đầu; nếu Tổ chức chống Doping không thể chứng minh được điều này, thì các vi phạm sẽ được tính như là vi phạm lần đầu và mức hình phạt được áp đặt sẽ phải căn cứ vào hành vi vi phạm có mức hình phạt nặng hơn, tuy nhiên, sự cố vi phạm nhiều lần có thể được coi là một yếu tố xác định các tình tiết tăng nặng (Điều 10.6).

Nếu, sau khi xử lý hành vi vi phạm lần đầu, Tổ chức chống Doping phát hiện ra các yếu tố liên quan đến hành vi vi phạm về Doping của Vận động viên hoặc Tổ chức, Cá nhân khác đó xảy ra trước khi thông báo về hành vi vi phạm lần đầu thì Tổ chức chống Doping sẽ phải áp đặt

hình phạt bổ sung căn cứ mức hình phạt mà lẽ ra đã bị áp đặt nếu như hai hành vi vi phạm này được đưa ra xét xử cùng lúc. Tất cả các thành tích thi đấu từ trong và sau ngày xảy ra vi phạm trước đó sẽ bị tước bỏ theo quy định tại Điều 10.8. Để tránh khả năng cấu thành tình tiết tăng nặng (Điều 10.6), do hành vi vi phạm từ lâu trước đó nhưng sau này mới được phát hiện, nên Vận động viên hoặc Tổ chức, Cá nhân khác phải tự nguyện thú nhận hành vi vi phạm từ trước đó theo nguyên tắc tức thời sau khi được thông báo về hành vi vi phạm bị cáo buộc là vi phạm lần đầu. Quy định tương tự cũng sẽ được áp dụng khi Tổ chức chống Doping phát hiện ra các yếu tố liên quan đến một hành vi vi phạm trước đó nữa sau khi xử lý hành vi vi phạm thứ hai.

*(Chú giải Điều 10.7.4: Trong một tình huống giả định, một Vận động viên vi phạm luật chống doping vào ngày 01 tháng 01 năm 2008 mà cho đến tận ngày 01 tháng 12 năm 2008 Tổ chức chống Doping vẫn chưa phát hiện ra. Trong khoảng thời gian đó, vận động viên lại vi phạm một lần nữa vào ngày 01 tháng 3 năm 2008 và Vận động viên nhận được thông báo của Tổ chức chống Doping về hành vi vi phạm này vào ngày 30 tháng 3 năm 2008; và vào ngày 30 tháng 6 năm 2008, hội đồng xét xử đã phán quyết về hành vi vi phạm của Vận động viên vào ngày 01 tháng 3 năm 2008. Hành vi vi phạm mà sau này mới được phát hiện đã xảy ra từ ngày 01 tháng 01 năm 2008 sẽ là căn cứ để bổ sung các tình tiết tăng nặng, bởi vì Vận động*



*viên đó đã không tự nguyện thừa nhận hành vi vi phạm tức thời sau khi Vận động viên đó nhận được thông báo ngày 30 tháng 3 năm 2008 về hành vi vi phạm xảy ra sau vi phạm này).*

**10.7.5.** Vi phạm nhiều lần về doping trong một thời hạn tám năm.

Đối với những quy định tại Điều 10.7, mỗi hành vi vi phạm luật chống Doping phải diễn ra trong cùng một giai đoạn tám (08) năm thì được tính là vi phạm nhiều lần.

### **10.8. Tước bỏ kết quả trong các cuộc thi đấu sau khi mẫu có kết quả dương tính hoặc vi phạm Luật chống Doping**

Ngoài việc mặc nhiên bị Tước bỏ các kết quả trong cuộc thi đấu có kết quả kiểm tra dương tính theo quy định tại Điều 9 (Mặc nhiên bị Tước bỏ kết quả thi đấu cá nhân), tất cả các kết quả thi đấu khác đạt được kể từ thời điểm mẫu xét nghiệm dương tính được lấy (cho dù là trong thi đấu hay ngoài thi đấu), hoặc hành vi vi phạm về doping khác đã xảy ra, trong suốt thời hạn từ lúc bắt đầu bị Đình chỉ thi đấu tạm thời hoặc Tước bỏ tư cách tham gia thi đấu, nếu như không có yêu cầu hợp lý khác, sẽ bị Tước bỏ kèm theo tất cả những hậu quả sẽ mang lại kể cả việc bị tước huy chương, điểm và các phần thưởng.

**10.8.1.** Một trong những điều kiện để được phục hồi tư cách sau khi bị phát hiện vi phạm luật chống doping, đó là, trước tiên Vận động viên phải trả lại toàn bộ tiền thưởng theo quy định tại Điều này.

### **10.8.2. Phân bổ khoản tiền thưởng bị tước bỏ.**

Nếu như luật lệ của Liên đoàn quốc tế không quy định phải phân phát lại khoản tiền thưởng bị tước bỏ này cho các vận động viên khác, thì trước hết nó sẽ được phân phát để hoàn trả các chi phí thu hồi của Tổ chức chống Doping mà đã thực hiện các bước cần thiết để thu lại khoản tiền thưởng đó, sau đó sẽ hoàn trả các chi phí của Tổ chức chống Doping thực hiện việc quản lý kết quả trong vụ việc này, số còn lại, nếu có, sẽ được phân bổ theo luật lệ của Liên đoàn quốc tế.

*Chú giải Điều 10.8.2: Đối với các Vận động viên hoặc những Tổ chức, Cá nhân trong sạch mà phải chịu thiệt hại do hành động của một Tổ chức, Cá nhân đã vi phạm Luật chống Doping gây ra, trong Bộ Luật này, không có quy định nào ngăn cản họ theo đuổi quyền đòi hỏi khoản tiền bồi thường do bị thiệt hại từ Tổ chức, Cá nhân như vậy.*

### **10.9. Mốc khởi đầu của thời hạn bị Tước bỏ tư cách**

Ngoại trừ trường hợp được đưa ra dưới đây, thời hạn bị Tước bỏ tư cách sẽ được tính bắt đầu từ ngày hội đồng xét xử quyết định thi hành hình phạt Tước bỏ tư cách hoặc, nếu phiên xét xử này bị khước từ thì thời hạn bị Tước bỏ tư cách được bắt đầu vào ngày vận động viên chấp nhận hình phạt này hoặc sẽ được quy định khác. Thời gian Đình chỉ thi đấu tạm thời (cho dù bị áp đặt hoặc là do tự nguyện chấp nhận) sẽ được tính vào tổng thời gian bị Tước bỏ tư cách.

**10.9.1.** Trì hoãn không thể quy cho vận động viên hoặc Pháp nhân khác

Trong trường hợp có sự chậm trễ đáng kể trong quá trình xét xử hoặc các khía cạnh khác của việc kiểm tra Doping không thể quy cho Vận động viên hoặc Tổ chức, Cá nhân khác thì chủ thể áp đặt hình phạt có thể bắt đầu thi hành thời hạn Tước bỏ tư cách từ trước ngày lấy mẫu hoặc vào ngày đã xảy ra vi phạm về doping gần nhất.

**10.9.2.** Thú nhận đúng lúc

Trong trường hợp Vận động viên hoặc Tổ chức, Cá nhân khác thú nhận hành vi vi phạm luật chống Doping ngay sau khi bị Tổ chức chống Doping đối chất về hành vi vi phạm đó (trong mọi tình huống, đối với vận động viên có ý định trước khi vận động viên đó vào thi đấu lần nữa) thì thời hạn bị Tước bỏ tư cách có thể bắt đầu sớm ngay từ ngày lấy mẫu hoặc vào ngày đã xảy ra vi phạm về doping gần nhất.

Tuy nhiên, trong mỗi trường hợp, nếu Điều luật này được áp dụng thì Vận động viên hoặc Tổ chức, Cá nhân khác đó vẫn phải chấp hành tối thiểu là một nửa thời hạn bị Tước bỏ tư cách tính từ thời điểm Vận động viên hoặc Tổ chức, Cá nhân đó chấp nhận việc áp đặt mức hình phạt, ngày hội đồng xét xử quyết định thi hành hình phạt, hoặc ngày xử phạt được áp dụng khác.

*Chú giải Điều 10.9.2: Điều này không áp dụng trong trường hợp thời hạn bị Tước bỏ tư cách đã được giảm*

*theo quy định tại Điều 10.5.4 (Thủ nhận đã vi phạm luật chống Doping trong khi không có bằng chứng nào khác).*

**10.9.3.** Nếu có áp đặt một thời hạn Đình chỉ thi đấu tạm thời và Vận động viên đã tôn trọng chấp hành thì Vận động viên sẽ được công nhận khoảng thời gian đình chỉ tạm thời này để khấu trừ vào thời hạn bị Tước bỏ tư cách có thể bị áp đặt vào phút chót.

**10.9.4.** Nếu một Vận động viên tự nguyện chấp nhận một thời hạn bị Đình chỉ thi đấu tạm thời bằng văn bản từ Tổ chức chống Doping có thẩm quyền quản lý kết quả và sau đó phải dừng thi đấu, Vận động viên sẽ được công nhận thời gian tự nguyện đình chỉ thi đấu đó để khấu trừ vào thời hạn bị Tước bỏ tư cách bất kỳ có thể bị áp đặt vào phút chót. Bản sao về việc tự nguyện chấp nhận bị Đình chỉ thi đấu tạm thời của Vận động viên sẽ được cung cấp kịp thời cho mỗi bên có quyền được thông báo về những trường hợp vi phạm về doping có khả năng xảy ra theo quy định tại Điều 14.1.

*Chú giải Điều 10.9.4: Việc tự nguyện chấp nhận bị Đình chỉ thi đấu tạm thời mà không phải do Vận động viên tự thú nhận sẽ không được sử dụng làm căn cứ rút ra kết luận bất lợi đối với vận động viên).*

**10.9.5.** Không được khấu trừ vào thời hạn bị Tước bỏ tư cách bất cứ khoảng thời gian nào trước ngày quyết định Đình chỉ thi đấu tạm thời hoặc tự nguyện được thi

hành, bất kể là Vận động viên đã không được chọn vào thi đấu hoặc bị đội của họ đình chỉ thi đấu.

*(Giải thích Điều 10.9: Ngôn từ của Điều 10.9 đã được sửa lại để làm rõ sự chậm trễ không thể quy cho Vận động viên, sự thú nhận kịp thời của Vận động viên và việc Đình chỉ thi đấu tạm thời là những luận cứ duy nhất để bắt đầu thời hạn bị Tước bỏ tư cách sớm hơn ngày hội đồng xét xử ra quyết định. Với việc sửa đổi này sẽ tránh được cách giải thích và áp dụng không nhất quán ở văn bản trước đó).*

## **10.10. Đình chỉ thi đấu**

### **10.10.1. Cấm tham gia trong thời gian bị đình chỉ**

Vận động viên hoặc Tổ chức, Cá nhân đã bị tuyên phạt Tước bỏ tư cách, thì trong thời hạn bị Tước bỏ tư cách đó không được tham gia thi đấu hoặc các hoạt động với bất kỳ vị trí, tư cách nào (ngoài việc tham gia chương trình giáo dục phòng chống doping hoặc chương trình phục hồi nhân cách) do các Bên ký kết hoặc các tổ chức thành viên của các bên ký kết, kể cả Liên đoàn quốc gia, câu lạc bộ hay các tổ chức thành viên khác của Liên đoàn quốc gia được Ủy quyền tổ chức hoặc có thẩm quyền tổ chức, hoặc các cuộc thi đấu được ủy quyền hoặc được tổ chức bởi bất kỳ liên đoàn thể thao nhà nghề hoặc Cơ quan tổ chức Giải đấu cấp quốc gia và quốc tế nào.

Vận động viên hoặc Tổ chức, Cá nhân có thời hạn bị Tước bỏ tư cách trên bốn năm thì sau khi chấp hành đủ

bốn năm của thời hạn bị Tước bỏ tư cách này, có thể tham gia các giải đấu thể thao địa phương ở môn thể thao khác- không phải môn thể thao mà Vận động viên hoặc Tổ chức, Cá nhân đó đã có vi phạm về Doping, song chỉ là các giải đấu thể thao cấp địa phương không nằm trong hệ thống giải đấu được phép tuyển chọn trực tiếp hoặc gián tiếp Vận động viên hoặc Tổ chức, Cá nhân tham gia thi đấu (hoặc tích lũy điểm) tại một giải vô địch quốc gia hoặc một Giải đấu quốc tế.

Trong thời hạn bị Tước bỏ tư cách, Vận động viên hoặc Tổ chức, Cá nhân khác vẫn phải chấp hành việc Kiểm tra doping.

*Chú giải Điều 10.10.1: Ví dụ, một Vận động viên bị Tước bỏ tư cách sẽ không thể tham gia một trại huấn luyện, biểu diễn hay tập luyện do Liên đoàn quốc gia, câu lạc bộ là thành viên của Liên đoàn quốc gia của họ tổ chức. Hơn nữa, một Vận động viên bị Tước bỏ tư cách không thể tham gia thi đấu cho một liên đoàn thể thao nhà nghề mà không phải là Bên ký kết (ví dụ như, Liên đoàn Hockey quốc gia, Hiệp hội Bóng rổ quốc gia, vv), Giải đấu được tổ chức bởi một Cơ quan tổ chức Giải đấu quốc tế hoặc một Cơ quan tổ chức Giải đấu cấp quốc gia không không phải là Bên ký kết mà không gây ra những hậu quả được nêu tại Điều 10.10.2. Các hình phạt trong một môn thể thao cũng sẽ được các môn thể thao khác công nhận (xem Điều 15 Công nhận lẫn nhau).*

### **10.10.2. Vi phạm lệnh cấm tham gia trong thời gian bị Tước bỏ tư cách**

Trong trường hợp một Vận động viên hoặc Tổ chức, Cá nhân khác đã bị tuyên phạt Tước bỏ tư cách có hành vi vi phạm lệnh cấm tham gia thi đấu trong thời gian bị Tước bỏ tư cách được nêu tại Điều 10.10.1, thì kết quả của việc tham gia như vậy sẽ bị tước bỏ đồng thời hạn bị Tước bỏ tư cách sẽ được tính lại từ đầu kể từ ngày vi phạm. Thời hạn bị Tước bỏ tư cách mới sẽ có thể được giảm theo quy định tại Điều 10.5.2 nếu Vận động viên hoặc Tổ chức, Cá nhân khác đó chứng minh được rằng ở họ Không có sự Nhầm lẫn hoặc Bất cẩn đáng kể đối với hành vi vi phạm đó. Việc xác định Vận động viên hoặc Tổ chức, Cá nhân có vi phạm lệnh cấm tham gia hay không và việc giảm mức phạt theo quy định tại Điều 10.5.2 có thích hợp hay không sẽ do Tổ chức chống Doping quản lý kết quả đã áp đặt mức thời hạn Tước bỏ tư cách ban đầu quyết định.

*Chú giải Điều 10.10.2: Nếu một Vận động viên hoặc Tổ chức, Cá nhân bị cáo buộc là đã vi phạm lệnh cấm tham gia trong bị thời hạn bị Tước bỏ tư cách thì Tổ chức chống Doping có trách nhiệm quản lý kết quả đối với hành vi vi phạm luật chống doping trong thời hạn bị Tước bỏ tư cách phải xác định xem liệu Vận động viên hoặc Tổ chức, Cá nhân đó đã vi phạm lệnh cấm đó hay không và, nếu có thì Vận động viên hoặc Tổ chức, Cá nhân đó phải chứng minh được những căn*

*cứ để được giảm mức hình phạt trong giai đoạn đình chỉ được bắt đầu lại theo quy định tại Điều 10.5.2. Các quyết định do Tổ chức chống Doping đưa ra khi áp dụng Điều luật này có thể được khiếu nại theo quy định tại Điều 13.2.*

*Trường hợp Cán bộ, nhân viên trợ giúp vận động viên hoặc Tổ chức, Cá nhân khác tiếp tay cho Vận động viên vi phạm lệnh cấm tham gia thi đấu trong khi bị Tước bỏ tư cách, thì Tổ chức chống Doping có thẩm quyền pháp lý đối với những Cán bộ, nhân viên trợ giúp Vận động viên hoặc Tổ chức, Cá nhân khác đó có thể áp đặt hình phạt thích hợp theo những quy định kỷ luật riêng đối với hành vi tiếp tay đó).*

### **10.10.3. Giữ lại khoản tài trợ trong thời gian bị tước bỏ tư cách**

Ngoài ra, đối với những hành vi vi phạm luật chống Doping không liên quan đến mức phạt được giảm vì các Chất đặc hiệu được nêu tại Điều 10.4, một phần hoặc toàn bộ số tiền tài trợ liên quan đến thể thao hay các lợi ích liên quan khác mà Tổ chức, Cá nhân nói trên đã được nhận sẽ phải giao lại cho các Bên ký kết, các tổ chức thành viên và chính phủ của các bên ký kết giữ lại.

### **10.11. Phục hồi tư cách cho vận động viên**

Đề được phục hồi tư cách khi kết thúc một thời hạn bị Tước bỏ tư cách đã được xác định, trong giai đoạn bị Đình chỉ thi đấu tạm thời hoặc bị Tước bỏ tư cách, Vận động viên phải sẵn sàng thực hiện việc kiểm tra doping



ngoài thi đấu do Tổ chức chống Doping có thẩm quyền kiểm tra tiến hành, và phải cung cấp một cách kịp thời và chính xác những thông tin về nơi ở khi có yêu cầu. Nếu Vận động viên đang trong giai đoạn bị Tước bỏ tư cách mà ngừng các hoạt động thể thao và được rút ra khỏi danh sách Nhóm đăng ký kiểm tra doping ngoài thi đấu rồi sau đó yêu cầu được phục hồi tư cách thì Vận động viên đó sẽ không đủ tư cách để được phục hồi chừng nào Vận động viên chưa thông báo cho các Tổ chức chống Doping có liên quan và chưa trải qua việc kiểm tra doping ngoài thi đấu trong khoảng thời gian ngang bằng với thời hạn bị Tước bỏ tư cách còn lại, tính từ ngày Vận động viên ngừng hoạt động.

#### **10.12. Các hình phạt về tài chính**

Các Tổ chức chống Doping, căn cứ theo luật lệ riêng của mình, có thể đưa ra các hình phạt về tài chính do các vi phạm về doping. Tuy nhiên, hình phạt về tài chính sẽ không được xem là một căn cứ để giảm nhẹ thời hạn bị Tước bỏ tư cách hoặc các hình phạt thích đáng khác cần phải áp dụng theo quy định của Bộ Luật này.

*Chú giải Điều 10.12: Ví dụ, nếu hội đồng xét xử cần phải kết luận trong một vụ việc rằng tổng hình phạt có thể áp dụng theo quy định của Bộ Luật và hình phạt về tài chính áp dụng theo luật lệ riêng của một Tổ chức chống doping là quá nặng thì hình phạt tài chính sẽ được hủy bỏ, các hình phạt khác theo Bộ Luật này vẫn được giữ nguyên.*

## **ĐIỀU 11. NHỮNG HẬU QUẢ LIÊN LUY TỚI CÁC ĐỘI**

### **11.1. Kiểm tra doping ở các môn thể thao đồng đội**

Trường hợp trong môn thể thao đồng đội có từ hai thành viên trở lên được thông báo vi phạm về Doping theo quy định tại Điều 7 liên quan đến một Giải đấu, thì cơ quan có thẩm quyền đối với Giải đấu đó phải tiến hành Kiểm tra doping có chủ đích cần thiết đối với đội trong thời gian diễn ra Giải đấu sự.

### **11.2. Xử phạt đối với các môn thể thao đồng đội**

Nếu trong môn thể thao đồng đội có từ hai thành viên trở lên bị phát hiện đã vi phạm luật chống Doping trong thời gian diễn ra Giải đấu, các cơ quan có thẩm quyền tổ chức Giải đấu đó sẽ áp dụng hình phạt thích đáng đối với đội (như: tước điểm, truất quyền thi đấu hoặc hình thức xử phạt khác) ngoài hậu quả áp đặt cho cá nhân các Vận động viên có hành vi vi phạm về doping.

### **11.3. Cơ quan tổ chức Giải đấu có quyền quy định những hình phạt nghiêm khắc hơn đối với các đội thể thao**

Cơ quan tổ chức Giải đấu có thể lựa chọn để xây dựng các điều luật áp dụng cho Giải đấu với các mức xử phạt đối với các môn thể thao đồng đội nghiêm khắc hơn so với các hình phạt tại Điều 11.2.

*Chú giải Điều 11.3: ví dụ, Ủy ban Olympic quốc tế có thể xây dựng các điều luật yêu cầu truất quyền thi đấu của một đội khỏi Đại hội Olympic căn cứ trên số vụ vi phạm về doping ít hơn trong thời gian diễn ra Đại hội).*

## **ĐIỀU 12. HÌNH PHẠT ĐỐI VỚI CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC THỂ THAO**

Không có quy định nào trong Bộ Luật này ngăn cản các bên ký kết hoặc các chính phủ đã thừa nhận Bộ Luật củng cố thêm luật lệ riêng của mình nhằm áp đặt các hình phạt đối với một tổ chức thể thao khác mà họ có thẩm quyền quản lý.

*Chú giải Điều 12: Điều luật này chỉ rõ rằng, Bộ Luật này không hạn chế quyền thi hành kỷ luật có thể rất khác nhau giữa các tổ chức.*

## **ĐIỀU 13. KHIẾU NẠI**

### **13.1. Khiếu nại các quyết định**

Các quyết định được đưa ra theo quy định của Bộ Luật hoặc các điều luật được lựa chọn trên cơ sở tuân thủ Bộ Luật này có thể được khiếu nại theo quy định tại các Điều 13.2 đến Điều 13.4 hoặc các quy định khác trong Bộ Luật này. Những quyết định như vậy vẫn giữ nguyên hiệu lực trong khi đang có khiếu nại, trừ khi có yêu cầu khác của cơ quan giải quyết khiếu nại. Trước khi khiếu nại được tiến hành, tất cả các bước thẩm tra sau quyết định theo quy định trong luật của Tổ chức chống Doping phải được tiến hành triệt để, với điều kiện các bước thẩm tra này tuân thủ đúng những nguyên tắc được nêu tại Điều 13.2.2 dưới đây (trừ trường hợp được quy định tại mục 13.1.1).

**13.1.1.** WADA không có trách nhiệm thực hiện triệt để các giải pháp nội bộ.

Trong trường hợp WADA có quyền khiếu nại theo quy định tại Điều 13 và không có bên thứ ba nào khiếu nại về quyết định cuối cùng trong quá trình xử lý của Tổ chức chống Doping đó thì WADA có thể khiếu nại quyết định đó trực tiếp tới CAS mà không phải thực hiện hết các bước khác trong quá trình xét xử của Tổ chức chống Doping đó.

*Giải thích mục 13.1.1: Trường hợp quyết định đã được đưa ra trước giai đoạn cuối cùng trong trình tự xét xử của Tổ chức chống Doping (ví dụ, phiên giải trình đầu tiên) và không có bên nào lựa chọn việc khiếu nại quyết định đó tới cấp cao hơn theo trình tự xét xử của Tổ chức chống Doping đó (ví dụ, Ban điều hành) thì WADA có thể bỏ qua các bước còn lại trong trình tự xét xử nội bộ của Tổ chức chống Doping đó và khiếu nại trực tiếp lên CAS).*

### **13.2. Khiếu nại các quyết định liên quan tới các hành vi vi phạm luật chống Doping, các hình thức xử phạt và các trường hợp bị Đình chỉ thi đấu tạm thời**

Có thể khiếu nại những quyết định sau đây:

Quyết định về việc đã vi phạm luật chống-Doping, quyết định áp đặt các hình thức xử phạt đối với một hành vi vi phạm luật chống-Doping hoặc quyết định về việc không vi phạm luật chống Doping; quyết định về tiến trình xét xử một hành vi vi phạm luật chống Doping không thể tiến hành tiếp vì lý do thủ tục (kể cả, ví dụ , các quy định của luật); quyết định theo quy định tại Điều 10.10.2 (vi phạm về việc cấm tham gia trong thời gian bị Tước bỏ tư cách); quyết định về việc một Tổ chức chống doping không đủ thẩm quyền pháp lý để phán quyết một hành vi vi phạm luật chống doping bị cáo buộc hoặc các biện pháp xử phạt; quyết định do một Tổ chức chống doping đưa ra mà không đưa ra được Kết quả phân tích bất lợi hoặc một Kết quả phân tích không hợp thức của

một hành vi vi phạm luật chống doping, hoặc quyết định không tiếp tục xem xét hành vi vi phạm luật chống Doping sau khi điều tra theo quy định tại Điều 7.4; và quyết định áp đặt Đình chỉ thi đấu tạm thời đưa ra sau phiên giải trình sơ bộ hoặc vi phạm quy định tại khoản 7.5.

### **13.2.1. Khiếu nại liên quan đến các Vận động viên đẳng cấp quốc tế**

Trong trường hợp quyết định đưa ra phát sinh từ việc tham gia một Giải đấu quốc tế hoặc liên quan đến các Vận động viên đẳng cấp quốc tế thì chỉ có thể khiếu nại lên Tòa án về thể thao (CAS) theo những quy định thích hợp trước khi mở phiên tòa xét xử về vụ việc đó.

*Giải thích mục 13.2.1: Quyết định của CAS là quyết định cuối cùng và mang tính ràng buộc trừ trường hợp cần đến sự xem xét theo căn cứ pháp luật thích hợp đối với việc bãi bỏ hoặc tăng thêm mức xử phạt.*

### **13.2.2. Khiếu nại liên quan đến các Vận động viên cấp quốc gia**

Trong trường hợp quyết định đưa ra liên quan đến những Vận động viên cấp quốc gia (theo định nghĩa của mỗi Tổ chức chống Doping quốc gia) mà không có quyền khiếu nại theo quy định tại Điều 13.2.1 thì có thể khiếu nại tới một cơ quan xét xử độc lập và trung lập theo đúng các điều luật được Tổ chức chống Doping quốc gia đó thiết lập. Các điều luật quy định việc khiếu nại này cần phải tuân thủ những nguyên tắc sau:

- Kịp thời;
- Hội đồng xét xử phải công bằng và khách quan;
- Quyền có luật sư đại diện và phải tự trả chi phí;
- Quyết định phải hợp lý, kịp thời bằng văn bản.

*Chú giải Điều 13.2.2: Tổ chức chống doping có thể quyết định tuân theo điều này bằng việc cho phép các Vận động viên cấp quốc gia quyền kháng cáo trực tiếp lên CAS.*

### **13.2.3. Các bên có quyền khiếu nại**

Đối với các trường hợp quy định tại Điều 13.2.1, các bên sau đây có quyền khiếu nại tới CAS:

(a) Vận động viên hoặc Tổ chức, Cá nhân là chủ thể chịu quyết định được khiếu nại;

(b) Bên thứ hai đối với vụ việc mà trong đó quyết định đã được tổng đạt;

(c) Liên đoàn thể thao quốc tế có liên quan;

(d) Tổ chức chống Doping quốc gia của nước mà Tổ chức, Cá nhân đó hiện đang cư trú hoặc của các quốc gia mà mà Tổ chức, Cá nhân đó mang quốc tịch hoặc có thể cư trú;

(e) Ủy ban Olympic quốc tế hoặc Ủy ban Paralympic quốc tế, trong trường hợp quyết định đó có thể có ảnh hưởng đến Thế vận hội Olympic hoặc Paralympic, kể cả các quyết định có ảnh hưởng đến tư cách tham dự Thế vận hội Olympic hay Paralympic.



(f) WADA.

Đối với những trường hợp quy định tại Điều 13.2.2, các bên có quyền khiếu nại đến cơ quan xét xử cấp quốc gia sẽ do luật của Tổ chức chống Doping quốc gia quy định song, ít nhất cũng phải bao gồm các bên sau:

(a) Vận động viên hoặc Tổ chức, Cá nhân khác là chủ thể chịu quyết định được khiếu nại;

(b) Bên thứ hai đối với vụ việc mà trong đó quyết định đã được tổng đạt;

(c) Liên đoàn thể thao quốc tế có liên quan;

(d) Tổ chức chống Doping quốc gia của nước mà Tổ chức, Cá nhân đó hiện đang cư trú;

(e) WADA.

Đối với những trường hợp quy định tại Điều 13.2.2, WADA và Liên đoàn thể thao quốc tế cũng có quyền khiếu nại lên CAS đối với quyết định của cơ quan xét xử cấp quốc gia. Bất cứ bên nào nộp đơn khiếu nại đều được hỗ trợ từ CAS để có được những thông tin có liên quan của Tổ chức chống Doping mà quyết định của họ đang bị khiếu nại và thông tin đó phải được cung cấp nếu có sự chỉ đạo của CAS.

Thời hạn cuối cùng để hoàn tất hồ sơ khiếu nại hoặc đề nghị WADA can thiệp sẽ là:

(a) Hai mươi một (21) ngày sau ngày cuối cùng mà một bên liên quan trong vụ việc có thể khiếu nại, hoặc

(b) Hai mươi một (21) ngày sau khi WADA nhận được hồ sơ hoàn chỉnh về quyết định đó.

Cho dù có bất kỳ quy định khác nào trong tài liệu này, Tổ chức, Cá nhân duy nhất có thể khiếu nại đối với việc Đình chỉ thi đấu tạm thời là Vận động viên hoặc Tổ chức, Cá nhân khác bị áp đặt hình phạt này.

### **13.3. Tổ chức chống Doping không đưa ra quyết định phản hồi kịp thời**

Trường hợp, trong một vụ việc cụ thể, Tổ chức chống Doping không đưa ra được quyết định kịp thời về việc đã vi phạm luật chống doping hay không, trong vòng một thời hạn thích hợp do WADA quy định thì WADA có thể chọn cách khiếu nại trực tiếp lên CAS như thể Tổ chức chống Doping đó đã đưa quyết định kết luận không có vi phạm về doping. Nếu hội đồng xét xử của CAS quyết định rằng đã có vi phạm doping và rằng WADA đã hành xử đúng khi chọn cách kháng cáo trực tiếp lên CAS thì Tổ chức chống Doping đó sẽ phải trả lại mọi phí tổn và chi phí trả cho luật sư trong quá trình khiếu nại cho WADA.

*Chú giải Điều 13.3: Xét đến những tình huống khác nhau của mỗi cuộc điều tra về hành vi vi phạm luật chống doping và quy trình quản lý kết quả, thì khó có thể đặt ra được một thời hạn cụ thể, chắc chắn để một Tổ chức chống Doping đưa ra quyết định trước khi WADA có thể can thiệp bằng cách khiếu nại trực tiếp*

*tới CAS. Tuy nhiên, trước khi làm như vậy, WADA sẽ tham khảo ý kiến của Tổ chức chống Doping đó và dành một cơ hội để Tổ chức chống Doping đó giải thích lý do tại sao vẫn chưa ra được quyết định. Điều luật này không cấm một Liên đoàn thể thao quốc tế có những quy định cho phép họ đảm nhiệm quyền hạn pháp lý đối với những vấn đề nảy sinh mà trong đó việc quản lý kết quả do một trong những Liên đoàn quốc gia của mình thực hiện đã bị trì hoãn một cách không đáng có.*

#### **13.4. Khiếu nại các quyết định cho hưởng hoặc từ chối Miễn trừ do điều trị**

Quyết định của WADA lật lại việc cho hưởng hay từ chối Miễn trừ do điều trị chỉ có thể được khiếu nại tới CAS, do Vận động viên hoặc Tổ chức chống Doping có quyết định bị lật lại thực hiện. Quyết định từ chối Miễn trừ do điều trị do các Tổ chức chống Doping không phải là WADA đưa ra mà không bị WADA lật lại thì có thể do Vận động viên đăng cấp quốc tế khiếu nại tới CAS còn các Vận động viên khác khiếu nại tới Cơ quan kiểm định cấp quốc gia theo quy định tại mục 13.2.2. Nếu một Cơ quan kiểm định cấp quốc gia lật ngược lại quyết định từ chối Miễn trừ do điều trị thì quyết định này có thể bị WADA khiếu nại lên CAS.

Trường hợp Tổ chức chống Doping không thực hiện việc xem xét, giải quyết một trường hợp Miễn trừ đã nộp đơn một cách hợp thức trong vòng một quãng thời gian

hợp lý, thì việc không đưa ra được quyết định của Cơ quan đó có thể được coi là đã từ chối để có thể thực hiện các quyền khiếu nại theo quy định tại Điều này.

### **13.5. Khiếu nại các quyết định tại Chương ba và Chương bốn của Bộ Luật này**

Liên quan tới báo cáo của WADA về việc không tuân thủ đúng các quy định tại Điều 23.4.5 hoặc bất kỳ hình thức xử phạt nào được áp dụng theo quy định trong phần ba (Các chức danh và trách nhiệm) của Bộ Luật, đối tượng mà WADA nhắc tới hoặc đối tượng bị áp dụng hình phạt sẽ có quyền kháng cáo duy nhất lên CAS theo đúng những quy định có thể áp dụng được cho trước khi mở phiên tòa như vậy.

### **13.6. Khiếu nại các quyết định đình chỉ hoặc thu hồi giấy phép hoạt động của phòng thí nghiệm**

Quyết định của WADA về việc đình chỉ hoặc thu hồi giấy phép của phòng thí nghiệm được WADA cấp phép chỉ có thể được khiếu nại bởi chính phòng thí nghiệm đó và chỉ được khiếu nại lên CAS.

*Chú giải Điều 13: Mục đích của Bộ Luật này là nhằm làm cho các vấn đề về doping phải được xử lý thông qua các trình tự thủ tục nội tại một cách công bằng và rõ ràng với việc được khiếu nại đến bước cuối cùng. Các quyết định về chống doping do các Tổ chức chống Doping đưa ra phải được thực hiện minh bạch theo quy định tại Điều 14. Các Tổ chức, Cá nhân và các cơ*

*quan cụ thể, kể cả WADA, đều được trao cơ hội để khiếu nại các quyết định của họ. Lưu ý rằng, định nghĩa các Tổ chức, Cá nhân và các cơ quan có quyền lợi có quyền kháng cáo theo Điều 13 không bao gồm các Vận động viên, hoặc các liên đoàn của họ- là những đối tượng có thể được hưởng lợi từ việc đấu thủ khác bị Truất quyền thi đấu.*

## **ĐIỀU 14. QUY ĐỊNH VỀ BẢO MẬT VÀ TRÁCH NHIỆM BÁO CÁO**

Các nguyên tắc phối hợp trong việc xử lý, công bố kết quả, trách nhiệm giải trình và sự tôn trọng quyền riêng tư cá nhân đối với các trường hợp bị cho là có vi phạm là:

### **14.1. Thông tin liên quan tới Kết quả phân tích bất lợi, Kết quả phân tích không hợp thức và những vi phạm doping khác có thể xảy ra**

**14.1.1.** Thông báo tới các Vận động viên và các Tổ chức, Cá nhân khác.

Vận động viên mà Mẫu xét nghiệm của họ cho Kết quả phân tích bất lợi sau quá trình xem xét sơ bộ theo Điều 7.1 hoặc 7.3, hoặc một Vận động viên hay một Tổ chức, Cá nhân khác bị khẳng định là đã vi phạm luật chống doping sau quá trình xem xét sơ bộ theo quy định tại Điều 7.4, phải được Tổ chức chống doping chịu trách nhiệm quản lý kết quả thông báo theo đúng quy định tại Điều 7 (Quản lý kết quả).

**14.1.2.** Thông báo tới các Tổ chức chống Doping quốc gia, các Liên đoàn thể thao quốc tế và WADA

Tổ chức chống Doping đó đồng thời cũng phải thông báo tới Tổ chức chống Doping quốc gia của Vận động viên, Liên đoàn thể thao quốc tế và WADA về những

thông tin này ngay sau khi hoàn tất các thủ tục được quy định tại các Điều từ 7.1 đến Điều 7.4.

#### **14.1.3. Nội dung của thông báo.**

Nội dung thông báo cần bao gồm: tên của Vận động viên, quốc tịch, môn thể thao, nội dung thi đấu, đẳng cấp thi đấu của Vận động viên, đã được kiểm tra trong thi đấu hay ngoài thi đấu hay chưa, ngày lấy mẫu xét nghiệm, và kết quả phân tích theo báo cáo của phòng thí nghiệm.

#### **14.1.4. Báo cáo tình hình.**

Các Tổ chức, Cá nhân và các Tổ chức chống Doping đã gửi các thông báo trước đây cần phải cập nhật thường xuyên tình hình và kết quả của bất kỳ lần xem xét hoặc các trình tự thủ tục được tiến hành theo Điều 7 (Quản lý kết quả), Điều 8 (Quyền được giải trình một cách minh bạch) hoặc Điều 13 (Các trường hợp khiếu nại) và sẽ phải gửi kèm một văn bản giải thích lý do hoặc quyết định giải thích việc xử lý vấn đề nảy sinh đó.

#### **14.1.5. Đảm bảo việc bảo mật thông tin.**

Các tổ chức nhận được thông tin báo cáo không được phép tiết lộ thông tin đó ra ngoài phạm vi các Tổ chức, Cá nhân cần phải biết (bao gồm cả những nhân sự cần thiết của Ủy ban Olympic quốc gia thích hợp, Liên đoàn thể thao quốc gia và đội trong môn thể thao đồng đội) trước khi cơ quan chịu trách nhiệm quản lý kết quả đưa ra

công khai hoặc đã không thực hiện được việc đưa ra công khai theo yêu cầu tại Điều 14.1.2 dưới đây.

*Chú thích điều 14.1.5: Mỗi Tổ chức chống Doping phải quy định (đưa vào luật chống doping của riêng tổ chức đó) các trình tự thủ tục thực hiện việc bảo mật thông tin, bảo mật về quá trình điều tra và xử phạt đối với việc để lộ những thông tin mật một cách không đúng lúc của bất cứ nhân viên hoặc bộ phận nào thuộc tổ chức của mình.*

## **14.2. Công bố rộng rãi**

**14.2.1.** Việc công bố rộng rãi danh tính của bất kỳ Vận động viên hoặc Tổ chức, Cá nhân nào khác bị Tổ chức chống Doping cáo buộc vi phạm luật chống doping chỉ có thể được Tổ chức chống Doping đó thực hiện sau khi đã thông báo tới Vận động viên hoặc Tổ chức, Cá nhân đó theo đúng những quy định tại Điều 7.2, 7.3 hoặc 7.4, và tới các Tổ chức chống Doping có liên quan theo Điều 14.1.2.

**14.2.2.** Không quá hai mươi (20) ngày kể từ khi đã xác định được là có vi phạm về doping trong phiên Giải trình theo đúng quy định tại Điều 8 (Quyền được Giải trình một cách minh bạch), hoặc khi phiên phiên Giải trình này đã bị khước từ, hoặc sự khẳng định vi phạm luật chống doping đã không được thừa nhận đúng lúc thì Tổ chức chống Doping chịu trách nhiệm quản lý kết quả phải công bố rộng rãi về tình hình xảy ra vụ việc vi phạm này, bao



gồm môn thể thao, điều luật chống doping đã vi phạm, tên của Vận động viên hoặc Tổ chức, Cá nhân khác có hành vi vi phạm, Chất bị cấm hoặc Phương pháp bị cấm có liên quan và các hình phạt đã áp đặt. Cũng Tổ chức chống doping đó, trong vòng hai mươi (20) phải công bố các quyết định khiếu nại liên quan đến các hành vi vi phạm về doping. Cũng trong khoảng thời hạn dành cho việc công bố, Tổ chức chống Doping phải gửi tất cả các quyết định xét xử và quyết định kháng cáo tới WADA.

**14.2.3.** Trong trường hợp sau phiên Giải trình hoặc giải quyết khiếu nại đã khẳng định rằng, Vận động viên hoặc Tổ chức, Cá nhân đó đã không vi phạm luật chống doping, thì quyết định đó chỉ có thể được công bố khi được sự đồng ý của Vận động viên hoặc Tổ chức, Cá nhân khác là chủ thể chịu quyết định. Tổ chức chống Doping chịu trách nhiệm quản lý kết quả phải áp dụng mọi biện pháp có thể để có được sự đồng ý này, và khi có được sự đồng ý, phải công bố công khai toàn văn bản quyết định hoặc bản đã được biên tập lại theo nguyện vọng của Vận động viên hoặc Tổ chức, Cá nhân đó.

**14.2.4.** Chiều theo Điều 14.2, việc công khai thông tin phải được thực hiện ít nhất bằng một lượng thông tin cần thiết trên Website của Tổ chức chống Doping đó và thông tin đó phải được duy trì ít nhất một năm.

**14.2.5.** Tất cả các Tổ chức chống Doping, các phòng thí nghiệm được WADA công nhận, hoặc quan chức của

các tổ chức này đều không được phép bình luận công khai về những tình tiết cụ thể của một vụ việc chưa được xét xử (trái với trình tự tố tụng và tính khoa học), ngoại trừ việc đáp trả những bài bình luận công khai bị cho là của Vận động viên, Tổ chức, Cá nhân khác hoặc đại diện của họ.

### **14.3. Thông tin Hồ sơ nơi ở của Vận động viên**

Theo những quy định cụ thể hơn trong các Tiêu chuẩn quốc tế về kiểm tra doping, những Vận động viên đã được Liên đoàn thể thao quốc tế hoặc Tổ chức chống Doping quốc gia chỉ định đưa vào Nhóm đăng ký kiểm tra sẽ phải cung cấp thông tin chính xác và cập nhật về nơi ở của họ. Các Liên đoàn thể thao quốc tế và các Tổ chức chống Doping quốc gia sẽ phối hợp trong việc nhận dạng các Vận động viên và tập hợp thông tin về chỗ ở hiện tại của họ và sẽ gửi những thông tin này tới WADA. Các Tổ chức chống Doping khác có thẩm quyền kiểm tra doping đối với những Vận động viên này (theo quy định tại Điều 15) có thể truy cập thông tin này thông qua hệ thống ADAMS. Thông tin này phải được giữ bảo mật nghiêm ngặt tại mọi thời điểm; sẽ chỉ được dùng cho mục đích lên kế hoạch, phối hợp và tiến hành Kiểm tra doping; và sẽ được xóa sau khi nó không còn liên quan tới những mục đích này nữa.

### **14.4. Báo cáo thống kê**

Ít nhất mỗi năm một lần các Tổ chức chống Doping phải công bố công khai báo cáo thống kê tổng hợp các

hoạt động Kiểm tra Doping của họ và đồng thời gửi tới WADA một bản sao. Các Tổ chức chống Doping cũng có thể công bố báo cáo về tên của các Vận động viên đã được Kiểm tra và ngày tháng của mỗi lần Kiểm tra đó.

#### **14.5. Ngân hàng dữ liệu Kiểm tra doping**

WADA hoạt động như một ngân hàng trung tâm về dữ liệu kiểm tra doping và kết quả kiểm tra của các Vận động viên đẳng cấp quốc tế và Vận động viên đẳng cấp quốc gia có tên trong Nhóm đăng ký kiểm tra của Tổ chức chống Doping quốc gia của họ. Để thuận lợi cho việc lập Kế hoạch phân bố Kiểm tra theo sự điều phối chung và tránh trùng lặp không cần thiết việc tiến hành kiểm tra của các Tổ chức chống Doping khác nhau, mỗi Tổ chức chống Doping quốc gia phải báo cáo tất cả các cuộc Kiểm tra cả trong và ngoài thi đấu của Vận động viên tới ngân hàng dữ liệu của WADA càng sớm càng tốt ngay sau khi đã thực hiện xong những trường hợp kiểm tra đó. Vận động viên, Liên đoàn thể thao quốc gia của Vận động viên, Ủy ban Olympic quốc gia, Ủy ban Paralympic quốc gia, Tổ chức chống Doping quốc gia, Ủy ban Olympic quốc tế hoặc Ủy ban Paralympic quốc tế sẽ được sử dụng những thông tin này.

Để có thể phục vụ như một ngân hàng dữ liệu Kiểm tra doping, WADA đã phát triển một công cụ quản lý cơ sở dữ liệu – ADAMS, đáp ứng được những nguyên tắc bảo mật dữ liệu ngày càng cao. Đặc biệt, WADA đã phát triển ADAMS để phù hợp với các trạng thái và các tiêu chuẩn

bảo mật thông tin tương thích giữa WADA và các Tổ chức khác có sử dụng ADAMS. Thông tin cá nhân liên quan đến Vận động viên, Cán bộ, nhân viên trợ giúp vận động viên hoặc Tổ chức, Cá nhân khác tham gia vào các hoạt động chống doping sẽ được WADA bảo vệ, và được cơ quan bảo mật của Canada giám sát nghiêm ngặt theo đúng những Tiêu chuẩn quốc tế về việc bảo vệ bí mật riêng tư. Ít nhất mỗi năm một lần, WADA phải công bố báo cáo thống kê tổng hợp các thông tin mà họ nhận được, đảm bảo thông tin cá nhân của Vận động viên luôn được giữ bí mật và luôn sẵn sàng đối thoại với các cơ quan bảo mật thông tin quốc gia và khu vực.

#### **14.6. Chế độ bảo mật**

Khi thực hiện nghĩa vụ theo các quy định của Bộ Luật này, các Tổ chức chống Doping có thể thu thập, lưu trữ, xử lý hoặc công bố thông tin cá nhân liên quan đến các Vận động viên và các bên thứ ba. Mỗi Tổ chức chống doping phải đảm bảo thực hiện việc này một cách phù hợp với quy định của luật bảo mật thông tin và luật bảo vệ bí mật riêng tư trong việc nắm giữ thông tin của mình, cũng như Tiêu chuẩn quốc tế bảo vệ quyền riêng tư mà WADA đã chấp nhận nhằm đảm bảo cho các Vận động viên và những người không phải là Vận động viên được cung cấp đầy đủ thông và khi cần đến, họ sẽ chấp thuận cho nắm giữ những thông tin cá nhân của họ có liên quan tới các hoạt động phòng chống doping phát sinh theo quy định của Bộ Luật này.

## **ĐIỀU 15. PHÂN ĐỊNH RÕ TRÁCH NHIỆM KIỂM TRA DOPING**

### **15.1. Kiểm tra trong thi đấu**

Việc lấy Mẫu xét nghiệm doping cần phải được thực hiện ở cả các Giải đấu quốc gia và các Giải đấu quốc tế. Tuy nhiên, chỉ nên có một tổ chức duy nhất chịu trách nhiệm cho việc lên kế hoạch và chỉ đạo trực tiếp trong thời gian diễn ra giải đấu, ngoại trừ trường hợp phải áp dụng theo những quy định khác dưới đây. Tại các Giải đấu quốc tế, việc khởi xướng và chỉ huy lấy Mẫu kiểm tra doping sẽ được một Tổ chức quốc tế có thẩm quyền đối với Giải đấu đó tiến hành (ví dụ, đối với Thế vận hội Olympic, tổ chức đó sẽ là Ủy ban Olympic quốc tế, các giải vô địch thế giới – Liên đoàn thể thao quốc tế, Đại hội thể thao Liên Mỹ - Tổ chức thể thao Liên Mỹ). Tại các giải đấu trong nước, việc lấy Mẫu xét nghiệm doping sẽ do Tổ chức chống Doping quốc gia được chỉ định lên kế hoạch và chỉ đạo thực hiện.

*Chú giải Điều 15: Để thu được hiệu quả cao trong công cuộc phòng chống doping cần phải thu hút được rất nhiều Tổ chức chống Doping vào thực hiện các chương trình mạnh mẽ cả trên phạm vi quốc tế và quốc gia. Ngoài việc giới hạn trách nhiệm của một nhóm có thẩm quyền riêng trội hơn của nhóm khác, Bộ*

*Luật sẽ điều chỉnh các vấn đề có khả năng xảy ra liên quan đến các trách nhiệm chồng chéo, trước tiên là đề ra một mức độ cân đối chung cao hơn và hai là xây dựng các điều luật về quyền được quyết định và quyền được phối hợp trong những lĩnh vực cụ thể.*

**15.1.1.** Nếu một Tổ chức chống Doping không có trách nhiệm lên kế hoạch và trực tiếp tiến hành Kiểm tra doping tại một Giải đấu, nhưng có mong muốn tiến hành kiểm tra thêm các Vận động viên tại Giải đấu trong thời gian diễn ra Giải đấu đó thì trước hết Tổ chức chống Doping đó cần phải hỏi ý kiến Cơ quan tổ chức Giải đấu để được sự cho phép tiến hành và được sự phối hợp, trong bất cứ trường hợp kiểm tra thêm nào. Nếu Tổ chức chống Doping không được Cơ quan tổ chức Giải đấu đáp ứng thì họ có thể yêu cầu WADA cho phép tiến hành kiểm tra thêm và quyết định về cách thức phải phối hợp trong những trường hợp kiểm tra này. WADA sẽ không chấp thuận những trường hợp kiểm tra thêm này trước khi tham vấn và thông báo với Cơ quan tổ chức Giải đấu đó.

*Chú giải điều 15.1.1: Trước khi cho phép một Tổ chức chống Doping quốc gia tiến hành kiểm tra doping tại một Giải đấu quốc tế, WADA cần phải tham vấn Tổ chức thể thao quốc tế là Cơ quan tổ chức Giải đấu đó. Trước khi cho phép một Liên đoàn thể thao quốc tế tiến hành kiểm tra tại một Giải đấu quốc gia, WADA cần phải tham vấn Tổ chức chống Doping quốc gia*

*của nước, nơi mà Giải đấu diễn ra. Nếu lựa chọn cách này, Tổ chức chống Doping khởi xướng và chỉ đạo việc Kiểm tra có thể ký kết các thỏa thuận với các cơ quan, tổ chức khác là đại diện chịu trách nhiệm lấy mẫu và các thủ tục khác của quá trình Kiểm tra doping.*

## **15.2. Kiểm tra doping ngoài thi đấu**

Kiểm tra doping ngoài thi đấu sẽ do cả tổ chức quốc tế và quốc gia đề xuất và trực tiếp tiến hành. Các tổ chức được phép đề xuất và trực tiếp tiến hành Kiểm tra doping ngoài thi đấu là: (a) WADA; (b) Ủy ban Olympic quốc tế hoặc Ủy ban Paralympic quốc tế gắn với các Đại hội thể thao Olympic hoặc Đại hội thể thao Paralympic; (c) Liên đoàn thể thao quốc tế của Vận động viên được chỉ định Kiểm tra; (d) Tổ chức chống doping có thẩm quyền Kiểm tra doping đối với Vận động viên theo quy định tại Điều 5.1 (Lên kế hoạch phân phối kiểm tra). Việc Kiểm tra doping ngoài thi đấu phải được phối hợp thông qua ADAMS để tăng tối đa hiệu lực của kết quả kiểm tra doping đã phối hợp thực hiện và tránh trường hợp kiểm tra lặp lại một cách không cần thiết đối mỗi cá nhân Vận động viên.

*Chú giải Điều 15.2: Quyền tiến hành kiểm tra thêm có thể được cho phép dựa trên các thỏa thuận song phương hoặc đa phương giữa các Bên ký kết và các chính phủ.*

### **15.3. Quản lý kết quả. Xét xử và các hình phạt**

Ngoại trừ những trường hợp khác được quy định tại Điều 15.3.1 dưới đây, việc Quản lý kết quả và mở các phiên xét xử nghe đương sự giải trình là trách nhiệm và được tiến hành theo luật tố tụng của Tổ chức chống Doping đã khởi xướng và trực tiếp thực hiện việc lấy Mẫu xét nghiệm (hoặc, trong trường hợp không tham gia vào việc lấy mẫu thì sẽ là Tổ chức đã phát hiện ra vi phạm). Nếu Tổ chức chống Doping đó không có thẩm quyền quản lý kết quả, thì thẩm quyền này được mặc định thuộc Liên đoàn thể thao quốc tế thích hợp. Bất kể Tổ chức nào sẽ tiến hành quản lý kết quả hoặc phiên xét xử nghe đương sự giải trình đều phải thực hiện theo đúng các nguyên tắc được nêu tại Điều 7 và điều 8, và nhất quán với các điều luật đã được phân định trong phần Mở đầu của Bộ Luật này mà không được có sự thay đổi đáng kể nào.

*Chú giải điều 15.3: Trong một vài trường hợp, luật tố tụng của Tổ chức chống Doping khởi xướng và trực tiếp việc lấy Mẫu xét nghiệm có thể định rõ việc Quản lý kết quả sẽ được một tổ chức khác thực hiện (ví dụ Liên đoàn thể thao quốc gia của Vận động viên). Trong trường hợp này, trách nhiệm của Tổ chức chống Doping đề xuất là phải xác nhận luật của Cơ quan quản lý kết quả là phù hợp với Bộ Luật này. Giải pháp cuối cùng là, Liên đoàn thể thao quốc tế của Vận động viên hoặc Tổ chức, Cá nhân khác sẽ*



*được trao quyền Quản lý kết quả để tránh tình trạng không có Cơ quan chống Doping nào tiến hành quản lý kết quả. Tất nhiên một Liên đoàn thể thao quốc tế có quyền đưa vào luật chống doping của riêng mình quy định cho Liên đoàn thể thao quốc gia của Vận động viên hoặc Tổ chức, Cá nhân khác phải thực hiện việc Quản lý kết quả.*

**15.3.1.** Việc Quản lý kết quả và tiến hành các Phiên xét xử một hành vi vi phạm luật chống doping phát sinh từ một trường hợp Kiểm tra doping, hoặc bị phát hiện bởi một Tổ chức chống Doping quốc gia liên quan tới một Vận động viên không có quốc tịch, thể cư trú hoặc không phải là thành viên của bất kỳ một tổ chức thể thao nào của của quốc gia đó sẽ được thực hiện theo luật của Liên đoàn thể thao quốc tế thích hợp. Việc Quản lý kết quả và tiến hành Phiên xét xử do một trường hợp Kiểm tra được thực hiện bởi Ủy ban Olympic quốc tế, Ủy ban Paralympic quốc tế hoặc một Cơ quan tổ chức Giải đấu lớn sẽ được chuyển đến Liên đoàn thể thao quốc tế thích hợp chừng nào các mức xử phạt vượt quá mức Truất quyền thi đấu tại Giải đấu đó hoặc Tước bỏ các thành tích thi đấu ở Giải đấu đó.

*Chú giải Điều 15.3.1: Không thể xây dựng được một quy tắc tuyệt đối cho việc Quản lý kết quả và tiến hành các phiên xét xử trong trường hợp một Tổ chức chống Doping quốc gia tiến hành Kiểm tra doping một Vận*

*động viên nước ngoài mà Tổ chức đó không có thẩm quyền đối với Vận động viên này, nhưng vì Vận động viên đó tham gia thi đấu tại Giải đấu của nước mà Tổ chức chống Doping quốc gia của họ có thẩm quyền, nên trường hợp này sẽ tùy thuộc vào Liên đoàn thể thao quốc tế quyết định, theo luật của riêng liên đoàn đó, xem việc Quản lý kết quả sẽ do Tổ chức chống Doping quốc gia của Vận động viên, Tổ chức chống Doping tiến hành lấy Mẫu hoặc do chính Liên đoàn thể thao quốc tế đó chịu trách nhiệm.*

#### **15.4. Công nhận lẫn nhau**

**15.4.1** Đối với quyền khiếu nại được quy định tại Điều 13 (Các trường hợp khiếu nại), việc Kiểm tra doping, Miễn trừ do điều trị và kết quả xét xử hoặc các phán quyết cuối cùng khác của bất kỳ Bên ký kết nào mà phù hợp với Bộ Luật này và thuộc phạm vi thẩm quyền của Bên ký kết phải được tất cả các Bên ký kết khác công nhận và tôn trọng.

*Chú giải Điều 15.4.1: Đã từng có sự nhầm lẫn về cách giải thích Điều luật này khi đề cập đến điều khoản Miễn trừ do điều trị (TUE). Trừ khi có quy định khác trong luật của Liên đoàn thể thao quốc tế hoặc có sự thoả thuận với Liên đoàn thể thao quốc tế, các Tổ chức chống Doping quốc gia không có "thẩm quyền" cho hưởng Miễn trừ do điều trị đối với vận động viên đẳng cấp quốc tế.*

**15.4.2.** Các Bên ký kết phải công nhận việc xét xử tương tự của các tổ chức pháp nhân khác không thừa nhận Bộ Luật này, nếu luật của các tổ chức pháp nhân đó cũng phù hợp với Bộ Luật này.

*Chú giải Điều 15.4.2: Trong trường hợp quyết định của một tổ chức pháp nhân không thừa nhận Bộ Luật này, xét trên một số phương diện nào đó là phù hợp với Bộ Luật còn những phương diện khác không phù hợp, thì các Bên ký kết phải áp dụng quyết định đó một cách hài hòa với các nguyên tắc của Bộ Luật này. Ví dụ, nếu trong quá trình xét xử phù hợp với Bộ Luật, một Bên không ký kết đã phát hiện một Vận động viên có hành vi vi phạm luật chống doping do có Chất bị cấm trong cơ thể họ, nhưng thời hạn bị Tước bỏ tư cách đã áp dụng lại ngắn hơn so với thời hạn quy định của Bộ Luật này, thì tất cả các Bên ký kết phải công nhận việc phát hiện hành vi vi phạm luật chống doping và Tổ chức chống Doping quốc gia của Vận động viên đó phải tiến hành phiên xét xử theo quy định tại Điều 8 để xác định xem có cần phải áp đặt mức thời hạn Tước bỏ tư cách dài hơn theo đúng quy định trong Bộ Luật này hay không.*

## **ĐIỀU 16. KIỂM TRA DOPING ĐỐI VỚI CÁC MÔN THỂ THAO CÓ SỰ THAM GIA CỦA ĐỘNG VẬT**

**16.1.** Ở tất cả các môn thể thao nào có động vật tham gia thi đấu, Liên đoàn thể thao quốc tế của môn đó phải xây dựng và thực thi luật chống doping cho các loài động vật được đưa vào môn thể thao đó. Luật chống doping này phải bao gồm cả Danh mục Các chất bị cấm, các trình tự thủ tục tiến hành kiểm tra doping và một danh sách các phòng thí nghiệm được công nhận cho việc phân tích Mẫu xét nghiệm.

**16.2.** Liên quan tới việc xác định các hành vi vi phạm luật chống doping, việc Quản lý kết quả, tiến hành phiên Giải trình, các hình phạt và việc khiếu nại liên quan đến các con vật đã tham gia thi đấu, Liên đoàn thể thao quốc tế của môn thể thao đó phải xây dựng và thực thi các điều luật phù hợp với Bộ Luật này, thông thường là các Điều 1, 2, 3, 4, 10, 11, 13 và Điều 17.

## **ĐIỀU 17. THỜI HIỆU XỬ PHẠT**

Không áp dụng bất kỳ hình thức xử phạt nào đối với Vận động viên hoặc Tổ chức, Cá nhân khác có hành vi vi phạm luật chống doping trong Bộ Luật này, trừ khi hình thức xử phạt đó được bắt đầu trong thời gian tám (08) năm kể từ ngày hành vi vi phạm được khẳng định đã xảy ra.

## CHƯƠNG II

# CÔNG TÁC GIÁO DỤC VÀ NGHIÊN CỨU PHÒNG CHỐNG DOPING

---

### **ĐIỀU 18. CÔNG TÁC GIÁO DỤC PHÒNG CHỐNG DOPING**

#### **18.1. Nguyên tắc cơ bản và mục tiêu chính của công tác giáo dục phòng chống doping**

Nguyên tắc cơ bản trong việc tiến hành các chương trình tuyên truyền và giáo dục vì một nền thể thao không có doping là nhằm giữ gìn tinh thần thể thao (như đã giới thiệu trong phần Mở đầu của Bộ Luật) khỏi bị xói mòn do sử dụng doping. Mục tiêu chính của những chương trình này là ngăn chặn việc Vận động viên cố tình hoặc vô ý sử dụng các Chất bị cấm và các Phương pháp bị cấm.

Tất cả các bên đã tham gia ký kết, trong khả năng và phạm vi trách nhiệm của mình cùng với sự hợp tác lẫn nhau giữa các bên phải xây dựng kế hoạch, thực hiện, đánh giá và giám sát các chương trình tuyên truyền và giáo dục vì một nền thể thao không có doping.

#### **18.2. Các chương trình và hoạt động**

Các chương trình này sẽ cung cấp cho Vận động viên và các Tổ chức, Cá nhân khác những thông tin xác đáng ít nhất là về những vấn đề sau:

- Các Chất bị cấm và các Phương pháp bị cấm được đưa vào Danh mục cấm hàng năm do WADA ban hành;
- Các trường hợp vi phạm luật chống doping;
- Các hậu quả của việc sử dụng doping bao gồm các mức hình phạt, các hậu quả về mặt sức khỏe và về mặt xã hội;
- Các quy định về thủ tục tiến hành Kiểm tra doping;
- Các quyền và trách nhiệm của Vận động viên và các Cán bộ, Nhân viên trợ giúp Vận động viên;
- Các trường hợp được Miễn trừ do điều trị;
- Kiểm soát các nguy cơ khi sử dụng các chất bổ sung dinh dưỡng;

Tác hại của doping đối với tinh thần thể thao.

Các chương trình này cần phải thúc đẩy tinh thần thể thao để tạo ra một môi trường thể thao không có doping và sẽ có ảnh hưởng tích cực và lâu dài đến sự lựa chọn của các Vận động viên và các Tổ chức, Cá nhân khác.

Các chương trình này nên hướng tới những người trẻ tuổi, phù hợp với độ tuổi phát triển của họ, trong trường học và các câu lạc bộ thể thao, các bậc phụ huynh, các Vận động viên trưởng thành, các cán bộ thể thao, huấn luyện viên, bác sỹ và giới truyền thông (Giới truyền thông cũng phải hợp tác trong việc hỗ trợ và truyền bá những thông tin này).

Cán bộ, Nhân viên trợ giúp Vận động viên phải giáo dục và chỉ dẫn cho các Vận động viên cách thức ứng xử với vấn đề doping và những điều luật cần phải tuân thủ theo đúng Bộ Luật này.

Tất cả các bên cần phải khuyến khích và ủng hộ việc tham gia tích cực của các Vận động viên và các Tổ chức, Cá nhân khác vào các chương trình giáo dục vì một nền thể thao không có doping.

*Chú giải Điều 18.2: Các chương trình tuyên truyền và giáo dục không nên chỉ giới hạn trong nhóm những Vận động viên đẳng cấp quốc gia hoặc quốc tế mà nên bao gồm tất cả mọi người, gồm cả những Vận động viên trẻ, những người tham gia môn thể thao dưới thẩm quyền của bất kỳ Bên ký kết nào, bất kỳ chính phủ hoặc các tổ chức thể thao đã thừa nhận Bộ Luật này (xem thêm định nghĩa về Vận động viên). Các chương trình này cũng nên hướng các Cán bộ, Nhân viên trợ giúp Vận động viên. Những phương châm hành động này đều phù hợp với Công ước UNESCO về giáo dục và đào tạo).*

### **18.3. Các quy tắc ứng xử chuyên nghiệp**

Tất cả các Bên ký kết sẽ phải phối hợp với nhau và với các chính phủ để thúc đẩy các hiệp hội nghề nghiệp, các học viện có liên quan, xây dựng và thực thi các quy tắc ứng xử thích hợp, các quy tắc hành nghề và các tiêu chuẩn đạo đức có liên quan tới tập luyện thể thao gắn với

việc phòng chống doping, cũng như các hình thức xử phạt phù hợp với Bộ Luật.

#### **18.4. Việc điều phối và phối hợp hành động**

WADA đóng vai trò là một ngân hàng dữ liệu trung tâm về các nguồn lực và các chương trình tuyên truyền và giáo dục và/hoặc các chương trình được WADA hoặc các Tổ chức chống Doping phát triển.

Tất cả các Bên đã ký kết, các Vận động viên và các Tổ chức, Cá nhân khác phải cộng tác chặt chẽ với nhau và với các chính phủ để phối hợp các giải pháp tuyên truyền và giáo dục phòng chống doping nhằm chia sẻ kinh nghiệm và đảm bảo hiệu quả của các chương trình phòng chống doping trong thể thao này.



## **ĐIỀU 19. CÔNG TÁC NGHIÊN CỨU PHÒNG CHỐNG DOPING**

### **19.1. Mục đích của việc nghiên cứu chống doping**

Việc nghiên cứu về chống doping sẽ góp phần vào sự phát triển và thực thi có hiệu quả các chương trình Kiểm tra doping và việc tuyên truyền, giáo dục về nền thể thao không có doping.

Tất cả các Bên đã ký kết phải cộng tác với nhau và với các chính phủ để khích lệ và đầu tư cho những nghiên cứu này, đồng thời phải áp dụng mọi biện pháp cần thiết để đảm bảo cho kết quả của những nghiên cứu này được sử dụng cho việc xúc tiến những mục đích phù hợp với Bộ Luật này.

### **19.2. Các dạng đề tài cần nghiên cứu**

Ngoài các nghiên cứu về y học, phân tích và xét nghiệm sinh lý, nghiên cứu phục vụ cho việc phòng chống doping còn có thể bao gồm, ví dụ như, các nghiên cứu về xã hội học, hành vi, pháp lý và đạo đức. Các nghiên cứu về việc xác định và đánh giá tính hiệu quả của các chương trình huấn luyện tâm - sinh lý dựa trên những cơ sở khoa học phù hợp với các nguyên tắc của Bộ Luật này và đảm bảo tính toàn vẹn của các đối tượng là cơ thể con người, cũng như những nghiên cứu về việc sử dụng các chất hoặc các phương pháp mới xuất hiện nhờ sự phát triển của khoa học nên được tiến hành.

### **19.3. Phối hợp nghiên cứu và chia sẻ kết quả**

Khuyến khích các cơ quan, tổ chức phối hợp việc nghiên cứu thông qua WADA. Tùy theo các quyền sở hữu trí tuệ, các bản sao về kết quả nghiên cứu chống doping, sẽ phải cung cấp cho WADA và, các địa chỉ cần phải gửi tới, cũng nên chia sẻ với các Bên ký kết, các Vận động viên và các Tổ chức, Cá nhân khác có liên quan.

### **19.4. Hoạt động nghiên cứu**

Nghiên cứu phòng chống doping cần phải phù hợp với các quy tắc đạo đức được thể giới chấp nhận.

### **19.5. Các nghiên cứu sử dụng các Chất bị cấm và các Phương pháp bị cấm**

Các công trình nghiên cứu cần phải tránh việc cho hay ép buộc các Vận động viên sử dụng các Chất bị cấm hoặc các Phương pháp bị cấm.

### **19.6. Sự lạm dụng các kết quả nghiên cứu**

Cần phải tiến hành các biện pháp phòng ngừa đủ mạnh để những kết quả nghiên cứu về phòng chống doping không bị lợi dụng và sử dụng làm doping.

## CHƯƠNG III

### VAI TRÒ VÀ TRÁCH NHIỆM

---

Tất cả các bên đã ký kết cần phải có tinh thần hợp tác và phối hợp để đảm bảo sự thành công trong cuộc chiến chống doping trong thể thao và trong việc tuân thủ Bộ Luật phòng chống doping thể giới này.

*Nhận xét: Trách nhiệm của các Bên ký kết, các Vận động viên và các Tổ chức, Cá nhân khác được đề cập trong nhiều Điều Khoản khác nhau của Bộ Luật này và những trách nhiệm trong phần này là bổ sung thêm cho các trách nhiệm đó.*

### **ĐIỀU 20. VAI TRÒ VÀ TRÁCH NHIỆM KHÁC CỦA CÁC BÊN KÝ KẾT**

#### **20.1. Vai trò và trách nhiệm của Ủy ban Olympic quốc tế**

**20.1.1.** Thông qua và thực thi các chương trình hành động và luật chống doping dành cho Đại hội thể thao Olympic phù hợp với Bộ Luật này.

**20.1.2.** Yêu cầu các Liên đoàn quốc tế tham gia Phong trào Olympic phải tuân thủ Bộ Luật này, và xem đó là

một điều kiện để được sự công nhận của Ủy ban Olympic quốc tế.

**20.1.3.** Từ chối một vài hoặc tất cả các hoạt động tài trợ cho Đại hội thể thao Olympic từ các tổ chức thể thao không tuân thủ Bộ Luật này.

**20.1.4.** Sử dụng biện pháp thích hợp để ngăn chặn việc không tuân thủ Bộ Luật như đã nêu tại Điều 23.5.

**20.1.5.** Ủy quyền và tạo điều kiện cho các Chương trình quan sát độc lập.

**20.1.6.** Yêu cầu tất cả Vận động viên và mỗi Cán bộ, nhân viên trợ giúp vận động viên tham gia Đại hội thể thao Olympic với các vai trò như huấn luyện viên, người quản lý, nhân viên của đội, bác sỹ, y tá v.v.) phải chấp thuận chịu sự ràng buộc của luật chống doping phù hợp với Bộ Luật này, và xem đó là một điều kiện để được tham dự.

**20.1.7.** Kiên quyết truy đến cùng những trường hợp có khả năng vi phạm doping nằm trong thẩm quyền xử lý của mình, bao gồm cả việc điều tra xem liệu Cán bộ, nhân viên trợ giúp vận động viên hoặc các Tổ chức, Cá nhân khác có dính líu vào mỗi vụ việc doping đó hay không.

**20.1.8.** Chỉ chấp nhận đủ tư cách ứng viên đăng cai Thế vận hội Olympic đối với những nước mà chính phủ của họ đã thừa nhận, phê chuẩn hoặc tán thành Công ước

UNESCO, và Ủy ban Olympic, Ủy ban Paralympic và Tổ chức chống Doping quốc gia của những nước đó đã ký kết văn bản tuân thủ Bộ Luật này.

**20.1.9.** Thúc đẩy hoạt động giáo dục phòng chống doping.

**20.1.10.** Phối hợp hoạt động với các tổ chức, cơ quan quốc gia có liên quan và với các Tổ chức chống Doping khác.

## **20.2. Vai trò và trách nhiệm của Ủy ban Paralympic quốc tế**

**20.2.1.** Thông qua và thực thi các chương trình hành động và luật chống doping dành cho Đại hội thể thao Paralympic phù hợp với Bộ Luật này.

**20.2.2.** Yêu cầu các Liên đoàn quốc tế tham gia Phong trào Paralympic phải tuân thủ Bộ Luật này, và xem đó là một điều kiện để được sự công nhận của Ủy ban Paralympic quốc tế,

**20.2.3.** Từ chối một số hoặc tất cả các hoạt động tài trợ dành cho Paralympic từ các tổ chức thể thao không tuân thủ Bộ Luật này.

**20.2.4.** Sử dụng biện pháp thích hợp để ngăn chặn việc không tuân thủ Bộ Luật như đã nêu tại Điều 23.5.

**20.2.5.** Ủy quyền và tạo điều kiện cho các chương trình quan sát độc lập.

**20.2.6.** Yêu cầu tất cả Vận động viên và mỗi Cán bộ, nhân viên trợ giúp vận động viên tham gia Đại hội thể thao Paralympic với các vai trò như huấn luyện viên, người quản lý, nhân viên của đội, bác sỹ, y tá v.v.) phải chấp thuận chịu sự ràng buộc của luật chống doping phù hợp với Bộ Luật này, và xem đó là một điều kiện để được tham dự.

**20.2.7.** Kiên quyết truy đến cùng các trường hợp có khả năng vi phạm doping nằm trong thẩm quyền xử lý của mình, bao gồm cả việc điều tra xem liệu Cán bộ, nhân viên trợ giúp vận động viên hoặc các Tổ chức, Cá nhân khác có dính líu vào mỗi vụ việc doping đó hay không.

**20.2.8.** Thúc đẩy hoạt động giáo dục phòng chống doping.

**20.2.9.** Phối hợp với các tổ chức, cơ quan quốc gia có liên quan và với các tổ chức chống Doping khác.

### **20.3. Vai trò và trách nhiệm của các Liên đoàn thể thao quốc tế**

**20.3.1.** Thông qua và thực thi các chương trình hành động và luật chống doping phù hợp với Bộ Luật này.

**20.3.2.** Yêu cầu các Liên đoàn thể thao quốc gia phải xây dựng các chương trình hành động và các luật lệ phù hợp với Bộ Luật này, và xem đó là một điều kiện để được công nhận là thành viên của tổ chức.

**20.3.3.** Yêu cầu tất cả Vận động viên và mỗi Cán bộ, nhân viên trợ giúp vận động viên tham gia cuộc Thi đấu hoặc các hoạt động được mình hoặc một trong những Tổ chức thành viên của mình ủy quyền hoặc đứng ra tổ chức, với các vai trò như huấn luyện viên, người quản lý, nhân viên của đội, bác sỹ, y tá v.v.) phải chấp thuận chịu sự ràng buộc của luật chống doping phù hợp với Bộ Luật này, và xem đó là một điều kiện để được tham dự.

**20.3.4.** Yêu cầu những Vận động viên không phải là hội viên thường xuyên của một Liên đoàn thể thao quốc tế phải luôn sẵn sàng cho việc lấy Mẫu xét nghiệm Doping và phải cung cấp đầy đủ những thông tin chính xác và cập nhật về nơi ở như những Vận động viên trong Nhóm đăng ký kiểm tra của Liên đoàn thể thao quốc tế phù hợp với những điều kiện để được Tổ chức thể thao quốc tế đó hoặc, một tổ chức thích hợp, Cơ quan tổ chức Giải đấu lớn chứng nhận đủ tư cách tham gia thi đấu.

**20.3.5.** Yêu cầu mỗi Liên đoàn thể thao quốc gia trực thuộc xây dựng các luật lệ đòi hỏi tất cả Vận động viên và mỗi Cán bộ, nhân viên trợ giúp vận động viên (ví dụ như huấn luyện viên, người quản lý, nhân viên của đội, bác sỹ, y tá v.v.) những người tham gia cuộc Thi đấu hoặc một hoạt động được một Liên đoàn thể thao quốc gia hoặc một tổ chức thành viên của mình tổ chức hoặc ủy quyền phải chấp thuận chịu sự ràng buộc của các điều luật chống doping phù hợp với Bộ Luật này và coi đó là một điều kiện tham gia thi đấu.

**20.3.6.** Sử dụng biện pháp thích hợp để ngăn chặn việc không tuân thủ Bộ Luật như đã nêu tại Điều 23.5.

**20.3.7.** Ủy quyền và tạo điều kiện cho các chương trình quan sát độc lập tại các giải đấu quốc tế.

**20.3.8** Từ chối một vài hoặc tất cả các tài trợ cho các Liên đoàn quốc gia thành viên của mình mà không tuân theo quy định của Bộ Luật này.

**20.3.9.** Kiên quyết truy đến cùng những trường hợp có khả năng vi phạm doping nằm trong thẩm quyền xử lý của mình, bao gồm cả việc điều tra xem liệu Cán bộ, nhân viên trợ giúp vận động viên hoặc các Tổ chức, Cá nhân khác có dính líu vào mỗi vụ việc doping đó hay không.

**20.3.10.** Làm hết sức mình để hướng tới mục tiêu, từ sau ngày 1/1/2010 chỉ những quốc gia, mà chính phủ của họ đã tán thành, chấp nhận và thông qua Công ước UNESCO, Ủy ban Olympic quốc gia, Ủy ban Paralympic quốc gia và Tổ chức chống Doping quốc gia của họ tuân thủ theo Bộ Luật này mới được trao việc tổ chức các Giải vô địch thế giới.

**20.3.11.** Thúc đẩy hoạt động giáo dục phòng chống doping.

**20.3.12.** Phối hợp hoạt động với các tổ chức, cơ quan quốc gia có liên quan và với các Tổ chức chống Doping khác.



## **20.4. Vai trò và trách nhiệm của Ủy ban Olympic quốc gia và Ủy ban Paralympic quốc gia**

**20.4.1.** Phải đảm bảo cho các chương trình hành động và luật chống doping phù hợp với Bộ Luật này.

**20.4.2.** Yêu cầu các Liên đoàn thể thao quốc gia phải xây dựng các chương trình hành động và các luật lệ phù hợp với Bộ Luật này, và xem đó là một điều kiện để được công nhận là thành viên của tổ chức.

**20.4.3.** Yêu cầu những Vận động viên không phải là hội viên thường xuyên của một Liên đoàn thể thao quốc gia phải luôn sẵn sàng cho việc lấy Mẫu xét nghiệm Doping và phải cung cấp đầy đủ những thông tin chính xác và cập nhật về nơi ở như những Vận động viên trong Nhóm đăng ký kiểm tra cấp quốc gia, trong vòng một năm trước kỳ Thế vận hội Olympic và Paralympic, coi đó là một điều kiện tham dự những Thế vận hội này.

**20.4.4.** Phải phối hợp hoạt động với Tổ chức chống Doping quốc gia trong nước.

**20.4.5.** Yêu cầu mỗi Liên đoàn thể thao quốc gia trực thuộc xây dựng các luật lệ đòi hỏi tất cả Vận động viên và mỗi Cán bộ, nhân viên trợ giúp vận động viên (ví dụ như huấn luyện viên, người quản lý, nhân viên của đội, bác sỹ, y tá v.v.) những người tham gia cuộc Thi đấu hoặc một hoạt động được một Liên đoàn thể thao quốc gia hoặc một tổ chức thành viên của mình tổ chức hoặc ủy quyền phải chấp thuận chịu sự ràng buộc của các điều

luật chống doping phù hợp với Bộ Luật này và coi đó là một điều kiện để được tham gia thi đấu.

**20.4.6.** Giữ lại một phần hoặc tất cả khoản tài trợ cho Vận động viên hoặc cho Cán bộ, Nhân viên trợ giúp vận động viên mà đã vi phạm luật chống doping đang trong thời gian bị Tước bỏ tư cách.

**20.4.7.** Giữ lại một phần hoặc tất cả các khoản tài trợ dành cho các thành viên hoặc các Liên đoàn thể thao quốc gia của mình nếu họ không tuân thủ Bộ Luật này..

**20.4.8.** Kiên quyết truy đến cùng những trường hợp có khả năng vi phạm doping nằm trong thẩm quyền xử lý của mình, bao gồm cả việc điều tra xem liệu Cán bộ, nhân viên trợ giúp vận động viên hoặc các Tổ chức, Cá nhân khác có dính líu vào mỗi vụ việc doping đó hay không.

**20.4.9.** Thúc đẩy hoạt động giáo dục phòng chống doping.

**20.4.10.** Phối hợp hoạt động với các tổ chức, cơ quan quốc gia có liên quan và với các Tổ chức chống Doping khác.

## **20.5. Vai trò và trách nhiệm của các Tổ chức chống Doping quốc gia**

**20.5.1.** Thông qua và thực thi các chương trình hành động và luật chống doping phù hợp với Bộ Luật này.

**20.5.2.** Phối hợp hoạt động với các tổ chức, cơ quan quốc gia có liên quan và với các Tổ chức chống Doping khác.

**20.5.3.** Khuyến khích việc kiểm tra lẫn nhau giữa các Tổ chức chống Doping quốc gia.

**20.5.4.** Đẩy mạnh công tác nghiên cứu về phòng chống doping.

**20.5.5.** Trong trường hợp đã cung cấp tài trợ cho Vận động viên, cần phải giữ lại một phần hoặc tất cả các khoản tài trợ đối với Vận động viên hoặc Cán bộ, Nhân viên trợ giúp Vận động viên đã vi phạm luật chống doping đang trong thời gian bị Tước bỏ tư cách.

**20.5.6.** Kiên quyết truy đến cùng những trường hợp có khả năng vi phạm doping nằm trong thẩm quyền xử lý của mình, bao gồm cả việc điều tra xem liệu Cán bộ, nhân viên trợ giúp vận động viên hoặc các Tổ chức, Cá nhân khác có dính líu vào mỗi vụ việc doping đó hay không.

**20.5.7.** Thúc đẩy hoạt động giáo dục phòng chống doping.

## **20.6. Vai trò và trách nhiệm của Ban tổ chức Giải đấu lớn**

**20.6.1.** Thông qua và thực thi các chương trình hành động và luật chống doping phù hợp với Bộ Luật này.

**20.6.2.** Sử dụng biện pháp thích hợp để ngăn chặn việc không tuân thủ Bộ Luật như đã nêu tại Điều 23.5.

**20.6.3.** Ủy quyền và tạo điều kiện cho các chương trình quan sát độc lập.

**20.6.4.** Yêu cầu tất cả Vận động viên và mỗi Cán bộ, nhân viên trợ giúp vận động viên (ví dụ như huấn luyện viên, người quản lý, nhân viên của đội, bác sỹ, y tá v.v.) những người tham gia Giải phải chấp thuận chịu sự ràng buộc của các điều luật chống doping phù hợp với Bộ Luật này và coi đó là một điều kiện để được tham dự.

**20.6.5.** Kiên quyết truy đến cùng những trường hợp có khả năng vi phạm doping nằm trong thẩm quyền xử lý của mình, bao gồm cả việc điều tra xem liệu Cán bộ, nhân viên trợ giúp vận động viên hoặc các Tổ chức, Cá nhân khác có dính líu vào mỗi vụ việc doping đó hay không.

**20.6.6.** Làm hết sức mình để hướng tới mục tiêu, từ sau ngày 1/1/2010 chỉ những quốc gia, mà chính phủ của họ đã tán thành, chấp nhận và thông qua Công ước UNESCO, Ủy ban Olympic quốc gia, Ủy ban Paralympic quốc gia và Tổ chức chống Doping quốc gia của họ tuân thủ theo Bộ Luật này mới được trao việc tổ chức các Giải đấu lớn.

**20.6.7.** Thúc đẩy hoạt động giáo dục phòng chống doping.

**20.6.8.** Phối hợp hoạt động với các tổ chức, cơ quan quốc gia có liên quan và với các Tổ chức chống Doping khác.

## **20.7. Vai trò và trách nhiệm của WADA**

**20.7.1.** Thông qua và thực thi các chương trình hành động và các quy định về tình tự thủ tục phù hợp với Bộ Luật này.

**20.7.2.** Giám sát việc tuân thủ Bộ Luật của các Bên ký kết.

**20.7.3.** Thông qua các “Tiêu chuẩn quốc tế” thích hợp với việc thực thi Bộ Luật này.

**20.7.4.** Cấp phép mới hoặc tái cấp phép cho các phòng thí nghiệm được tiến hành phân tích mẫu hoặc đồng ý cho các phòng thí nghiệm khác được tiến hành phân tích mẫu.

**20.7.5.** Xây dựng và thông qua các biểu mẫu, tài liệu kỹ thuật và hướng dẫn thực hiện.

**20.7.6.** Thúc đẩy, thực thi, ủy nhiệm, tài trợ và phối hợp nghiên cứu về phòng chống doping và đẩy mạnh hoạt động giáo dục phòng chống doping.

**20.7.7.** Lên kế hoạch và tiến hành chương trình quan sát độc lập một cách có hiệu quả.

**20.7.8.** Tiến hành Kiểm tra doping theo sự ủy quyền của các Tổ chức chống Doping khác và phối hợp với các

cơ quan, tổ chức quốc gia và quốc tế có liên quan, bao gồm cả, nhưng không hạn chế, việc tạo điều kiện cho các cuộc thẩm vấn và các cuộc điều tra.

## **ĐIỀU 21. VAI TRÒ VÀ TRÁCH NHIỆM KHÁC CỦA VẬN ĐỘNG VIÊN VÀ CÁC TỔ CHỨC, CÁ NHÂN KHÁC**

### **21.1. Vai trò và trách nhiệm của Vận động viên**

**21.1.1.** Hiểu rõ và tuân thủ tất cả các chương trình hành động và các điều luật chống doping thích hợp đã được thông qua theo đúng tinh thần của Bộ Luật này.

**21.1.2.** Luôn sẵn sàng cho việc lấy Mẫu xét nghiệm doping.

**21.1.3.** Tự chịu trách nhiệm về những gì mình đưa vào cơ thể sử dụng theo tinh thần phòng chống doping.

**21.1.4.** Phải thông báo với bác sỹ, y tá có liên quan tới mình rằng họ phải cam kết không sử dụng các Chất bị cấm và các Phương pháp bị và phải chịu trách nhiệm đảm bảo tất cả các đợt điều trị đã tiến hành đều không vi phạm chương trình hành động và các điều luật chống doping đã được thông qua phù hợp quy định của Bộ Luật này.

### **21.2. Vai trò và trách nhiệm của Cán bộ, Nhân viên trợ giúp Vận động viên**

**21.2.1.** Hiểu rõ và tuân thủ tất cả các chương trình hành động và các điều luật chống doping thích hợp đã được thông qua theo đúng tinh thần của Bộ Luật này cùng các các chương trình hành động và các điều luật

thích hợp dành cho họ hoặc cho những Vận động viên mà họ chăm sóc.

**21.2.2.** Phối hợp trong các chương trình Kiểm tra doping Vận động viên.

**21.2.3.** Dùng ảnh hưởng của mình đối với Vận động viên để tạo nên sự quý trọng và cách hành xử hướng tới việc nuôi dưỡng quan điểm chống doping ở Vận động viên.



## **ĐIỀU 22. VAI TRÒ CỦA CHÍNH PHỦ CÁC NƯỚC**

Cam kết của mỗi chính phủ đối với Bộ Luật này được minh chứng bằng việc ký kết Tuyên bố Copenhagen về phòng chống doping trong thể thao ngày 3/3/2003 và bằng việc phê chuẩn, chấp nhận và tán thành Công ước UNESCO. Các Điều luật sau đây chỉ ra những điều kỳ vọng đối với các Bên ký kết:

**22.1.** Mỗi chính phủ sẽ thực hiện tất cả các hành động và biện pháp cần thiết phù hợp với Công ước UNESCO.

**22.2.** Mỗi chính phủ sẽ khuyến khích tất cả các cơ quan, tổ chức nhà nước chia sẻ thông tin có ích trong cuộc chiến chống doping với các Tổ chức chống Doping và nếu như việc chia sẻ thông tin của các tổ chức này không bị pháp luật cấm.

**22.3.** Mỗi chính phủ cần phải tôn trọng, thừa nhận việc xét xử là biện pháp tối ưu khi giải quyết các vấn đề tranh chấp liên quan tới doping.

**22.4.** Các chính phủ cần phải đáp ứng những mong đợi được nêu Tại Điều luật này trước ngày 1/1/2010.

**22.5.** Việc một chính phủ không tán thành, chấp nhận thông qua, phê chuẩn Công ước UNESCO trước ngày 1/1/2010 hoặc không tuân thủ theo đúng Công ước này

có thể dẫn đến việc không được đăng ký đăng cai các Giải đấu quy định tại Điều 20.1.8 (Ủy ban Olympic quốc tế), Điều 20.3.10 (Liên đoàn thể thao quốc tế) và 20.6.6 (Ban tổ chức Giải đấu lớn) và có thể phải chịu các hậu quả khác, ví dụ như tước bỏ chức vụ và vị trí trong WADA, không đủ tư cách hoặc không được phép xin đăng cai bất kỳ Giải đấu quốc tế nào, tước quyền đăng cai các Giải đấu quốc tế hoặc các hậu quả khác theo quy định của Hiến chương Olympic.

*Chú giải Điều 22: Hầu hết các chính phủ điều không thể là các Bên ký kết hoặc không thể bị ràng buộc bởi những văn kiện riêng tư phi chính phủ, như Bộ Luật này. Vì thế không đòi hỏi các chính phủ phải là các Bên ký kết đối với Bộ Luật này, thay vào đó họ phải ký kết Tuyên bố Copenhagen và phải phê chuẩn tán thành Công ước UNESCO. Mặc dù cơ chế thông qua có thể khác nhau, nhưng những nỗ lực chống doping thông qua chương trình có sự phối hợp hài hòa được phản ánh trong Bộ Luật này là một nỗ lực chung giữa các cơ quan thể thao và các chính phủ.*

## CHƯƠNG IV

### VIỆC CHẤP NHẬN, TUÂN THỦ, BỔ SUNG SỬA ĐỔI VÀ GIẢI THÍCH VỀ BỘ LUẬT

---

#### **ĐIỀU 23. CHẤP NHẬN, TUÂN THỦ VÀ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG BỘ LUẬT**

##### **23.1. Chấp nhận Bộ Luật này**

**23.1.1.** Các chủ thể dưới đây phải là Bên ký kết chấp nhận Bộ Luật này:

WADA, Ủy ban Olympic quốc tế, Ủy ban Paralympic quốc tế, các Liên đoàn thể thao quốc tế, các Ủy ban Olympic quốc gia, các Ủy ban Paralympic quốc gia, các Ban tổ chức Giải đấu lớn và các Tổ chức chống Doping quốc gia.

Các cơ quan này sẽ chấp nhận Bộ Luật bằng việc ký một tuyên bố chấp nhận dựa trên sự đồng ý của cơ quan quản lý cấp trên của họ.

**23.1.2.** Các tổ chức thể thao khác mà không trực thuộc sự quản lý của một Bên ký kết cũng có thể ký tuyên bố chấp nhận Bộ Luật này thông qua thư đề nghị của WADA.

**23.1.3.** Danh sách tất cả các tổ chức đã ký tuyên bố chấp nhận này sẽ được WADA công bố.

*Chú giải Điều 23.1.1: Mỗi Bên ký kết chấp nhận sẽ ký một bản sao giống hệt theo mẫu tuyên bố chung về việc chấp nhận và gửi tới WADA. Việc chấp nhận sẽ được ủy quyền trong các tài liệu nội bộ của mỗi tổ chức. Ví dụ: đối với Liên đoàn thể giới - thông qua Đại hội của họ và đối với WADA – thông qua Hội đồng sáng lập.*

*Chú giải mục 23.1.2: Khuyến khích những liên đoàn thể thao nhà nghề nào mà không thuộc thẩm quyền quản lý của một chính phủ hay Liên đoàn thể thao quốc tế .tham gia ký kết chấp nhận Bộ Luật này.*

## **23.2. Việc thực thi Bộ Luật**

**23.2.1.** Các bên ký kết sẽ thực thi các điều khoản quy định thích hợp của Bộ Luật này thông qua các chương trình hành động, quy chế, luật hoặc điều lệ theo thẩm quyền và trong phạm vi trách nhiệm có liên quan của mình.

**23.2.2.** Những Điều luật thích hợp đối với lĩnh vực hoạt động chống doping mà Tổ chức chống doping thực hiện dưới đây (và phần chú giải cho mỗi điều) đều phải được các Bên ký kết thực thi đầy đủ mà không có sự thay đổi đáng kể nào (cho phép thay đổi không đáng kể trong

cách diễn đạt ngôn ngữ khi đề cập đến tên của tổ chức, môn thể thao, số đầu mục v.v.).

- Điều 1 (Khái niệm về doping)
- Điều 2 (Các hành vi vi phạm luật chống doping)
- Điều 3 (Bằng chứng về doping)
- Điều 4.2.2 (Các Chất đặc hiệu)
- Điều 4.3.3 (Quyết định của WADA về Danh mục các chất và các Phương pháp bị cấm)
- Điều 7.6 (Ngừng tham gia thi đấu thể thao)
- Điều 9 (Mặc nhiên bị Tước bỏ thành tích thi đấu cá nhân)
- Điều 10 (Các hình thức xử phạt đối với cá nhân)
- Điều 11 (Những hậu quả liên lụy tới các đội)
- Điều 13 (Khiếu nại) ngoại trừ điều 13.2.2 và 13.5
- Điều 15.4 (Công nhận lẫn nhau)
- Điều 17 (Thời hiệu xử phạt)
- Điều 24 (Giải thích thêm về Bộ Luật)
- Phụ lục 1 – Các định nghĩa

Không được đưa thêm vào luật của Bên ký kết bất kỳ quy định nào mà có thể làm thay đổi hiệu lực của những điều, mục được kể đến trong Điều này.

**23.2.3.** Khuyến khích các Bên ký kết sử dụng Các tài liệu kỹ thuật và các văn bản hướng dẫn thực hiện trong quá trình thực thi Bộ Luật này,

### **23.3. Việc tuân thủ Bộ Luật**

**23.3.1.** Các Bên ký kết sẽ không được xem là tuân thủ Bộ Luật này nếu như họ không công nhận và thực thi Bộ Luật theo đúng những quy định tại các Điều 23.1 và 23.2. Đồng thời, các Bên ký kết cũng sẽ không còn được xem là tuân thủ Bộ Luật này khi đã rút khỏi thỏa thuận công nhận.

### **23.4. Giám sát việc Tuân thủ Bộ Luật và Công ước UNESCO**

**23.4.1.** Hoạt động giám sát việc Tuân thủ Bộ Luật này sẽ do WADA hoặc một cơ quan khác thực hiện theo thỏa thuận của WADA. Cơ quan giám sát việc Tuân thủ các cam kết được phản ánh trong Công ước UNESCO sẽ được quyết định tại Hội nghị của các bên tham gia Công ước sau khi đã tham vấn nhà nước của các bên và WADA. WADA sẽ khuyến cáo chính phủ các nước về việc thực thi Bộ Luật này đối với các Bên ký kết và khuyến cáo các Bên ký kết về việc tán thành, chấp nhận, thông qua hoặc tham gia Công ước UNESCO của các chính phủ.

**23.4.2.** Để tạo điều kiện cho việc giám sát, theo định kỳ hai năm một lần, mỗi Bên ký kết phải báo cáo WADA

về việc tuân thủ Bộ Luật này của mình và phải giải thích những lý do trong trường hợp đã không tuân thủ.

**23.4.3.** Việc các Bên ký kết không cung cấp được các thông tin về việc tuân thủ Bộ Luật mà WADA đã yêu cầu theo quy định tại Điều 23.4.2 hoặc tại các điều luật khác của Bộ Luật này sẽ có thể bị xem như không tuân thủ Bộ Luật.

**23.4.4.** Tất cả các báo cáo tuân thủ Bộ Luật sẽ được Hội đồng sáng lập của WADA thông qua. WADA sẽ đối thoại với Bên ký kết trước khi tuyên bố Bên ký kết đó đã không tuân thủ Bộ Luật. Báo cáo kết luận một Bên ký kết nào đó đã không tuân thủ Bộ Luật này phải được Hội đồng sáng lập của WADA thông qua tại một phiên họp sau khi đã dành cho Bên ký kết đó một cơ hội để trình những lý lẽ biện hộ bằng văn bản tới Hội đồng sáng lập của WADA. Quyết định của Hội đồng sáng lập của WADA về việc Bên ký kết không tuân thủ Bộ Luật có thể được khiếu nại theo quy định tại Điều 13.5.

**23.4.5.** WADA cần phải thực hiện việc báo cáo về vấn đề tuân thủ Bộ Luật tới Ủy ban Olympic quốc tế, Ủy ban Paralympic quốc tế, các Liên đoàn thể thao quốc tế và các Cơ quan tổ chức Giải đấu lớn. Những báo cáo này cũng cần phải được công bố rộng rãi.

**23.4.6.** WADA sẽ xem xét những giải thích về việc không tuân thủ và, trong những tình huống đặc biệt có thể khuyến cáo Ủy ban Olympic quốc tế, Ủy ban Paralympic

quốc tế, các Liên đoàn thể thao quốc tế và các Cơ quan tổ chức Giải đấu lớn tạm thời tha thứ cho việc không tuân thủ này.

### **23.5. Những hậu quả khác mà Bên đã ký kết có thể phải chịu nếu không tuân thủ Bộ Luật**

Ngoài những hình phạt như là: Tước bỏ tư cách ứng viên đăng cai các Giải đấu lớn như đã được nêu tại Điều 20.1.8 (Ủy ban Olympic quốc tế), Điều 20.3.10 (các Liên đoàn thể thao quốc tế) và Điều 20.6.6 (các Cơ quan tổ chức Giải đấu lớn), Bên ký kết không tuân thủ Bộ Luật có thể phải chịu các hậu quả khác, ví dụ như tước bỏ chức vụ và vị trí trong WADA, Tước bỏ tư cách, không được nhận làm ứng viên đăng cai bất kỳ Giải đấu quốc tế nào trên đất nước mình, tước quyền đăng cai các Giải đấu quốc tế lớn hoặc các hậu quả khác theo Hiến chương Olympic.

Quyết định áp đặt các hình thức xử phạt như trên có thể được khiếu nại lên Tòa án thể thao quốc tế (CAS) theo như quy định tại điều 13.5.

*Chú giải điều 23.4.6: WADA thừa nhận rằng, giữa các bên ký kết và các chính phủ có sự khác biệt đáng kể về kinh nghiệm, nguồn lực và các ràng buộc pháp luật liên quan tới các hoạt động chống doping. WADA sẽ cân nhắc đến những khác biệt này trong quá trình xem xét việc một tổ chức có tuân thủ Bộ Luật này hay không.*



## **23.6. Việc sửa đổi Bộ Luật**

**23.6.1.** WADA chịu trách nhiệm trong việc giám sát quá trình sửa đổi và hoàn thiện Bộ Luật này. Tất cả các Vận động viên, các Bên ký kết và các chính phủ sẽ được mời tham gia vào quá trình này.

**23.6.2.** WADA sẽ đề xuất những sửa đổi, bổ sung bắt buộc đối với Bộ Luật và sẽ đảm bảo quá trình tham vấn cả những ý kiến chấp nhận và cả những ý kiến phản đối những sửa đổi được nêu ra, đồng thời sẽ tạo điều kiện thuận lợi để các Vận động viên, các Bên ký kết, các chính phủ xem xét và phản hồi về những sửa đổi đã được đề xuất.

**23.6.3.** Sau quá trình tư vấn, các sửa đổi trong Bộ Luật sẽ được thông qua nếu nhận được sự chấp thuận của ít nhất 2/3 thành viên Hội đồng sáng lập của WADA, trong đó phải nhận được đa số phiếu tán thành của cả các thành phần xã hội nói chung và cả các thành viên của phong trào Olympic. Các thay đổi này sẽ có hiệu lực sau 3 tháng kể từ ngày thông qua, trừ khi có những quy định khác.

**23.6.4.** Các Bên ký kết sẽ phải hoàn thành việc sửa đổi luật của mình nhất quán với Bộ Luật phòng chống doping thế giới – 2009 này vào đúng, hoặc trước ngày 1/1/2009, để bắt đầu có hiệu lực từ ngày 1/1/2009. Các Bên ký kết sẽ phải thực hiện bất kỳ sửa đổi thích hợp tiếp theo nào về Bộ Luật trong vòng 1 năm do Hội đồng sáng lập của WADA thông qua.

### **23.7. Rút khỏi thỏa ước chấp nhận Bộ Luật**

Các bên ký kết có thể rút lại việc chấp nhận Bộ Luật này sau sáu tháng kể từ ngày thông báo bằng văn bản cho WADA về ý định này của họ.

## **ĐIỀU 24. GIẢI THÍCH THÊM VỀ BỘ LUẬT**

**24.1.** Văn bản chính thức của Bộ Luật sẽ được WADA lưu giữ và được xuất bản bằng tiếng Anh và tiếng Pháp. Trong trường hợp xảy ra bất đồng ngôn ngữ giữa bản tiếng Anh và bản tiếng Pháp thì bản tiếng Anh sẽ được áp dụng.

**24.2.** Những nhận xét, chú giải về các điều khoản quy định khác nhau của Bộ Luật sẽ được dùng để giải thích rõ hơn về Bộ Luật.

**24.3.** Bộ Luật này được hiểu là một văn bản độc lập và tự trị không thuộc phạm vi xem xét về mặt pháp luật hoặc các đạo luật hiện hành của các Bên ký kết hoặc các chính phủ.

**24.4.** Tiêu đề của các chương và các Điều của Bộ Luật chủ yếu nhằm làm cho việc theo dõi được thuận tiện và sẽ không được xem là phần căn bản của Bộ Luật hoặc không làm ảnh hưởng tới cách diễn đạt các quy định được đề cập dưới những tiêu đề này.

**24.5.** Bộ Luật này không có hiệu lực hồi tố đối với những vụ việc chưa được xét xử trước ngày Bộ Luật được Bên ký kết chấp nhận và được thực thi trong luật của Bên ký kết đó. Tuy nhiên, những vi phạm luật chống doping đã có trước khi Bộ Luật này được thông qua vẫn

được tính là “vi phạm lần đầu” hoặc “vi phạm lần hai” để quyết định mức xử phạt theo Điều 10 dành cho những hành vi vi phạm điều luật chống doping đã tồn tại sau đó, trước khi Bộ Luật này được thông qua.

**24.6.** Mục đích, phạm vi và việc tổ chức chương trình chống doping toàn cầu và Bộ Luật cùng với phần Phụ lục 1 – Các định nghĩa sẽ được xem như các phần không thể tách rời của Bộ Luật này.

## **ĐIỀU 25. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI NHỮNG TÌNH HUỐNG QUÁ ĐỘ CỦA LUẬT**

### **25.1. Thời điểm áp dụng chính thức Bộ Luật 2009**

Bộ Luật 2009 sẽ được áp dụng đầy đủ từ ngày 1/1/2009 (ngày có hiệu lực).

### **25.2. Không áp dụng hồi tố trừ khi nguyên tắc “Lex Mitior” được áp dụng**

Đối với bất kỳ vụ việc về vi phạm luật chống doping nào còn đang treo cho tới ngày Bộ Luật này có hiệu lực và những vụ việc về vi phạm điều luật chống doping được đưa ra sau ngày Bộ Luật này có hiệu lực căn cứ hành vi vi phạm luật chống doping đã xảy ra từ trước ngày Bộ Luật này có hiệu lực, thì việc kiện tụng này sẽ phải chịu sự điều chỉnh của luật chống doping tồn tại hiệu lực tại thời điểm vi phạm về doping bị cáo buộc đã xảy ra, trừ khi hội đồng xét xử quyết định áp dụng nguyên tắc “Lex Mitior” là thích hợp, căn cứ các tình tiết của vụ việc này.

*Nguyên tắc “Lex Mitior” được hiểu là nếu luật liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo đã được sửa đổi, luật ít nghiêm trọng hơn nên được áp dụng.*

### **25.3. Áp dụng đối với những Quyết định được tổng đạt trước Bộ Luật 2009**

Đối với những vụ việc trong đó quyết định cuối cùng kết luận việc vi phạm doping đã được tổng đạt trước ngày có hiệu lực này, nhưng Vận động viên hoặc Tổ chức, Cá nhân khác vẫn đang chấp hành mức thời hạn bị Tước bỏ tư cách như mức thời hạn tại ngày có hiệu lực này, thì Vận động viên hoặc Tổ chức, Cá nhân đó có thể đệ đơn tới Tổ chức chống Doping chịu trách nhiệm quản lý kết quả đối với vi phạm về doping đó để được xem xét giảm mức thời hạn bị Tước bỏ tư cách đó theo mức giảm nhẹ của Bộ Luật 2009 này. Đơn này phải được gửi đến trước khi thời hạn bị Tước bỏ tư cách kết thúc. Quyết định do Tổ chức chống Doping tổng đạt có thể được khiếu nại theo quy định tại Điều 13.2. Bộ Luật phòng chống doping thế giới- 2009 không áp dụng đối với bất kỳ vụ việc về vi phạm doping nào mà quyết định cuối cùng phát hiện vi phạm doping đó đã được tổng đạt và thời hạn bị Tước bỏ tư cách đã hết.

### **25.4. Việc áp dụng đối với những vi phạm các điều luật chống doping có hiệu lực đến trước ngày Bộ Luật này được thông qua mà có liên quan đến Chất đặc hiệu**

Để áp dụng Điều 10.7.1, một hành vi vi phạm các điều luật chống doping có hiệu lực cho đến khi Bộ Luật này được thực thi mà vi phạm đó có liên quan tới một chất

được xếp vào danh mục Chất đặc hiệu theo quy định của Bộ Luật- 2009 này và thời hạn bị Tước bỏ tư cách đã áp đặt ít hơn 2 năm, thì hành vi vi phạm này sẽ được xem như là một hình phạt được giảm.

*(Chú giải Điều 25.4: Khác với tình huống được mô tả tại Điều 25.4, trong trường hợp một quyết định phát hiện hành vi vi phạm điều luật chống doping đã được tổng đạt trước khi có Bộ Luật này hoặc theo Bộ Luật này trước năm 2009 và thời hạn bị Tước bỏ tư cách bị áp đặt đã được chấp hành đầy đủ, thì Bộ Luật-2009 có thể không được sử dụng để xác định lại tính chất của hành vi vi phạm trước đó nữa).*

### **25.5. Các sửa đổi khác của Bộ Luật**

Bất kỳ sửa đổi, bổ sung nào đối với Bộ Luật này sẽ có hiệu lực thi hành theo quy định tại Điều 23.6.

# **BỘ LUẬT PHÒNG CHỐNG DOPING THỂ GIỚI - 2009**

**NHÀ XUẤT BẢN THỂ DỤC THỂ THAO**

7.Trịnh Hoài Đức – Hà Nội

ĐT: 04.38456155 – 04.38437013; Fax: 04.38456867

Email: [nxbtdtt@vnn.vn](mailto:nxbtdtt@vnn.vn)

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

48 Nguyễn Đình Chiểu Q.1, ĐT: 38298378

***Chịu trách nhiệm xuất bản:***

***Giám đốc***

**TS. Nguyễn Ngọc Kim Anh**

*Biên tập* : Nguyễn Quý Bình

*Trình bày* : Thu Hương

*Trình bày bìa* : Quang Vinh

---

Số đăng ký: 05-2014/CXB/20-595/TDĐT

Quyết định XB số: 142/QĐ/XBTDTT, ngày 7 tháng 5 năm 2014

In 1000 cuốn, khổ 13 x 19 cm tại:

In xong và nộp lưu chiểu quý II năm 2014